**CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN CUỘC THI TRỰC TUYẾN**

**“TÌM HIỂU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023”**

**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN**

**PHẦN 1**

 **TÌM HIỂU VỀ NGHỊ QUYẾT SỐ 05-NQ/TU NGÀY 14/12/2021**

***Câu 01: Theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, mục tiêu trọng tâm Cải cách hành chính trong giai đoạn 2021 - 2030 là?***

A. Đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh một cách đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, trên tất cả các lĩnh vực và trong cả hệ thống chính trị; xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động, hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

B. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan Đảng, cơ quan hành chính nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

**C. Cải cách thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất tốt; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.**

***Đáp án C***

***Câu 02****:* ***Theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 là?***

**A. Chỉ số cải cách hành chính (PAR index), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trong nhóm 15; chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT index) trong nhóm 10 các tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Giai đoạn 2026 - 2030 phấn đấu tăng thứ hạng các chỉ số so với năm 2025**.

B.Chỉ số cải cách hành chính (PAR index), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trong nhóm 10; chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT index) trong nhóm 10 các tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Giai đoạn 2026 - 2030 phấn đấu tăng thứ hạng các chỉ số so với năm 2025.

C. Chỉ số cải cách hành chính (PAR index), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trong nhóm 20; chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT index) trong nhóm 10 các tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Giai đoạn 2026 - 2030 phấn đấu tăng thứ hạng các chỉ số so với năm 2025.

***Đáp án A***

***Câu 03****:* ***Theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, đâu là yêu cầu CCHC tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030?***

A. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chất lượng, chuyên nghiệp. Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức phải theo đúng vị trí việc làm, đảm bảo tiêu chuẩn, trình độ, năng lực, phẩm chất với số lượng, cơcấu hợp lý, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm.

B. Thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa, thuận lợi trong giao dịch, giảm thời gian, chi phí thực hiện, góp phần giảm thiểu phiền hà, nhũng nhiễu, tiêu cực, nâng cao được mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

**C. Cả 2 Đáp án trên.**

***Đáp án C***

***Câu 4****:* ***Theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Cải cách hành chính tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030 đặt ra bao nhiêu yêu cầu?***

A. 5

**B. 6**

C. 7

***Đáp án B***

***Câu 05: Theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Cải cách hành chính tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030 đưa ra bao nhiêu nhiệm vụ giải pháp chủ yếu?***

A. 5

**B. 9**

C. 12

***Đáp án B***

***Câu 06:******Theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Cải cách hành chính tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030 đưa ra bao nhiêu nhiệm vụ giải pháp chủ yếu?***

**A. 9**

B. 10

C. 11

***Đáp án A***

***Câu 07:******Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được phổ biến tới đâu?***

**A. Phổ biến đến chi bộ và trên các phương tiện thông tin đại chúng.**

B. Phổ biến đến các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

C. Phổ biến đến mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

***Đáp án A***

***Câu 08: Theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, yêu cầu đối với cải cách thể chế là?***

**A. Các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ kịp thời, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.**

B. Các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được xây dựng đảm bảo đúng quy định của pháp luật

C. Các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được bãi bỏ kịp thời, đảm bảo đúng quy định của pháp luật

***Đáp án A***

***Câu 09: Đâu là mục tiêu của Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh?***

A. Xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, từng bước hiện đại; hệ thống cơ quan hành chính nhà nước các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, liêm chính, có khát vọng phát triển; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm mục tiêu phục vụ.

B. Trọng tâm cải cách hành chính trong giai đoạn 2021 - 2030 là: Cải cách thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất tốt; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

**C. Phấn đấu đến năm 2025: Chỉ số cải cách hành chính (PAR index), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trong nhóm 15; chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT index) trong nhóm 10 các tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Giai đoạn 2026 - 2030 phấn đấu tăng thứ hạng các chỉ số so với năm 2025.**

***Đáp án C***

***Câu 10: Theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, yêu cầu đối với cải cách thể chế là?***

**A. Các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ kịp thời, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.**

B. Các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được xây dựng đảm bảo đúng quy định của pháp luật

C. Các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được bãi bỏ kịp thời, đảm bảo đúng quy định của pháp luật

***Đáp án A***

***Câu 11: Theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, yêu cầu đối với cải cách thủ tục hành chính là?***

A. Thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa, thuận lợi trong giao dịch, giảm thời gian, chi phí thực hiện, góp phần giảm thiểu phiền hà, nhũng nhiễu, tiêu cực.

B. Thủ tục hành chính giảm thiểu phiền hà, nhũng nhiễu, tiêu cực, nâng cao được mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

**C. Thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa, thuận lợi trong giao dịch, giảm thời gian tối đa đối với tất cả các lĩnh vực, nâng cao được mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.**

***Đáp án C***

***Câu 12: Theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, yêu cầu đối với cải cách tổ chức bộ máy là?***

A. Tổ chức bộ máy được sắp xếp theo hướng tinh gọn; chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm phải được xác định rõ; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị được bảo đảm và nâng cao.

B. Tổ chức bộ máy được sắp xếp theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, tổ chức trung gian, giảm cấp phó.

**C. Tổ chức bộ máy được sắp xếp theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, tổ chức trung gian, giảm cấp phó; chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm phải được xác định rõ; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị được bảo đảm và nâng cao.**

***Đáp án C***

***Câu 13: Theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, yêu cầu cách chế độ công vụ, công chức là?***

A. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chất lượng, chuyên nghiệp.

**B. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chất lượng, chuyên nghiệp. Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức phải theo đúng vị trí việc làm, đảm bảo tiêu chuẩn, trình độ, năng lực, phẩm chất gắn với số lượng, cơ cấu hợp lý, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm.**

C. Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức phải theo đúng vị trí việc làm, đảm bảo tiêu chuẩn, trình độ, năng lực, phẩm chất với số lượng, cơcấu hợp lý, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm.

***Đáp án B***

***Câu 14: Theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, yêu cầu cách tài chính công là?***

A. Nguồn lực tài chính công được phân bổ, quản lý, sử dụng hợp lý

B. Nguồn lực tài chính công được sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả.

**C. Nguồn lực tài chính công được phân bổ, quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả**.

***Đáp án C***

***Câu 15: Theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số là là?***

**A. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số bảo đảm hoạt động quản lý điều hành của chính quyền các cấp** **thống suốt, nhanh chóng, hiệu quả, phục vụ tốt người dân, doanh nghiệp.**

B. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số để phục vụ tốt người dân, doanh nghiệp.

C. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số đảm bảo hoạt động quản lý điều hành của chính quyền các cấp.

***Đáp án A***

**PHẦN 2**

**TÌM HIỂU VỀ NGHỊ QUYẾT SỐ 09-NQ/TU VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

***Câu 16: Theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, mục tiêu cụ thể đến năm 2025 về chính quyền số là?***

**A. 100% cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng; 100% cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được triển khai trên nền tảng điện toán đám mây.**

B. 90% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số; 90% cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin.

C. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 60% trở lên; tối thiểu 80% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

***Đáp án A***

***Câu 17.*** ***Theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, mục tiêu tổng quát đến năm 2025 là?***

A. Chuyển đổi số hướng đến thực hiện mục tiêu toàn diện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, trọng tâm là phát triển cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; gắn quá trình chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ công của chính quyền các cấp; phấn đấu luôn giữ vị trí thuộc nhóm 20 - 25 tỉnh, thành phố có chỉ số cao về chuyển đổi số.

B. Chuyển đổi số hướng đến thực hiện mục tiêu toàn diện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, trọng tâm là phát triển cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; gắn quá trình chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ công của chính quyền các cấp; phấn đấu luôn giữ vị trí thuộc nhóm 20 - 30 tỉnh, thành phố có chỉ số cao về chuyển đổi số.

**C. Chuyển đổi số hướng đến thực hiện mục tiêu toàn diện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, trọng tâm là phát triển cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; gắn quá trình chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ công của chính quyền các cấp; phấn đấu luôn giữ vị trí thuộc nhóm 25 - 30 tỉnh, thành phố có chỉ số cao về chuyển đổi số.**

***Đáp án C***

***Câu 18****:* ***Theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, mục tiêu nào sau đây là mục tiêu cụ thể về chuyển đổi số đến năm 2030 của tỉnh Nghệ An?***

A. Hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu và dịch vụ số đồng bộ 3 cấp và kết nối với Trung ương; hoạt động giao dịch giữa các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp cơ bản được thực hiện trên các nền tảng công nghệ số.

B. 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 95% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 85% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước, hồ sơ công việc có nội dung mật).

**C. Cả 2 Đáp án trên.**

***Đáp án C***

***Câu 19****:* ***Theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đề ra bao nhiêu nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm?***

A. 6

**B. 7**

C. 8

***Đáp án B***

***Câu 20: Theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2030 đặt ra bao nhiêu mục tiêu cụ thể đến năm 2030?***

**A. 6**

B. 8

C. 10

***Đáp án A***

***Câu 21:*** ***Theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, một trong những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm về phát triển hạ tầng số là?***

A. Phát triển hạ tầng kỹ thuật số trên cơ sở kết hợp mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để kết nối liên thông, xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã. Thực hiện kịp thời việc cập nhật, liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia theo lộ trình triển khai của các bộ, ngành và Chính phủ; ứng dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

B. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các ban, sở, ngành, địa phương; chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, quản lý tập trung các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

**C. Phát triển hạ tầng kỹ thuật số trên cơ sở kết hợp mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để kết nối liên thông, xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các ban, sở, ngành, địa phương; chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, quản lý tập trung các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Thực hiện kịp thời việc cập nhật, liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia theo lộ trình triển khai của các bộ, ngành và Chính phủ; ứng dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.**

***Đáp án C***

***Câu 22:******Theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, một trong những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm về phát triển nhân lực chuyển đổi số là?***

**A. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương; cán bộ lãnh đạo, quản lý phải chủ động, tiên phong sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số và dẫn dắt quá trình chuyển đổi số.**

B. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho lãnh đạo các doanh nghiệp.

C. Cán bộ lãnh đạo, quản lý phải chủ động, tiên phong sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số và dẫn dắt quá trình chuyển đổi số.

***Đáp án A***

***Câu 23: Trong các nội dung sau đây đâu quan điểm về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 được nêu tại Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh?***

A. Chuyển đổi số yêu cầu sự tham gia của toàn dân.

**B.** Doanh nghiệp, người dân là trung tâm, mục tiêu, động lực của chuyển đổi số. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trong các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và người dân.

C. Chuyển đổi số yêu cầu sự tham gia của toàn dân.

***Đáp án B***

***Câu 24: Theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, mục tiêu cụ thể đến năm 2025 về kinh tế số là?***

A. Kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP.

**B. Từ 80% người dân 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác.**

C. Phấn đấu có ít nhất từ 02 đến 03 cơ sở giáo dục triển khai đào tạo về thương mại điện tử; trên 3.000 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, hộ kinh doanh, cán bộ công chức, viên chức, sinh viên, thanh niên khởi nghiệp được tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn về thực thi pháp luật và kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử. Từng bước hình thành các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp số và hợp tác xã số.

***Đáp án B***

***Câu 25: Theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 về xã hội số là?***

A. Trên 60% người dùng thiết bị đầu cuối thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh.

B. 60% người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

**C. Triển khai thí điểm và nhân rộng các dịch vụ số (y tế, giáo dục, giao thông, an ninh, trật tự, du lịch…) thuộc hệ thống dịch vụ đô thị thông minh tại thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, thị xã Hoàng Mai.**

***Đáp án C***

***Câu 26: Theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước;******đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số là?***

A. Phát huy vai trò của người đứng đầu trong triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số gắn với mục tiêu nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đơn vị. Đưa kết quả triển khai chuyển đổi số thành chỉ tiêu đánh giá của các ngành, các cấp, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức.

B. Tuyên truyền để người dân hiểu được tính cấp thiết và sự cần thiết của chuyển đổi số.

C. Phát huy mạnh mẽ vai trò của tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong giám sát chương trình chuyển đổi số tại địa phương.

***Đáp án A***

***Câu 27:* *Theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm về Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp là?***

**A. Tích cực, chủ động tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược phát triển chính phủ điện tử, hướng tới chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.**

B. Tích cực, chủ động tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

C. Tích cực thực hiện chiến lược phát triển chính phủ điện tử, hướng tới chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

***Đáp án A***

***Câu 28:* *Theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm về phát triển kinh tế số là?***

A. Xây dựng nền tảng dữ liệu số quản lý ngành nông nghiệp, ứng dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh, phát triển mạng lưới logistics gắn với thương mại điện tử và chuỗi sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

B. Ứng dụng công nghệ số trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị; thực hiện quy hoạch, phát triển hạ tầng đô thị theo định hướng phát triển đô thị thông minh; ưu tiên triển khai các dịch vụ thông minh về giáo dục, y tế, giám sát an ninh trật tự, giao thông, môi trường, năng lượng, chiếu sáng đô thị, cấp nước sinh hoạt, thoát nước.

**C. Cả 2 Đáp án trên.**

***Đáp án C***

***Câu 29: Theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm về Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng là?***

A. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng thông tin theo nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng để cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân được bảo vệ an toàn thông tin và dữ liệu riêng tư.

B. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân được bảo vệ an toàn thông tin và dữ liệu riêng tư, tham gia bình đẳng vào quá trình chuyển đổi số.

**C. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng thông tin theo nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng để cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân được bảo vệ an toàn thông tin và dữ liệu riêng tư, tham gia bình đẳng vào quá trình chuyển đổi số.**

***Đáp án C***

***Câu 30:* *Theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm về một số lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số là?***

**A. Tập trung triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các lĩnh vực: Quản lý hành chính, nông nghiệp, công thương, văn hóa và du lịch, giao thông vận tải và logistics, an ninh trật tự, an toàn giao thông.**

B. Tập trung triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các lĩnh vực: Quản lý hành chính, nông nghiệp, công thương.

C. Tập trung triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các lĩnh vực giao thông vận tải và logistics, an ninh trật tự, an toàn giao thông.

***Đáp án A.***

**PHẦN 3**

**TÌM HIỂU VỀ CÁC CHỈ SỐ**

***Câu 31. PAR INDEX là tên tiếng Anh của chỉ số nào sau đây ?***

A. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

B. Chỉ số hiệu quả quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.

**C. Chỉ số cải cách hành chính.**

***Đáp án C***

***Câu 32. PCI là tên viết tắt tiếng Anh của chỉ số nào sau đây?***

**A. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.**

B. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.

C. Chỉ số cải cách hành chính.

***Đáp án A***

***Câu 33. PAPI là tên viết tắt tiếng Anh của chỉ số nào sao đây ?***

A. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

**B. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.**

C. Chỉ số cải cách hành chính.

***Đáp án B***

***Câu 34.******SIPAS là tên viết tắt tiếng Anh của chỉ số nào sau đây?***

A. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

B. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.

**C. Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính công.**

***Đáp án C***

***Câu 35. Chỉ số PCI là chỉ số phản ánh về nội dung gì ?***

A. Chỉ số phản ánh hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam.

**B. Chỉ số đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh, thành của Việt Nam về chất lượng điều hành kinh tế và xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc phát triển doanh nghiệp dân doanh.**

C. Chỉ số để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

***Đáp án B***

***Câu 36. Chỉ số PAPI là chỉ số phản ánh về nội dung gì ?***

**A. Chỉ số phản ánh hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam.**

B. Chỉ số đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh, thành của Việt Nam về chất lượng điều hành kinh tế và xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc phát triển doanh nghiệp dân doanh.

C. Chỉ số để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

***Đáp án A***

***Câu 37.******Kết quả công bố chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của Bộ Nội vụ năm 2022, tỉnh Nghệ An xếp thứ hạng nào sau đây?***

**A. 16**

B. 17

C. 21

***Đáp án A***

***Câu 38. Trong bảng xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) toàn quốc do Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cùng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID. công bố, năm 2022 tỉnh Nghệ An xếp thứ hạng nào sau đây?***

A. 30

**B. 23**

C. 28

***Đáp án B***

***Câu 39. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cùng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID. công bố, năm 2022, tỉnh Nghệ An tăng bao nhiêu bậc so với năm 2021?***

A. 10 bậc

B. 11 bậc

**C. 7 bậc**

***Đáp án C***

***Câu 40: Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2022 của tỉnh Nghệ An xếp hạng tăng bao nhiêu bậc so với năm 2021?***

A. 5

B. 3

**C. 1**

***Đáp án C***

***Câu 41:******Chỉ số chuyển đổi số (DTI) theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện chuyển đổi số hằng năm của các đối tượng nào?***

A. Của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

B. Của quốc gia, của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**C. Cả 02 phương án.**

***Đáp án C***

***Câu 42: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do đơn vị nào thực hiện?***

A. Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các Bộ, ngành Trung ương và UBND các tỉnh, thành phố thực hiện.

**B. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID. tại Việt Nam. Chỉ số PCI do một nhóm chuyên gia trong và ngoài nước của VCCI cùng hợp tác thực hiện**.

C. Trung tâm Nghiên cứu Phát triển-Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES) thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học – Kỹ thuật Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam từ năm 2009 và Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại Trung ương và địa phương.

***Đáp án B***

***Câu 43: Đối tượng đánh giá của Chỉ số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ chủ trì (PAR INDEX) là?***

**A.** **Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.**

B. Các cơ quan đảng, các tổ chức chính trị - xã hội Trung ương.

C. Các tập đoàn kinh tế nhà nước.

***Đáp án A***

***Câu 44: Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2022 của tỉnh Nghệ An đạt bao nhiêu %?***

A. Đạt 86,6 %

B. Đạt 87%.

**C. Đạt 82,82 %**

***Đáp án C***

***Câu 45:******Cơ quan nào chủ trì triển khai Chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của Quốc gia (DTI)?***

A. Văn phòng Chính phủ.

**B. Bộ Thông tin và Truyền thông.**

C. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

***Đáp án B***

***Câu 46:******Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) có bao nhiêu chỉ số thành phần?***

A. 08 chỉ số thành phần.

**B. 10 chỉ số thành phần.**

C. 12 chỉ số thành phần.

***Đáp án B***

***Câu 47:******Đối tượng điều tra xã hội học để đánh giá xác định kết quả Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) là?***

A. Người dân sinh sống trên địa bàn được lựa chọn điều tra xã hội học.

**B. Người dân, người đại diện cho tổ chức đã trực tiếp giao dịch và nhận kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công trong phạm vi thời gian điều tra xã hội học.**

C. Người dân và người đại diện cho tổ chức sinh sống trên địa bàn được lựa chọn điều tra xã hội học.

***Đáp án B***

***Câu 48: Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) cấp tỉnh năm 2022 được khảo sát, đánh giá dựa trên mấy lĩnh vực?***

**A. 8 lĩnh vực.**

B. 9 lĩnh vực.

C. 10 lĩnh vực.

***Đáp án A***

***Câu 49: Để đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cơ quan chức năng tiến hành thu thập dữ liệu từ nguồn nào sau đây?***

A. Các đơn vị kinh tế tập thể , doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân kinh doanh tại 63 tỉnh thành phố ở Việt Nam.

**B. doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân đang hoạt động trên 63 tỉnh, thành phố ở Việt Nam**

C. Các cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan Nhà nước thuộc 63 tỉnh thành phố ở Việt Nam.

***Đáp án B***

***Câu 50: Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) được đánh giá dựa trên những yếu tố cơ bản nào?***

A. Tiếp cận dịch vụ; thủ tục hành chính.

B. Công chức giải quyết công việc; kết quả dịch vụ; việc tiếp nhận, giải quyết ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị.

**C. Cả 02 phương án.**

***Đáp án C***

***Câu 51: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) được dựa trên cơ sở nào?***

**A. Trải nghiệm và đánh giá của người dân khi tương tác với các cấp chính quyền địa phương.**

B. Đánh giá, chấm điểm của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên đối với cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới.

C. Đánh giá, chấm điểm giữa các cơ quan hành chính cùng cấp..

***Đáp án A***

***Câu 52. Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2022 tỉnh Nghệ An xếp thứ bao nhiêu?***

A. 35

B. 20

**C. 14**

***Đáp án C***

***Câu 53. Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2022 tỉnh Nghệ An tăng bao nhiêu bậc so với năm 2021?***

A. 5

B. 7

**C. 21**

***Đáp án C***

***Câu 54: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2022 Nghệ An xếp thứ mấy?***

A.15

B. 16

**C.17**

***Đáp án C***

***Câu 55: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2022 Nghệ An giảm mấy bậc so với năm 2021?***

A.21

B. 7

**C.2**

***Đáp án C***

**PHẦN 4**

**TÌM HIỂU VỀ CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY**

**VÀ TINH GIẢN BIÊN CHẾ**

***Câu 56: Nghị định 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định cơ cấu tổ chức của sở bắt buộc phải có?***

A. Văn phòng

B. Đơn vị sự nghiệp công lập

**C. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ**

***Đáp án C*** *(Khoản 3, Điều 1 – Nghị định 107/2020/NĐ-CP)*

***Câu 57: Nghị định 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định đối với phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại I phải có tối thiểu bao nhiêu biên chế công chức?***

A. 05 biên chế công chức.

**B. 06 biên chế công chức.**

C. 07 biên chế công chức.

***Đáp án: B*** *(Khoản 3, Điều 1 – Nghị định 107/NĐ-CP)*

***Câu 58: Nghị định 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định đối với phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại II và loại III phải có tối thiểu bao nhiêu biên chế công chức?***

**A. 05 biên chế công chức.**

B. 06 biên chế công chức.

C. 07 biên chế công chức.

***Đáp án: A*** *(Khoản 3, Điều 1 – Nghị định 107/NĐ-CP)*

***Câu 59: Nghị định 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định để thành lập chi cục và các tổ chức tương đương thuộc sở phải bố trí tối thiểu bao nhiêu biên chế công chức?***

A. 09 biên chế công chức.

B. 10 biên chế công chức.

**C. 12 biên chế công chức.**

***Đáp án: C*** *(Khoản 3, Điều 1 – Nghị định 107/NĐ-CP)*

***Câu 60: Nghị định 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định bình quân mỗi sở có bao nhiêu Phó Giám đốc?***

A. 02 Phó Giám đốc.

**B. 03 Phó Giám đốc.**

C. 04 Phó Giám đốc.

***Đáp án: B*** *(Khoản 4, Điều 1 – Nghị định 107/NĐ-CP)*

***Câu 61: Nghị định 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định phòng thuộc sở có từ bao nhiêu biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 03 phó Trưởng phòng?***

A. 13 biên chế công chức.

B. 14 biên chế công chức.

**C. 15 biên chế công chức.**

***Đáp án: C*** *(Khoản 4, Điều 1 – Nghị định 107/NĐ-CP)*

**Câu 62: Nghị định 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định Thanh tra sở có bao nhiêu biên chế công chức trở lên thì được bố trí không quá 02 phó Chánh Thanh tra?**

A. 07 biên chế công chức.

**B. 08 biên chế công chức.**

C. 09 biên chế công chức.

***Đáp án: B*** *(Khoản 4, Điều 1 – Nghị định 107/NĐ-CP)*

***Câu 63: Nghị định 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định Sở Ngoại vụ được thành lập khi đáp ứng điều kiện nào?***

**A. Có cửa khẩu quốc tế đường bộ.**

B. Có sân bay nội địa

C. Có cảng biển nước sâu.

D. Có đường biên giới trên bộ với nước khác.

***Đáp án A*** *(Khoản 10, Điều 1 – Nghị định 107/2020/NĐ-CP)*

***Câu 64: Nghị định 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định cơ quan nào có thẩm quyền quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở?***

A. HĐND tỉnh

**B. UBND tỉnh**

C. Ban Thường vụ Tỉnh ủy

***Đáp án B*** *(Khoản 13, Điều 1 – Nghị định 107/2020/NĐ-CP)*

**Câu 65: Nghị định 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định cơ quan nào có thẩm quyền quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chi cục thuộc sở?**

A. HĐND tỉnh

***B. UBND tỉnh***

C. Sở chủ quản

***Đáp án B*** *(Khoản 13, Điều 1 – Nghị định 107/2020/NĐ-CP)*

***Câu 66: Nghị định 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định cơ quan nào có thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở?***

A. HĐND tỉnh

**B. UBND tỉnh**

C. Sở chủ quản

*Đáp án B (Khoản 13, Điều 1 – Nghị định 107/2020/NĐ-CP)*

***Câu 67: Nghị định 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định Phòng Dân tộc thuộc UBND cấp huyện được thành lập khi đáp ứng đủ bao nhiêu tiêu chí?***

**A. 2 tiêu chí**

B. 3 tiêu chí

C. 4 tiêu chí

***Đáp án A*** *(Khoản 10, Điều 1 – Nghị định 108/2020/NĐ-CP)*

***Câu 68: Nghị định 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định trường hợp không tổ chức riêng phòng Dân tộc ở UBND cấp huyện thì chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực dân tộc do bộ phận nào thực hiện?***

**A. Văn phòng HĐND và UBND.**

B. Phòng Nội vụ.

C. Phòng Thanh tra.

***Đáp án A*** *(Khoản 10, Điều 1 – Nghị định 108/2020/NĐ-CP)*

***Câu 69: Nghị định 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định cơ quan nào quyết định việc thành lập hay không thành lập các phòng thuộc UBND cấp huyện?***

A. UBND cấp tỉnh.

**B. HĐND cấp huyện.**

C. UBND cấp huyện.

***Đáp án: B*** *(Khoản 13, Điều 1 – Nghị định 108/2020/NĐ-CP)*

***Câu 70: Nghị định 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định trường hợp không tổ chức riêng Phòng Y tế ở UBND cấp huyện thì chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực y tế do bộ phận nào thực hiện?***

**A. Văn phòng HĐND và UBND.**

B. Trung tâm Y tế cấp huyện.

C. Phòng Giáo dục và Đào tạo.

***Đáp án: A*** *(Khoản 7, Điều 1 – Nghị định 108/2020/NĐ-CP)*

***Câu 71: Nghị định 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định thẩm quyền quyết định số lượng phó trưởng phòng của từng phòng thuộc UBND cấp huyện thuộc về?***

A. HĐND cấp huyện

**B. UBND cấp huyện**

C. Sở Nội vụ

***Đáp án B*** *(Khoản 13, Điều 1 – Nghị định 108/2020/NĐ-CP)*

***Câu 72: Nghị định 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định chức năng quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ ở cấp huyện do đơn vị nào tham mưu?***

A. Văn phòng HĐND và UBND

**B. Phòng Nội vụ**

C. Thanh tra huyện

***Đáp án B*** *(Khoản 5, Điều 1 – Nghị định 108/2020/NĐ-CP)*

***Câu 73: Nghị định 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định bình quân mỗi phòng thuộc UBND cấp huyện có bao nhiêu phó trưởng phòng?***

A. 1 phó trưởng phòng

**B. 2 phó trưởng phòng**

C. 3 phó trưởng phòng

***Đáp án B*** *(khoản 3, Điều 1 – Nghị định 108/2020/NĐ-CP)*

***Câu 74: Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu là bao nhiêu?***

A. 15 người

B. 16 người

**C. 15 người (trừ các ĐVSN công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu được thành lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành)**

***Đáp án C*** *(Khoản 1, Điều 5 – Nghị định 120/2020/NĐ-CP)*

***Câu 75: Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định thẩm quyền thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập ở cấp tỉnh là cơ quan nào?***

A. Văn phòng UBND tỉnh

B. Sở Tài chính

**C. Sở Nội vụ**

***Đáp án: C*** *(Khoản 1, Điều 13 – Nghị định 120/2020/NĐ-CP)*

***Câu 76: Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định nguyên tắc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập?***

A. Phải bảo đảm đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Nghị định này (trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành); một đơn vị sự nghiệp công lập có thể cung ứng nhiều dịch vụ sự nghiệp công cùng loại.

B. Đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả thì tổ chức lại hoặc giải thể. Việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập không được làm tăng thêm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó của đơn vị và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

**C. Tất cả các Đáp án trên**

***Đáp án C*** *(Điều 4 – Nghị định 120/2020/NĐ-CP)*

***Câu 77: Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định một trong những điều kiện giải thể đơn vị sự nghiệp công lập là có bao nhiêu năm liên tiếp hoạt động không hiệu quả theo đánh giá của cơ quan có thẩm quyền?***

A. 02 năm liên tiếp

**B. 03 năm liên tiếp**

C. 04 năm liên tiếp

***Đáp án B*** *(Khoản 3, Điều 5 – Nghị định 120/2020/NĐ-CP)*

***Câu 78: Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể của loại hình đơn vị nào?***

**A. Đơn vị sự nghiệp công lập**

B. Đơn vị hành chính

C. Doanh nghiệp nhà nước

***Đáp án A*** *(Nghị định 120/2020/NĐ-CP)*

***Câu 79: Nghị định 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ áp dụng đối với các cơ quan nào dưới đây?***

**A. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh gồm có sở và cơ quan ngang sở.**

B. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao, Khu kinh tế và Ban Quản lý có tên gọi khác thuộc UBND cấp tỉnh.

C. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh và các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương.

***Đáp án A***

***Câu 80: Nguyên tắc nào dưới đây không phải là nguyên tắc tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện?***

A. Tổ chức phòng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; bảo đảm tinh gọn, hợp lý, hiệu quả; không nhất thiết ở cấp tỉnh có sở nào thì cấp huyện có tổ chức tương ứng.

**B. Tổ chức phòng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; bảo đảm tinh gọn, hợp lý, hiệu quả; cấp tỉnh có sở nào thì cấp huyện có tổ chức tương ứng.**

C. Bảo đảm bao quát đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện và bảo đảm tính thống nhất, thông suốt về quản lý ngành, lĩnh vực công tác từ Trung ương đến cơ sở.

***Đáp án B*** *(Điều 2 - Nghị định 37/2014/NĐ-CP)*

***Câu 81: Nghị định 24/2014/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định về nội dung nào sau đây?***

A. Quy định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**B. Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.**

C. Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

***Đáp án*** *B (Nghị định 24/2014/NĐ-CP)*

***Câu 82: Nghị định 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định về nội dung nào sau đây?***

**A. Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.**

B. Quy định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

C. Quy định vị trí, vai trò các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

***Đáp án A*** *(Nghị định 37/2014/NĐ-CP)*

***Câu 83: Nghị định 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định đâu là nguyên tắc tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện?***

A. Bảo đảm tính thống nhất, thông suốt về quản lý ngành, lĩnh vực công tác từ tỉnh đến huyện.

**B. Bảo đảm tính thống nhất, thông suốt về quản lý ngành, lĩnh vực công tác từ Trung ương đến cơ sở.**

C. Bảo đảm tính thống nhất, thông suốt về quản lý lãnh thổ từ trung ương đến địa phương.

***Đáp án B*** *(Khoản 1, Điều 2 – Nghị định 37/2014/NĐ-CP)*

***Câu 84: Nghị định 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định đâu là nguyên tắc tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện?***

A. Không chồng chéo tổ chức với các tổ chức của các Bộ, sở đặt tại cấp huyện.

B. Không chồng chéo chức cơ cấu tổ chức, năng, nhiệm vụ, quyền hạn với các tổ chức của các Bộ, sở đặt tại cấp huyện.

**C. Không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn với các tổ chức của các bộ, sở đặt tại cấp huyện.**

***Đáp án C*** *(Khoản 4, Điều 2 – Nghị định 37/2014/NĐ-CP)*

***Câu 85: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, cơ quan nào quy định tiêu chuẩn, điều kiện thành lập Ban Dân tộc thuộc HĐND cấp huyện?***

A. HĐND cấp tỉnh

B. Chính phủ

**C. Ủy ban thường vụ Quốc hội**

***Đáp án C*** *(Khoản 3, điều 25 – Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015)*

***Câu 86: Theo quy định của Hiến pháp năm 2013, Chủ tịch nước do cơ quan nào sau đây bầu?***

**A. Quốc hội**

B. Chính phủ

C. Ủy ban thường vụ Quốc hội

***Đáp án A*** *(Khoản 7, Điều 70 – Hiến pháp năm 2013)*

***Câu 87: Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân?***

A. Đồng thời là thành viên của UBND cùng cấp.

B. Có thể đồng thời là thành viên của UBND cùng cấp

**C. Không thể đồng thời là thành viên của UBND cùng cấp.**

***Đáp án C*** *(Khoản 3, Điều 6 - Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015)*

***Câu 88: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, đâu là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương?***

A. Thực hiện nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

**B. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.**

C. Thực hiện nguyên tắc hiệp thương dân chủ.

***Đáp án B*** *(Khoản 1, Điều 5 – Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015)*

***Câu 89: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, số lượng Ủy viên của các Ban của HĐND cấp huyện do cơ quan nào quyết định?***

A. Chính phủ.

B. HĐND cấp tỉnh.

**C. HĐND cấp huyện.**

***Đáp án C*** *(Khoản 3, Điều 25 – Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015)*

***Câu 90: Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định Ban nào của HĐND cấp tỉnh chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, thể dục, thể thao và chính sách tôn giáo ở địa phương?***

**A. Ban Văn hóa – Xã hội.**

B. Ban Kinh tế - Ngân sách.

C. Ban Pháp chế.

***Đáp án A*** *(Khoản 2, Điều 108 – Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015)*

***Câu 91: Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định Phó Chủ tịch HĐND cấp xã là?***

A. Công chức hoạt động chuyên trách.

**B. Đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách.**

C. Có thể là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách.

***Đáp án B*** *(Khoản 2, Điều 32 – Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015)*

***Câu 92: Theo Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương khóa XII thì đến thời điểm nào bắt đầu thực hiện thí điểm một số mô hình mới về tổ chức bộ máy và kiêm nhiệm chức danh để tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, góp phần làm rõ về lý luận và thực tiễn?***

A. Năm 2020

**B. Năm 2021**

C. Năm 2022

***Đáp án B*** *(Mục tiêu cụ thể của Nghị quyết 18-NQ/TW)*

***Câu 93:Theo Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương khóa XII thì mục tiêu đến năm 2021, số lượng biên chế giảm tối thiểu bao nhiêu % so với năm 2015?***

A. 5%

**B. 10%**

C. 15%

*Đáp án B (Mục tiêu cụ thể của Nghị quyết 18-NQ/TW)*

***Câu 94: Theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Mục tiêu đến năm 2025 phải sắp xếp đối với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới bao nhiêu % so với quy định?***

**A. Dưới 70% cả diện tích tự nhiên và quy mô dân số.**

B. Dưới 70% diện tích tự nhiên và dưới 60% quy mô dân số.

C. Dưới 60% diện tích tự nhiên và dưới 70% quy mô dân số.

***Đáp án A*** *(Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị)*

***Câu 95: Theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Mục tiêu đến năm 2025 phải sắp xếp đối với đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới bao nhiêu % so với quy định?***

**A. Đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định.**

B. Đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

C. Đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định.

***Đáp án A*** *(Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị)*

***Câu 96: Theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Đâu không phải là hạn chế trong sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã giai đoạn 2019 – 2021?***

A. Chưa thực hiện tốt công tác bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư.

B. Chất lượng đô thị chưa được đảm bảo do sáp nhập đơn vị hành chính nông thôn vào đơn vị hành chính đô thị.

**C. Một bộ phận Nhân dân không đồng tình ủng hộ.**

***Đáp án C*** *(Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị)*

***Câu 97: Theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Bộ Chính trị đưa ra bao nhiêu nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã giai đoạn 2023 – 2030?***

A. 3 nhiệm vụ, giải pháp.

**B. 4 nhiệm vụ, giải pháp.**

C. 5 nhiệm vụ, giải pháp.

***Đáp án B*** *(Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị)*

***Câu 98: Theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, , Mục tiêu đến năm 2025 phải sắp xếp đối với đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới bao nhiêu % so với quy định?***

**A. Đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.**

B. Đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

C. Đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định.

***Đáp án A*** *(Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị)*

***Câu 99: Theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Mục tiêu đến năm 2030 phải sắp xếp đối với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới bao nhiêu % so với quy định?***

A. Dưới 70% cả diện tích tự nhiên và quy mô dân số.

B. Dưới 80% diện tích tự nhiên và dưới 60% quy mô dân số.

**C. Dưới 100% diện tích tự nhiên và quy mô dân số.**

***Đáp án C*** *(Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị)*

***Câu 100: Theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, ,Mục tiêu đến năm 2030 phải sắp xếp đối với đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới bao nhiêu % so với quy định?***

A. Đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định.

B. Đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

**C. Đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định.**

***Đáp án C*** *(Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị)*

***Câu 101: Theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Mục tiêu đến năm 2030 phải sắp xếp đối với đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới bao nhiêu % so với quy định?***

A. Đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

**B. Đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.**

C. Đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định.

***Đáp án B*** *(Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị)*

***Câu 102: Nội dung nào dưới đây là nguyên tắc tinh giản biên chế?***

A. Phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các tổ chức chính trị – xã hội và nhân dân trong quá trình thực hiện tinh giản biên chế. Phải bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật.

B. Phải được tiến hành trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại tổ chức và thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng không xác định thời hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

**C. Tất cả Đáp án trên**

***Đáp án C*** *(Điều 4 – Nghị định 108/2014/NĐ-CP)*

***Câu 103: Nội dung nào dưới đây không phải là nguyên tắc tinh giản biên chế?***

A. Phải được tiến hành trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại tổ chức và thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng không xác định thời hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

B. Phải bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật.

**C. Cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đó**

***Đáp án C*** *(Điều 4 – Nghị định 108/2014/NĐ-CP)*

***Câu 104: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng tối đa bao nhiêu phần trăm số biên chế đã thực hiện tinh giản và giải quyết chế độ nghỉ hưu đúng tuổi hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật để tuyển dụng mới công chức, viên chức và lao động hợp đồng?***

A. 30%

B. 40%

**C. 50%**

***Đáp án C*** *(Khoản 1, Điều 1 - Nghị định 113/2018/NĐ-CP)*

***Câu 105: Trường hợp nào dưới đây không thuộc diện tinh giản biên chế?***

A. Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự;

B. Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác;

**C. Có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm, có nguyện vọng bố trí công tác khác.**

***Đáp án C*** *(Khoản 1, Điều 6 – Nghị định 108/2014/NĐ-CP)*

***Câu 106:Trường hợp hồ sơ của đối tượng tinh giản biên chế không ghi rõ ngày, tháng sinh trong năm thì thời điểm được dùng làm căn cứ để tính đủ tuổi đời hưởng chế độ chính sách nghỉ hưu trước tuổi là?***

**A. Lấy ngày 01/01 của năm sinh của đối tượng.**

B. Lấy ngày 31/12 của năm sinh của đối tượng.

C. Lấy ngày 01/6 của năm sinh của đối tượng.

***Đáp án A*** *(Khoản 8, Điều 1 – Nghị định 113/2018/NĐ-CP)*

***Câu 107: Đối tượng nào được áp dụng chính sách tinh giản biên chế?***

A. Cán bộ, công chức từ Trung ương đến cấp xã; Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập

C. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP.

**C. Tất cả các đối tượng trên.**

***Đáp án C*** *(Điều 2 - Nghị định 108/2014/NĐ-CP)*

***Câu 108: Trường hợp nào chưa được xem xét tinh giản biên chế?***

A. Những người đang trong thời gian ốm đau có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền; Những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

B. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

**C. Tất cả các đối tượng trên.**

***Đáp án C*** *(Điều 7 – Nghị định 108/2014/NĐ-CP)*

***Câu 109: Chính sách tinh giản biên chế không bao gồm chính sách nào?***

A. Chính sách về hưu trước tuổi.

B. Chính sách thôi việc ngay.

**C. Chính sách đối với những người thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ khác có phụ cấp chức vụ lãnh đạo mới cao hơn do sắp xếp tổ chức.**

***Đáp án C*** *(Điều 11 – Nghị định 108/2014/NĐ-CP)*

***Câu 110: Khi thực hiện tinh giản biên chế không đúng đối tượng theo quy định, người đã hưởng chính sách tinh giản biên chế phải có trách nhiệm?***

**A. Hoàn trả 100% số tiền đã thực nhận khi thực hiện chính sách, chế độ tinh giản biên chế theo quy định.**

B. Hoàn trả 90% số tiền đã thực nhận khi thực hiện chính sách, chế độ tinh giản biên chế theo quy định.

C. Hoàn trả 80% số tiền đã thực nhận khi thực hiện chính sách, chế độ tinh giản biên chế theo quy định.

***Đáp án A*** *(Khoản 8, Điều 1 – Nghị định 113/2018/NĐ-CP)*

***Câu 111: Khi thực hiện tinh giản biên chế không đúng đối tượng theo quy định, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp đối tượng đó có trách nhiệm?***

A. Thông báo cho cơ quan bảo hiểm xã hội dừng thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội cho người thực hiện tinh giản biên chế không đúng quy định; chuyển cho cơ quan bảo hiểm xã hội số kinh phí đã chi trả cho người thực hiện tinh giản biên chế trong thời gian hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế);

B. Chi trả cho người thực hiện tinh giản biên chế số tiền chênh lệch giữa chế độ người đó được hưởng theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức với chế độ người đó đã hưởng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; thanh toán cho các tổ chức liên quan các chế độ cán bộ, công chức, viên chức được hưởng theo quy định; Chịu trách nhiệm thu hồi tiền hưởng chế độ, chính sách tinh giản biên chế đã cấp cho cán bộ, công chức, viên chức.

**C. Tất cả các Đáp án trên.**

***Đáp án C*** *(Khoản 8, Điều 1 - Nghị định 113/2018/NĐ-CP)*

***Câu 112: Đối tượng hưởng chính sách về hưu trước tuổi ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội còn được hưởng chế độ nào sau đây?***

**A. Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi.**

B. Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định về tuổi tối thiểu.

C. Được trợ cấp 06 tháng tiền lương cho 20 năm đầu công tác có đóng đủ BHXH. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng BHXH được trợ cấp ½ tháng tiền lương.

***Đáp án A*** *(Khoản 2, Điều 1 – Nghị định 143/2020/NĐ-CP)*

***Câu 113: Đối tượng hưởng chính sách thôi việc ngay không bị trừ khoản nào?***

**A. Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do thôi việc ngay.**

B. Không bị trừ trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm.

C. Khôg bị trừ trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng BHXH.

***Đáp án A*** *(Khoản 5, Điều 1 – Nghị định 143/2020/NĐ-CP)*

***Câu 114: Đối tượng thuộc diện chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước được hưởng khoản trợ cấp nào sau đây?***

A. Được trợ cấp 06 tháng tiền lương hiện hưởng.

**B. Được trợ cấp 01 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng BHXH.**

C. Được trợ cấp 12 tháng tiền lương hiện hưởng nếu có nguyện vọng đi học để tìm việc làm khác.

***Đáp án B*** *(Khoản 1, Điều 9 – Nghị định 108/2014/NĐ-CP)*

**PHẦN 5**

**TÌM HIỂU VỀ CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC**

***Câu 115: Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng nào?***

A. Cán bộ, công chức; Bầu cử, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ công chức

B. Nghĩa vụ, quyền của cán bộ, công chức và điều kiện bảo đảm thi hành công vụ

**C. Tất cả các Đáp án trên đều đúng**

***Đáp án C*** *- Điều 1, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 116: Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) không quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng nào?***

**A. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập**

B. Cán bộ, công chức

C. Bầu cử, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ công chức

***Đáp án A*** *- Điều 1, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 117: Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) đâu không phải là nguyên tắc trong thi hành công vụ?***

A. Công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát

B. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, liên tục, thông suốt và hiệu quả

**C. Tự do dân chủ**

***Đáp án C*** *- Điều 3, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 118: Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) có mấy nguyên tắc trong thi hành công vụ?***

A. 3

B. 4

**C. 5**

***Đáp án C*** *- Điều 3, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 119: Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) cán bộ không được thực hiện theo hình thức nào?***

A. Bầu cử

B. **Tuyển dụng**

 C. Bổ nhiệm

***Đáp án B*** *- Điều 24, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 120: Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) cán bộ được thực hiện theo hình thức nào?***

A. Thi tuyển

B. Xét tuyển

***C. Bổ nhiệm***

***Đáp án C*** *- Điều 24, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 121: Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) nội dung nào sau đây là đúng khi nói về công chức?***

A. Là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước

**B. Là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.**

***Đáp án B***

***Câu 122: Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) nội dung nào sau đây là đúng khi nói về cán bộ?***

**A. Là công dân Việt Nam được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung, ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước**

B. Là công dân Việt Nam được tuyển dụng, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung, ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước

***Đáp án A***

***Câu 123: Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) cán bộ xã, phường, thị trấn là?***

A. Là công dân Việt Nam, được bầu cử, bổ nhiệm giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội;

B. Là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội;

**C. Là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội.**

***Đáp án C***

***Câu 124: Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) công chức cấp xã là?***

**A. Là công dân Việt Nam được tuyển dụng giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước**

B. Là công dân Việt Nam được tuyển dụng, bổ nhiệm giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước

C. Là công dân Việt Nam được tuyển dụng giữ một chức vụ, chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước

***Đáp án A***

***Câu 125: Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) đâu không phải là nguyên tắc trong quản lý cán bộ, công chức?***

A. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước

B. Kết hợp giữa tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế

**C. Bảo đảm thứ bậc hành chính và sự phối hợp chặt chẽ.**

***Đáp án C*** *– Điều 5, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 126: Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thẩm quyền quy định chính sách trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do cấp tỉnh quản lý là:***

**A. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

B. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

C. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

***Đáp án A***

***Câu 127: Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) Đâu không phải là nội dung đánh giá công chức?***

**A. Tham gia hoạt động đoàn thể**

B. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lề lối làm việc

C. Năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

***Đáp án A***

***Câu 128: Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hoạt động công vụ của cán bộ, công chức là:***

A. Việc thực hiện nghĩa vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức

B. Việc thực hiện nghĩa vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác có liên quan

**C. Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác có liên quan**

***Đáp án C*** *– Điều 2, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 129: Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019) thời hạn xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức là:***

A. Là thời hạn mà khi hết thời hạn đó thì cán bộ, công chức có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật

**B. Là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật của cán bộ, công chức đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền**

C. Là thời hạn xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức là thời gian Cán bộ, Công chức chịu hình thức xử lý kỷ luật từ khi có quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền

***Đáp án B*** *– Khoản 2, điều 80, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 130: Theo Luật Viên chức 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định như thế nào là Viên chức?***

**A. Viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.**

B. Viên chức người được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

C. Viên chức người được tuyển dụng theo vị trí việc làm, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

***Đáp án A*** *– Điều 2, Luật Viên chức 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 131: Luật Viên chức 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định Quyền của viên chức về tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương như thế nào?***

A. Được trả lương tương xứng với vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, chức vụ quản lý và kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao; được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi trong trường hợp làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc làm việc trong ngành nghề có môi trường độc hại, nguy hiểm, lĩnh vực sự nghiệp đặc thù.

B. Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và chế độ khác theo quy định của pháp luật và quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập.

C. **Tất cả phương án trên**

***Đáp án C*** *– Điều 12, Luật Viên chức 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 132: Luật Viên chức 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2019) đâu không phải là nguyên tắc được áp dụng khi tuyển dụng viên chức?***

A. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và đúng pháp luật.

**B. Bảo đảm tính dân chủ.**

C. Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.

***Đáp án B*** *– Điều 21, Luật Viên chức 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 133: Luật Viên chức 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định có bao nhiêu loại hợp đồng làm việc đối với viên chức?***

A. 1

**B. 2**

C. 3

***Đáp án B*** *– Điều 25, Luật Viên chức 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 134: Theo Luật Viên chức 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2019), viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc không xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập biết trước ít nhất bao nhiêu ngày?***

A. Phải thông báo trước ít nhất 15 ngày.

B. Phải thông báo trước ít nhất 15 ngày; trường hợp viên chức ốm đau hoặc bị tai nạn đã điều trị 06 tháng liên tục thì phải báo trước ít nhất 03 ngày.

**C. Phải thông báo trước ít nhất 45 ngày; trường hợp viên chức ốm đau hoặc bị tai nạn đã điều trị 06 tháng liên tục thì phải báo trước ít nhất 03 ngày.**

***Đáp án C*** *– Khoản 4, điều 29, Luật Viên chức 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 135: Từ ngày 01/7/2019 đến 30/6/2022, mức lương cơ sở của cán bộ, công chức, viên chức được quy định là bao nhiêu đồng/tháng?***

A. 1.390.000 đồng/tháng.

**B. 1.490.000 đồng/tháng**

C. 1.690.000 đồng/tháng

***Đáp án B*** *– Khoản 2, điều 3, Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang*

***Câu 136: Việc thực hiện tăng lương cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức lên mức 1.800.000 đồng/tháng bắt đầu từ ngày 01/7/2023 được quy định tại văn bản nào?***

**A. Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022.**

B. Nghị quyết 30/2022/QH15 ngày 11/10/2022.

C. Nghị quyết 05/2023/QH15 ngày 15/02/2023.

***Đáp án A*** *–Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội về Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.*

***Câu 137: Theo quy định Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), công chức loại A là?***

A. Những người được bổ nhiệm vào ngạch cán sự hoặc tương đương và ngạch nhân viên.

**B. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương.**

C. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương.

***Đáp án B*** *- Điểm a, khoản 1, điều 34, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 138: Theo quy định Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), công chức loại B là:***

A. Những người được bổ nhiệm vào ngạch cán sự hoặc tương đương và ngạch nhân viên.

**B. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương.**

C. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương.

***Đáp án B*** *- Điểm b, khoản 1, điều 34, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 139: Theo quy định Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), công chức loại C là:***

A. Những người được bổ nhiệm vào ngạch cán sự hoặc tương đương và ngạch nhân viên.

B. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương.

**C. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương.**

***Đáp án C*** *- Điểm c, khoản 1, điều 34, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 140: Theo quy định Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), nếu căn cứ vào vị trí công tác, công chức được phân thành bao nhiêu loại?***

**A. 2**

B. 3

C. 4

**Đáp án A** - Khoản 2, điều 34, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)

***Câu 141: Theo quy định Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập không được đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức trong các trường hợp sau:***

A. Viên chức đang nghỉ hàng năm, nghỉ về việc riêng và những trường hợp nghỉ khác được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cho phép;

B. Viên chức nữ đang trong thời gian có thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chấm dứt hoạt động.

**C. Tất cả Đáp án đều đúng**

***Đáp án C*** *- Khoản 3, điều 29, Luật Viên chức năm 2010**(sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 142: Theo quy định Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Viên chức quản lý có thể xin thôi giữ chức vụ quản lý hoặc được miễn nhiệm khi nào?***

A. Không đủ sức khoẻ; Không đủ năng lực, uy tín

B. Theo yêu cầu nhiệm vụ

**C. Tất cả Đáp án đều đúng**

***Đáp án C*** *- Khoản 1, điều 38, Luật Viên chức năm 2010**(sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 143: Theo quy định của Luật cán bộ, công chức năm 2008, công chức đượch hưởng chế độ thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp nào sai đâu?***

**A. Do sắp xếp tổ chức**

B. Theo nguyện vọng cá nhân

C. Theo ý kiến đề xuất và được cấp có thẩm quyền đồng ý

***Đáp án A*** *– Điểm a, Khoản 1, điều 59, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 144: Theo quy định Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), nếu căn cứ vào ngạch được bổ nhiệm, công chức được phân thành bao nhiêu loại?***

A. 2

B. 3

**C. 5**

***Đáp án C***

***Câu 145: Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 5/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp cán bộ công chức, viên chức và người lao động, phải thực hiện những nội dung nào?***

A. Thực hiện nghiêm các quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của người cán bộ, công chức, viên chức; không sử dụng thời giờ làm việc để làm việc riêng; thực hiện đúng quy định trong văn hóa hội họp; không hút thuốc lá trong phòng làm việc, phòng họp, hội trường; nghiêm cấm sử dụng rượu bia, đồ uống có cồn trong giờ làm việc, giờ nghỉ trưa của ngày làm việc, ngày trực; không được vào casino đánh bạc dưới mọi hình thức.

B. Nghiêm cấm lợi dụng chức năng, nhiệm vụ để gây nhũng nhiễu, phiền hà, trục lợi khi xử lý, giải quyết công việc có liên quan đến người dân và doanh nghiệp; Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính phải bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

**C. Tất cả các nội dung nêu trên.**

***Đáp án C***

 *Câu 146: Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc gì?*

# A. Tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc

B. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng.

C. Cải cách hành chính, tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động, đổi mới công nghệ quản lý.

***Đáp án A*** *- Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc*

***Câu 147: Đề án Văn hóa công vụ được phê duyệt tại Quyết định số1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ, gồm mấy nội dung?***

**A. 4**

B. 5

C. 6

***Đáp án A***

***Câu 148: Đâu không phải là nội dung thuộc Đề án Văn hóa công vụ được phê duyệt tại Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ?***

**A. Kỷ luật công vụ cán bộ, công chức, viên chức;**

B. Chuẩn mực giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức;

C. Chuẩn mực về đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức;

***Đáp án A***

***Câu 149: Đâu là nội dung c*huẩn mực giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức theo *Đề án Văn hóa công vụ được phê duyệt tại Quyết định số1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ?***

A. Trong giao tiếp với người dân, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng, lắng nghe, tận tình hướng dẫn về quy trình xử lý công việc và giải thích cặn kẽ những thắc mắc của người dân. Thực hiện “4 xin, 4 luôn”: xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép; luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ;

B. Đối với đồng nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức phải có tinh thần hợp tác, tương trợ trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; không bè phái gây mất đoàn kết nội bộ của cơ quan, tổ chức;

**C. Tất cả các phương án trên.**

***Đáp án C***

***Câu 150: Theo Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), trường hợp nào sau đây công chức được chuyển ngạch cho phù hợp?***

A. Công chức có bằng cấp sau đại học

B. Công chức đang trong thời gian tập sự

**C. Công chức được giao nhiệm vụ không phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch công chức đang giữ.**

***Đáp án C*** *- Khoản 3, điều 43, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 151: Theo Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), nội dung nào sau đây không phải là nghĩ vụ của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ?***

A. Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

**B. Bồi thường thiệt hại khi các hành vị của mình gây thiệt hại cho tổ chức hoặc người dân.**

C. Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả tiết kiệm tài sản nhà nước được giao.

***Đáp án B*** *- Điều 9, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 152: Theo Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), nội dung nào sau đây không thuộc quyền của cán bộ, công chức về tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương?***

A. Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

B. Cán bộ, công chức làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc trong các ngành, nghề có môi trường độc hại, nguy hiểm được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

**C. Cán bộ, công chức đườn bảo đảm quyền học tập, nghiên cứu khóa học, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội.**

***Đáp án C*** *- Điều 12, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 153: Theo Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), nội dung nào sau đây thuộc quy định về văn hóa giao tiếp với nhân dân của cán bộ, công chức?***

A. Cán bộ, công chức không được hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân khi thi hành công vụ; Cán bộ, công chức phải gần gũi với nhân dân.

B. Có tác phong, thái độ lịch sự, nghiêm túc, khiêm tốn, ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc.

**C. Tất cả các Đáp án đều đúng.**

***Đáp án C*** *- Điều 17, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 154:*** ***Theo quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, Thời gian giữ bậc để xét nâng bậc lương thường xuyên đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên là:***

A. Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 3 năm giữ bậc lương trong ngạch

**B. Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 3 năm (đủ 36 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương;**

C. 3 năm (đủ 36 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương;

***Đáp án B***

***Câu 155. Theo quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, Công chức có đủ điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch, qua đánh giá đạt đủ mấy tiêu chuẩn trong suốt thời gian giữ bậc lương thì được nâng một bậc lương thường xuyên:***

**A. 2**

B. 3

C. 4

***Đáp án A***

***Câu 156. Theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, Trường hợp nào cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị kéo dài thời hạn nâng lương 12 tháng?***

A. Bị kỷ luật khiển trách

B. Cán bộ, công chức và người lao động bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo; Viên chức bị kỷ luật cảnh cáo; Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm

**C. Cán bộ bị kỷ luật cách chức; Công chức bị kỷ luật giáng chức hoặc cách chức; Viên chức và người lao động bị kỷ luật cách chức.**

***Đáp án C***

***Câu 157. Theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, Trường hợp nào cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị kéo dài thời hạn nâng lương 6 tháng?***

A. Bị kỷ luật khiển trách

**B. Cán bộ, công chức và người lao động bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo; Viên chức bị kỷ luật cảnh cáo; Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm**

C. Cán bộ bị kỷ luật cách chức; Công chức bị kỷ luật giáng chức hoặc cách chức; Viên chức và người lao động bị kỷ luật cách chức.

***Đáp án B***

***Câu 158: Theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, Cán bộ, công chức, viên chức có được thực hiện hai lần liên tiếp nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ không?***

A. Có

**B. Không**

C. Không quy định

***Đáp án B***

***Câu 159: Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ trong một năm không quá bao nhiêu % tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị?***

**A. 10%**

B. 15%

C. 20%

***Đáp án A****.*

***Câu 160: Theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, Trường hợp nào sau đây bị kéo dài thời hạn nâng lương 3 tháng?***

**A. Viên chức bị kỷ luật khiển trách**

B. Cán bộ, công chức và người lao động bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo; Viên chức bị kỷ luật cảnh cáo; Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm

C. Cán bộ bị kỷ luật cách chức; Công chức bị kỷ luật giáng chức hoặc cách chức; Viên chức và người lao động bị kỷ luật cách chức.

***Đáp án A****.*

***Câu 161: Theo quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, Thời gian nghỉ ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng bảo hiểm xã hội cộng dồn từ 6 tháng trở xuống (trong thời gian giữ bậc. theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội có được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương thường xuyên không?***

**A. Có**

B. Không

C. Không quy định

***Đáp án A***

***Câu 162: Theo quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, Thời gian nào không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên?***

A. Thời gian nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động;

B. Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

**C. Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương;**

***Đáp án C****.*

***Câu 163. Theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, Thời gian nào được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên?***

A. Thời gian tập sự (bao gồm cả trường hợp được hưởng 100% mức lương của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức tập sự).

**B. Thời gian cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia phục vụ tại ngũ theo Luật Nghĩa vụ quân sự**

C. Thời gian thử thách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên.

***Đáp án B***

***Câu 164: Theo Luật Viên chức năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2019, việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập là đúng hay sai?***

**A. Đúng**

B. Sai

***Đáp án A*** *– Điều 20, Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 165: Theo Luật Viên chức năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2019, việc tuyển dụng viên chức được thực hiện thông qua hình thức nào?***

A. Thi tuyển

B. Thi viết

**C. Thi tuyển hoặc xét tuyển**

***Đáp án C*** *– Điều 23, Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 166: Theo quy định tại Nghị định 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức quy định việc thi tuyển công chức được thực hiện bao nhiêu vòng thi?***

A. 1

**B. 2**

C. 3

***Đáp án B*** *– Điều 8, Nghị định 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức*

**Câu 167: *Theo quy định tại Nghị định 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức*, Thời gian tập sự đối với trường hợp tuyển dụng vào công chức loại C là 06 tháng. Đúng hay sai?**

A. Đúng

**B. Sai**

C. Không quy định

***Đáp án B***

***Câu 168: Theo quy định tại Nghị định 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, thời gian tập sự đối với trường hợp tuyển dụng vào công chức loại D là 06 tháng. Đúng hay sai?***

**A. Đúng**

B. Sai

C. Không quy định

***Đáp án A***

***Câu 169: Theo quy định tại Nghị định 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, thời hạn giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cho mỗi lần bổ nhiệm là bao lâu?***

**A. 05 năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực**

B. 03 năm

C. 05 năm

***Đáp án A***

***Câu 170: Đạo đức của cán bộ, công chức được quy định thế nào trong Luật cán bộ, công chức 2008?***

A. Cán bộ, công chức phải gần gũi với nhân dân

B. Cán bộ, công chức phải lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp

**C. Cán bộ, công chức phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hoạt đông công vụ**

***Đáp án C*** *- Điều 15, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 171: Nội dung nào sau đây không phải là quy định nghĩa vụ của cán bộ, công chức đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân?***

A. Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân.

**B. Thực hiền đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.**

C. Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước CHXHCN Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia.

***Đáp án B*** *- Điều 8, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 172: Theo quy định của Luật cán bộ, công chức năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2019, nội dung nào sau đây là nguyên tắc tuyển dụng công chức?***

A. Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm; Bảo đảm tính cạnh tranh.

B. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

**C. Tất cả Đáp án trên đều đúng.**

***Đáp án C*** *- Điều 38, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 173: Theo quy định của Luật cán bộ, công chức năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2019, nội dung nào sau đây thuộc quy định về văn hóa giao tiếp với nhân dân của cán bộ, công chức?***

A. Cán bộ, công chức không được hách dịch, cửa quyền gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân khi thi hành công vụ

B. Có tác phong, thái độ lịch sử, nghiêm túc, khiêm tốn, ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc. Cán bộ, công chức phải gần gũi với nhân dân

**C. Tất cả Đáp án trên đều đúng**

***Đáp án C*** *- Điều 17, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 174: Theo quy định của Luật cán bộ, công chức năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2019, nội dung nào sau đây là nghãi vụ của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ?***

A. Phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

**B. Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ, giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức đơn vị.**

C. Khi tiếp xúc với nhân dân phải có thái độ kính trọng, lễ phép, tận tụy, đúng mực.

***Đáp án B*** *- Điều 9, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 175: Theo quy định của Luật cán bộ, công chức năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2019, “Điều động” cán bộ, công chức được hiểu như thế nào?***

**A. Là việc cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển từ cơ quan, tổ chức, đơn vị này đến làm việc ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác.**

B. Là việc cán bộ không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ

C. Là việc công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị này được cử đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác theo yêu cầu nhiệm vụ.

***Đáp án A -*** *Khoản 10, Điều 7, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

***Câu 176: Theo quy định của Luật cán bộ, công chức năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2019, “Luân chuyển” cán bộ, công chức được hiểu như thế nào?***

A. Là việc cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển từ cơ quan, tổ chức, đơn vị này đến làm việc ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác.

B. Là việc cán bộ không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ.

**C. Là việc cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý được cử hoặc bổ nhiệm giữ một chức danh lãnh đạo, quản lý khác trong một thời hạn nhất định để tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện theo yêu cầu nhiệm vụ.**

***Đáp án C*** *- Khoản 11, Điều 7, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)*

**PHẦN 6**

**TÌM HIỂU VỀ ĐỀ ÁN 06**

***Câu 177. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đâu là quan điểm chỉ đạo được nêu tại Đề án ban hành kèm theo Quyết định này?***

A. Người dân là trung tâm của chuyển đổi số; lấy phát triển con người, bảo đảm và cải thiện dân sinh làm mục đích; người dân chỉ phải cung cấp thông tin, giấy tờ một lần cho các cơ quan nhà nước khi thực hiện các thủ tục hành chính.

B. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm của chuyển đổi số; lấy phát triển con người, bảo đảm và cải thiện dân sinh làm mục đích; minh bạch hóa và tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào hoạt động của cơ quan nhà nước.

**C. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm của chuyển đổi số; lấy phát triển con người, bảo đảm và cải thiện dân sinh làm mục đích; minh bạch hóa và tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào hoạt động của cơ quan nhà nước. Người dân chỉ phải cung cấp thông tin, giấy tờ một lần cho các cơ quan nhà nước khi thực hiện các thủ tục hành chính.**

***Đáp án: C****. Theo Khoản 4 Mục I Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

***Câu 178. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đâu là tiện ích được nêu tại Mục tiêu tổng quát của Đề án ban hành kèm theo Quyết định này?***

**A. Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; Phục vụ công dân số; Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư; Phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.**

B. Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

C. Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hướng tới làm chủ, phát triển các công nghệ lõi, nền tảng mở phục vụ Chính phủ số

***Đáp án: A****. Theo Khoản 1 Mục II Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

***Câu 179. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đâu là tiện ích phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến được nêu tại Mục tiêu cụ thể năm 2022 của Đề án ban hành kèm theo Quyết định này?***

A. Hoàn thành tích hợp, cung cấp dịch vụ xác thực thông tin về số Chứng minh nhân dân (7 số) với Căn cước công dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để 100% tài khoản định danh điện tử của cá nhân đã được tạo lập bởi Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh thực hiện được việc xác thực với danh tính điện tử do Bộ Công an cung cấp.

B. Hoàn thành tích hợp, cung cấp dịch vụ xác thực thông tin về số Chứng minh nhân dân (8 số) với Căn cước công dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để 100% tài khoản định danh điện tử của cá nhân đã được tạo lập bởi Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh thực hiện được việc xác thực với danh tính điện tử do Bộ Công an cung cấp.

**C. Hoàn thành tích hợp, cung cấp dịch vụ xác thực thông tin về số Chứng minh nhân dân (9 số) với Căn cước công dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để 100% tài khoản định danh điện tử của cá nhân đã được tạo lập bởi Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh thực hiện được việc xác thực với danh tính điện tử do Bộ Công an cung cấp.**

***Đáp án: C****. Theo ý thứ nhất của gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

***Câu 180. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, năm 2022, việc chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu phục vụ người dân, doanh nghiệp trên cơ sở sử dụng xác thực, chia sẻ bảng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để nhằm mục đích gì?***

A. Để đa dạng về quy mô, hướng tới làm chủ, phát triển các công nghệ lõi.

**B. Để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.**

C. Cả 2 phương án trên.

***Đáp án: B.*** *Theo ý thứ hai của gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

***Câu 181. Tiếp tục hoàn thiện dữ liệu dân cư bảo đảm “đúng”, “đủ”, “sạch”, “sống” là mục tiêu cụ thể được nêu tại văn bản nào sau đây?***

A. Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ.

**B. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.**

C. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

***Đáp án: B****. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

***Câu 182. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, hoàn thành việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu thuế nhằm mục đích gì?***

**A. Phục vụ xác thực thông tin về người nộp thuế trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thuế, giúp 100% người nộp thuế không phải khai báo lại các thông tin thay đổi đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.**

B. Phục vụ xác thực thông tin về người nộp thuế trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thuế, giúp người nộp thuế không phải đi lại nhiều lần.

C. Phục vụ xác thực thông tin về người nộp thuế trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thuế, giúp 100% người nộp thuế không phải bổ sung bất kỳ thông tin nào khi có sự thay đổi về thông tin cá nhân của người nộp thuế.

***Đáp án: A.*** *Theo ý thứ sáu của gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

***Câu 183. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, hoàn thành việc kết nối, chia sẻ, xác thực thông tin công dân với Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhằm mục đích gì?***

A. Những thông tin chưa được kết nối, chia sẻ thì không yêu cầu người dân khai báo lại.

B. Những thông tin chưa có trong Cơ sở dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ thì không yêu cầu người dân khai báo lại.

**C. Những thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã được kết nối, chia sẻ thì không yêu cầu người dân khai báo lại.**

***Đáp án: C.*** *Theo ý thứ bảy của gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

***Câu 184. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu cụ thể mang lại cho cấp xã là gì?***

**A. Bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả trong việc đăng ký khai sinh, cấp số định danh cá nhân của công dân và thực hiện an sinh xã hội trên cơ sở triển khai giải pháp dùng chung hạ tầng của ngành Công an.**

B. Bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả trong việc đăng ký khai sinh, cấp số định danh cá nhân của công dân và thực hiện an sinh xã hội trên cơ sở triển khai giải pháp dùng chung hạ tầng của ngành Thuế.

C. Bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả trong việc đăng ký khai sinh, cấp số định danh cá nhân của công dân và thực hiện an sinh xã hội trên cơ sở triển khai giải pháp dùng chung hạ tầng của ngành Điện lực.

***Đáp án: A.*** *Theo ý thứ tám của gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

***Câu 185. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, tiện ích mang lại cho công dân khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được kết nối, tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư?***

A. Công dân phải xuất trình hồ sơ chứng minh thông tin của bản thân khi thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa.

**B. Công dân không phải xuất trình hồ sơ chứng minh thông tin của bản thân khi thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa.**

C. Công dân không phải xuất trình chứng minh nhân dân khi thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa.

***Đáp án: B.*** *Theo ý thứ mười của gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

***Câu 186. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, các loại giấy tờ nào được từng bước thay thế khi tích hợp, xác thực các thông tin, giấy tờ cá nhân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để công dân chỉ cần sử dụng thẻ Căn cước công dân, ứng dụng Định danh điện tử quốc gia (VNEID)?***

**A. Bảo hiểm y tế, bằng lái xe, giấy phép lái xe, mã số chứng chỉ hoặc giấy phép hành nghề, tiêm chủng, y tế, giáo dục, thẻ cán bộ, công chức, viên chức.**

B. Bảo hiểm y tế, bằng lái xe, giấy phép lái xe, mã số chứng chỉ hoặc giấy phép hành nghề, tiêm chủng.

C. Bảo hiểm y tế, bằng lái xe, giấy phép lái xe, thẻ cán bộ, công chức, viên chức.

***Đáp án: A.*** *Theo ý thứ 11 của gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

***Câu 187. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đâu là mục tiêu cụ thể giai đoạn 2023-2025?***

A. 80% kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân được lưu trữ điện tử với số định danh cá nhân là một thông tin bắt buộc phục vụ cho kết nối, chia sẻ, tái sử dụng; 50% mẫu đơn, tờ khai có thông tin công dân được chuẩn hóa thống nhất theo yêu cầu từ dữ liệu gốc của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

B. 90% kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân được lưu trữ điện tử với số định danh cá nhân là một thông tin bắt buộc phục vụ cho kết nối, chia sẻ, tái sử dụng; 50% mẫu đơn, tờ khai có thông tin công dân được chuẩn hóa thống nhất theo yêu cầu từ dữ liệu gốc của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

**C. 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân được lưu trữ điện tử với số định danh cá nhân là một thông tin bắt buộc phục vụ cho kết nối, chia sẻ, tái sử dụng; 50% mẫu đơn, tờ khai có thông tin công dân được chuẩn hóa thống nhất theo yêu cầu từ dữ liệu gốc của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.**

***Đáp án: C****. Theo ý thứ năm, sáu của gạch đầu dòng thứ hai điểm a Khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

***Câu 188. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đâu là mục tiêu cụ thể giai đoạn 2025-2030?***

A. 100% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp bộ, tỉnh; 100% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp huyện và 80% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

**B. 100% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp bộ, tỉnh; 100% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp huyện và 80% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).**

C. 100% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp bộ, tỉnh; 90% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp huyện và 80% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

***Đáp án: B.*** *Theo ý thứ hai của gạch đầu dòng thứ ba điểm a Khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

***Câu 189. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đâu là nhiệm vụ và giải pháp được nêu tại Đề án?***

**A. Thực hiện số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu, cập nhật, bổ sung, kết nối, chia sẻ và sử dụng có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.**

B. Thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu, cập nhật, bổ sung, kết nối, chia sẻ và sử dụng có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

C. Thực hiện tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu, cập nhật, bổ sung, kết nối, chia sẻ và sử dụng có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

***Đáp án: A.*** *Theo điểm g Khoản 2 Mục III Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

***Câu 190: Đâu là tên gọi đầy đủ của Đề án 06 của Chính phủ?***

A. Đề án phát triển ứng dụng định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

B. Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

**C. Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030**.

***Đáp án C***

***Câu 191: Đề án 06 của Chính phủ có mấy quan điểm chỉ đạo; nhóm tiện ích và nhóm nhiệm vụ?***

A. 09 quan điểm; 02 nhóm tiện ích; 03 nhiệm vụ.

**B. 07 quan điểm; 05 nhóm tiện ích; 06 nhiệm vụ.**

C. 05 quan điểm; 03 nhóm tiện ích; 05 nhiệm vụ.

***Đáp án B***

***Câu 192: Đâu không phải là nhóm tiện ích ban hành kèm theo Đề án 06 của Chính phủ?***

A. Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

B. Phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

**C. Phục vụ kinh doanh, giải trí cho người dân và doanh nghiệp.**

***Đáp án C***

***Câu 193: Tài khoản định danh điện tử là gì?***

A. Tài khoản định danh điện tử là tài khoản được tạo lập bởi người dân và doanh nghiệp trên điện thoại. Tài khoản này được quản lý và xác thực trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia, do Thông tin và Truyền thông phát triển.

B. Tài khoản định danh điện tử là tài khoản do người dân tạo lập trên điện thoại, máy tính bảng, máy tính laptop. Tài khoản này được quản lý và xác thực trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia, do Bộ Văn hóa thể thao và du lịch phát triển.

**C. Tài khoản định danh điện tử là tập hợp gồm tên đăng nhập (chính là mã số định danh cá nhân của công dân), mật khẩu (được gửi qua tin nhắn SMS cho mỗi cá nhân) hoặc hình thức xác thực khác được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an. Tài khoản này được quản lý và xác thực trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia, do Bộ Công an phát triển.**

***Đáp án C***

***Câu 194: Tài khoản định danh điện tử có mấy mức độ?***

A. 01.

**B. 02.**

C. 03.

***Đáp án B***

***Câu 195: Công dân có thể đăng ký tài khoản định danh điện tử ở đâu?***

**A. Mức 1 công dân đăng ký trực tiếp trên ứng dụng VNeID; mức 2 công dân đến Công an tỉnh (Phòng PC06), Công an huyện, thành phố (Đội Cảnh sát QLHC về TTXH) và đến Công an làm hồ sơ cấp tài khoản định danh điện tử.**

B. Mức 1 và Mức 2 công dân đăng ký trực tiếp trên ứng dụng VNeID.

C. Mức 1 và Mức 2 công dân đến Công an tỉnh (Phòng PC06), Công an huyện, thành phố (Đội Cảnh sát QLHC về TTXH) và đến Công an làm hồ sơ cấp tài khoản định danh điện tử.

***Đáp án A***

***Câu 196: Để đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2, công dân cần làm gì?***

**A. Đến cơ quan công an để xác thực ảnh mặt và vân tay; cung cấp các giấy tờ cá nhân như thẻ bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, đăng ký xe…**

B. Không cần làm gì cả, chỉ cần thao tác trên điện thoại Smartphone.

C. Đến cơ quan công an chỉ để cung cấp các giấy tờ cá nhân như thẻ bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, đăng ký xe…

***Đáp án A***

***Câu 197: Khi đăng ký tài khoản định danh điện tử, có cần số điện thoại chính chủ không?***

A. Bắt buộc phải có số điện thoại chính chủ.

**B. Không bắt buộc sử dụng số điện thoại chính chủ, nhưng khuyến khích sử dụng vì vấn đề an toàn bảo mật.**

C. Sử dụng số điện thoại của những người thân trong gia đình là được.

***Đáp án B***

***Câu 198. Đối tượng nào đủ điều kiện cấp tài khoản định danh điện tử?***

A. Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên; đối với công dân Việt Nam là người chưa đủ 14 tuổi hoặc là người được giám hộ được đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

B. Người nước ngoài từ đủ 14 tuổi trở lên nhập cảnh vào Việt Nam; đối với người nước ngoài là người chưa đủ 14 tuổi hoặc là người được giám hộ được đăng ký theo tài khoản ĐDĐT của cha, mẹ hoặc người giám hộ. Cơ quan, tổ chức được thành lập hoặc đăng ký hoạt động tại Việt Nam.

**C. Cả 2 Đáp án trên.**

***Đáp án C***

***Câu 199: Tài khoản định danh điện tử mức độ 1, mức độ 2 có giá trị thế nào?***

**A. Tài khoản định danh điện tử mức độ 1 có giá trị chứng minh thông tin trong các hoạt động, giao dịch có yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân. Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 có giá trị tương đương với sử dụng căn cước công dân trong các giao dịch có yêu cầu xuất trình căn cước công dân; ngoài ra, tài khoản định danh điện tử mức độ 2 còn cung cấp thông tin có trong các loại giấy tờ đã được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử như giấy phép lái xe, thẻ bảo hiểm y tế…để đối chiếu khi phải xuất trình giấy tờ đó.**

B. Tài khoản định danh điện tử mức độ 1 có giá trị tương đương với sử dụng căn cước công dân trong các giao dịch có yêu cầu xuất trình căn cước công dân; Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 có giá trị chứng minh thông tin trong các hoạt động, giao dịch có yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân, ngoài ra, tài khoản định danh điện tử mức độ 2 còn cung cấp thông tin có trong các loại giấy tờ đã được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử như giấy phép lái xe, thẻ bảo hiểm y tế…để đối chiếu khi phải xuất trình giấy tờ đó.

C. Tài khoản định danh điện tử mức độ 1 và 2 có giá trị tương đương với sử dụng căn cước công dân trong các giao dịch có yêu cầu xuất trình căn cước công dân; ngoài ra, tài khoản định danh điện tử mức độ 2 còn cung cấp thông tin có trong các loại giấy tờ đã được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử như giấy phép lái xe, thẻ bảo hiểm y tế…để đối chiếu khi phải xuất trình giấy tờ đó.

***Đáp án A***

***Câu 200: Sau khi tải ứng dụng VNeID về điện thoại, để đăng ký sử dụng tài khoản định danh điện tử, cần có giấy tờ gì?***

A. Thẻ Căn cước công dân mã vạch hoặc gắn chip.

**B. Thẻ Căn cước công dân gắn chip.**

C. Không cần giấy tờ gì.

***Đáp án B***

***Câu 201: Nguyên tắc kích hoạt tài khoản định danh điện tử?***

A. Một số điện thoại có thể kích hoạt cho nhiều tài khoản khác nhau cùng thời điểm.

**B. Một số điện thoại chỉ kích hoạt cho một tài khoản.**

C. Một số điện thoại chỉ kích hoạt được tối đa cho 2 tài khoản cùng thời điểm.

***Đáp án B***

***Câu 202: Điều kiện để người dân tải, cài đặt, sử dụng ứng dụng VNeID?***

**A. Phải có Smartphone kết nối internet chạy hệ điều hành tối thiểu Android 5.0 hoặc iOS 13.0 trở lên.**

B. Chỉ cần có Smartphone kết nối internet.

C. Chỉ tải và cài đặt được trên Smartphone chạy hệ điều hành iOS.

***Đáp án A***

***Câu 203: Khi bị mất điện thoại đang sử dụng tài khoản định danh điện tử thì cần làm gì?***

A. Yêu cầu khóa tài khoản trên trang thông tin Định danh điện tử Quốc gia.

B. Liên hệ cơ quan công an để được hỗ trợ khóa tạm thời tài khoản.

**C. Tất cả đáp án trên đều đúng**

***Đáp án C***

**Câu 204: Khi nhận được cuộc gọi lạ, xưng là cán bộ Công an yêu cầu cung cấp các thông tin cá nhân, tài khoản ngân hàng,… để cấp tài khoản định danh điện tử. Có nên thực hiện theo những yêu cầu trên không?**

**A. Không. Vì người dân có thể đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử qua Ứng dụng VNeID hoặc ra trực tiếp cơ quan Công an để thực hiện. Cán bộ Công an sẽ không gọi điện yêu cầu công dân cung cấp thêm thông tin cá nhân hay bất kỳ loại giấy tờ nào khác**

B. Có. Vì cơ quan công an có thể cần bổ sung thêm giấy tờ tích hợp vào tài khoản Định danh điện tử và liên hệ vì đã có số điện thoại lưu trong hệ thống

C. Tùy vào nội dung cơ quan công an yêu cầu mà cân nhắc thực hiện theo hay không.

***Đáp án A***

**Câu 205: Khi nào thì tài khoản Định danh điện tử công dân bị khóa?**

A. Chủ thể danh tính điện tử yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử của mình; chủ thể danh tính điện tử vi phạm điều khoản sử dụng ứng dụng VNelD; chủ thể danh tính điện tử bị thu hồi thẻ Căn cước công dân; chủ thể danh tính điện tử chết.

B. Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc bên sử dụng dịch vụ có yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử gửi đề nghị khóa tài khoản tới cơ quan Công an để xem xét, giải quyết.

**C. Tất cả đáp án trên đều đúng**

***Đáp án C.***

***Câu 206. Mở khóa tài khoản định danh điện tử của công dân khi nào?***

A. Hệ thống định danh và xác thực điện tử tự động mở khóa ngay tài khoản định danh điện tử khi các căn cứ khóa tự động tài khoản định danh điện tử đã hết;

B. Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc bên sử dụng dịch vụ có yêu cầu mở khóa tài khoản định danh điện tử thì gửi đề nghị mở khóa tài khoản tới cơ quan Công an để xem xét, giải quyết.

**C**. **Tất cả đáp án trên đều đúng**

### *Đáp án C*

***Câu 207: Tài khoản nào có thể dùng để đăng nhập vào Cổng dịch vụ công quốc gia?***

A. Tài khoản đăng ký trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

B. Tài khoản Định danh điện tử VNeID.

**C**. **Tất cả đáp án trên đều đúng**

***Đáp án C***

***Câu 208: Theo quy định tại Luật Căn cước công dân năm 2014, công dân Việt Nam từ đủ bao nhiêu tuổi được cấp thẻ Căn cước công dân?***

**A. Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi.**

B. Công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi.

C. Công dân Việt Nam từ đủ 16 tuổi.

***Đáp án A***

***Câu 209: Độ tuổi đổi thẻ Căn cước công dân theo quy định tại Luật Căn cước công dân năm 2014?***

A. Khi công dân đủ 25 tuổi, đủ 45 tuổi và đủ 60 tuổi.

**B. Khi công dân đủ 25 tuổi, đủ 40 tuổi và đủ 60 tuổi.**

C. Khi công dân đủ 20 tuổi, đủ 40 tuổi và đủ 60 tuổi.

***Đáp án B***

***Câu 210: Thẻ Căn cước công dân gắn chíp có những đặc điểm nổi bật và tiện ích gì?***

A.Thông tin cá nhân được bảo mật cao;

B. Khó bị làm giả do phôi và chíp được nhập từ nước ngoài, sản xuất trên công nghệ tiên tiến. Có thể dùng để rút tiền tại các cây ATM thay thế thẻ ATM.

**C. Tất cả các phương án trên.**

***Đáp án C***

***Câu 211: Mã Qr Code trên thẻ Căn cước công dân gắn chíp chứa thông tin gì sau đây?***

**A. Số Căn cước công dân và Số Chứng minh nhân dân 9 số; Họ và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi thường trú; Ngày cấp Căn cước công dân.**

B. Họ và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi thường trú; Ngày cấp Căn cước công dân.

C. Số Căn cước công dân và Số Chứng minh nhân dân 9 số; Ngày cấp Căn cước công dân.

***Đáp án A***

***Câu 212: Chíp trên thẻ Căn cước công dân chứa thông tin gì sau đây?***

A. Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Nơi thường trú; Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; Số Chứng minh nhân dân 9 số (nếu có.

B. Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Nơi thường trú; Số Chứng minh nhân dân 9 số (nếu có); Ngày cấp; Ngày hết hạn thẻ Căn cước công dân; Đặc điểm nhận dạng; Ảnh chân dung; Trích chọn vân tay; Số Căn cước công dân.

**C. Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Nơi thường trú; Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; Số Chứng minh nhân dân 9 số (nếu có); Ngày cấp; Ngày hết hạn thẻ Căn cước công dân; Đặc điểm nhận dạng; Ảnh chân dung; Trích chọn vân tay; Số Căn cước công dân.**

***Đáp án C***

***Câu 213: Dùng thẻ Căn cước công dân gắn chíp có bị cơ quan quản lý căn cước công dân theo dõi, định vị qua chip không?***

**A. Không bị theo dõi.**

B. Bị theo dõi trong trường hợp cần thiết.

C. Có bị theo dõi.

***Đáp án A***

***Câu 214: Công dân bị thu hồi thẻ Căn cước công dân trong những trường hợp nào?***

A.Bị khởi tố bị can và bắt tạm giam.

**B. Bị tước quốc tịch, thôi quốc tịch Việt Nam hoặc bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.**

C. Bị tước quốc tịch, hoặc bị khởi tố, bắt tạm giam.

***Đáp án B***

***Câu 215: Thẻ Căn cước công dân bị tạm giữ trong trường hợp sau đây?***

**A. Người đang bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành án phạt tù. Người đang chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc**

B. Bị chết hoặc mất tích.

C. Khi đang trốn truy nã.

***Đáp án A***

***Câu 216: Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chứa thông tin gì sau đây?***

**A.Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi đăng ký khai sinh; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Tình trạng hôn nhân; Nơi thường trú; Nơi ở hiện tại; Quan hệ với chủ hộ; Nhóm máu; Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ; Số định danh cá nhân**.

B.Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi đăng ký khai sinh; Quê quán; Tình trạng hôn nhân; Nơi thường trú; Nơi ở hiện tại; Quan hệ với chủ hộ; Nhóm máu; Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ; Số định danh cá nhân.

C.Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi đăng ký khai sinh; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Tình trạng hôn nhân; Nơi thường trú; Nơi ở hiện tại; Quan hệ với chủ hộ.

***Đáp án A***

***Câu 217: Đối tượng nào được cấp Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư?***

A.Trẻ em dưới 14 tuổi đã đăng ký khai sinh nhưng chưa được cấp mã số định danh cá nhân. Công dân từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa được cấp Chứng minh dân dân 12 số, Căn cước công dân mã vạch.

B.Trẻ em dưới 14 tuổi đã đăng ký khai sinh nhưng chưa được cấp mã số định danh cá nhân. Công dân từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa được cấp Chứng minh dân dân 9 số.

**C.Trẻ em dưới 14 tuổi đã đăng ký khai sinh nhưng chưa được cấp mã số định danh cá nhân. Công dân từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa được cấp Chứng minh dân dân 12 số, Căn cước công dân mã vạch và Căn cước công dân gắn chíp.**

***Đáp án C***

***Câu 218: Bạn hãy cho biết: Có mấy phương thức phương thức sử dụng thông tin công dân thay thế việc xuất trình***[***sổ hộ khẩu***](https://thanhnien.vn/nhieu-thu-tuc-van-doi-so-ho-khau-post1506838.html) ***giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự.***

A. 6 phương thức, gồm có:(1)Thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử; (2) Sử dụng thiết bị đọc mã QRCode trên [thẻ căn cước công dân gắn chip](https://thanhnien.vn/vi-sao-can-doi-ngay-sang-cccd-gan-chip-cong-an-tp-hcm-neu-3-ly-do-post1480585.html); (3) Sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ căn cước công dân gắn chíp; (4) Tra cứu, khai thác thông tin cá nhân trực tuyến trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự; (5) Giấy xác nhận thông tin về cư trú; (6) Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

**B. 7 phương thức, gồm có: (1) Thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử; (2) Sử dụng thiết bị đọc mã QRCode trên**[**thẻ căn cước công dân gắn chip**](https://thanhnien.vn/vi-sao-can-doi-ngay-sang-cccd-gan-chip-cong-an-tp-hcm-neu-3-ly-do-post1480585.html)**; (3) Sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ căn cước công dân gắn chíp; (4) Tra cứu, khai thác thông tin cá nhân trực tuyến trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự; (5) Giấy xác nhận thông tin về cư trú; (6) thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; (7) Sử dụng ứng dụng VNeID.**

C. 8 phương thức, gồm có:(1)Thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử; (2) Sử dụng thiết bị đọc mã QRCode trên [thẻ căn cước công dân gắn chip](https://thanhnien.vn/vi-sao-can-doi-ngay-sang-cccd-gan-chip-cong-an-tp-hcm-neu-3-ly-do-post1480585.html); (3) Sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ căn cước công dân gắn chíp; (4) Tra cứu, khai thác thông tin cá nhân trực tuyến trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự; (5) Giấy xác nhận thông tin về cư trú; (6) thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; (7) Sử dụng ứng dụng VNeID; (8) Hộ chiếu.

***Đáp án B***

**PHẦN 7**

**TÌM HIỂU VỀ CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO VỀ HOẠT ĐỘNG**

**KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN CUỘC THI TRỰC TUYẾN**

**“TÌM HIỂU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023”**

**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN**

***Câu 219. Theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ, “thủ tục hành chính” được hiểu như thế nào?***

A. Là quy trình, các bước thực hiện, giải quyết một việc.

B. Là các bước giải quyết công việc phục vụ công tác quản lý - điều hành của cơ quan nhà nước.

**C. Là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức.**

***Đáp án: C.*** *Theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ.*

***Câu 220. Theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ, “kiểm soát thủ tục hành chính” được hiểu như thế nào?***

**A. Là việc xem xét, đánh giá, theo dõi nhằm bảo đảm tính khả thi của quy định về thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu công khai, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện thủ tục hành chính.**

B. Là việc xem xét, đánh giá, theo dõi nhằm bảo đảm tính khả thi của quy định về thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật.

C. Là việc theo dõi thi hành quy định về thủ tục hành chính được quy định văn bản quy phạm pháp luật trong thực tiễn.

***Đáp án: A.*** *Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.*

***Câu 221. Theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ, “hồ sơ” được hiểu như thế nào?***

A. Là những loại giấy tờ mà đối tượng thực hiện thủ tục hành chính cần phải nộp cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính trước khi cơ quan thực hiện thủ tục hành chính giải quyết một công việc cụ thể cho cá nhân, tổ chức.

B. Là những loại giấy tờ mà đối tượng thực hiện thủ tục hành chính cần phải xuất trình cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính trước khi cơ quan thực hiện thủ tục hành chính giải quyết một công việc cụ thể cho cá nhân, tổ chức.

**C. Là những loại giấy tờ mà đối tượng thực hiện thủ tục hành chính cần phải nộp hoặc xuất trình cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính trước khi cơ quan thực hiện thủ tục hành chính giải quyết một công việc cụ thể cho cá nhân, tổ chức.**

***Đáp án: C****. Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.*

**Câu 222. Cơ sở pháp lý để cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh Nghệ An thực hiện quyền phản ánh, kiến nghị đối với các quy định hành chính tới các cơ quan nhà nước?**

A.Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

B.Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**C. Cả 2 văn bản trên.**

***Đáp án: C.***

***Câu 223. Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ quy định nội dung gì?***

A. Về xử lý vi phạm hành chính trong việc thực hiện quy định hành chính.

**B. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.**

C. Về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

*Đáp án: B. Theo Điều 1 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.*

***Câu 224.******Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ không điều chỉnh đối với nội dung nào sau đây?***

A. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

**B. Về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.**

C. Cả 2 nội dung trên.

***Đáp án: B****. Theo Điều 1 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.*

*Câu 225. Đối tượng nào sau đây không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ?*

A. Cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

B. Cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

**C.Cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật về hành chính.**

*Đáp án: C. Theo Điều 2 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.*

***Câu 225. Theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP của Chính phủ thì phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được thực hiện thông qua các hình thức nào?***

A. Văn bản; Điện thoại; Phiếu lấy ý kiến.

B. Văn bản; Điện thoại.

C. Thông điệp dữ liệu được gửi qua thư điện tử của cơ quan tiếp nhận, Cổng Thông tin điện tử các bộ, ngành, địa phương hoặc Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị.

***Đáp án A: Theo Điều 6, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.***

***Câu 226. Quy định hành chính theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ được quy định như thế nào?***

A. Là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước.

 **B. Là những quy định về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh và đời sống nhân dân, thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.**

C. Là biện pháp xử lý hành chính.

***Đáp án: B.*** *Theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.*

***Câu 227. Theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ, các phương án nào sau đây quy định nội dung phản ánh, kiến nghị?***

A. Những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của cán bộ, công chức.

B. Sự không phù hợp của quy định hành chính với thực tế.

**C. Cả 2 phương án trên.**

***Đáp án: C****. Theo khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.*

***Câu 228. Theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008, nội dung nào sau đây không thuộc phạm vi được phản ánh, kiến nghị?***

A. Sáng kiến ban hành mới quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

**B. Khiếu nại, tố cáo quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền.**

C. Quy định hành chính không hợp pháp.

***Đáp án: B.*** *Theo Điều 5 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.*

***Câu 229.******Cơ quan nào có thẩm quyền làm đầu mối tiếp nhận toàn bộ các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hiện nay?***

**A. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.**

B. Sở Tư pháp.

C. Sở Nội vụ.

***Đáp án: A.*** *Theo khoản 1 Điều 5 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh.*

***Câu 230.******Trong các phương án sau, phương án nào quy định về yêu cầu đối với phản ánh, kiến nghị bằng văn bản******theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ?***

A. Sử dụng ngôn ngữ bằng Tiếng Việt, thể hiện rõ nội dung phản ánh, kiến nghị.

B*.* Ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại (hoặc địa chỉ thư tín khi cần liên hệ) của cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị.

C. Cả 2 phương án trên.

***Đáp án: C.*** *Theo điểm b, c, d khoản 1 Điều 7 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ.*

***Câu 231. Theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức bằng Phiếu lấy ý kiến được áp dụng khi nào?***

A. Trong trường hợp cá nhân, tổ chức muốn phản ánh, kiến nghị về việc thực hiện quy định hành chính.

B. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trên.

**C. Chỉ áp dụng khi các cơ quan hành chính nhà nước muốn lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính cụ thể.**

***Đáp án: C****. Theo điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ.*

*Câu 232. Theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ, việc gửi Phiếu lấy ý kiến đến các cá nhân, tổ chức trong trường hợp cơ quan hành chính nhà nước muốn lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính cụ thể được thực hiện thông qua những cách thức nào sau đây?*

A. Gửi công văn lấy ý kiến; lấy ý kiến qua phương tiện thông tin đại chúng.

B. Gửi thông điệp dữ liệu qua mạng máy tính điện tử (thư điện tử, lấy ý kiến công khai trên trang tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử).

**C. Cả 2 phương án trên**.

*Đáp án: C. Theo điểm b, Khoản 3, Điều 7 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ.*

*Câu 233. Tổ chức, cá nhân được phản ánh, kiến nghị những nội dung nào trên Cổng Dịch vụ công quốc gia?*

A. Thủ tục hành chính đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, hoặc đã được đăng tải nhưng không đầy đủ, chính xác theo quy định;

B. Thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành, bị bãi bỏ nhưng vẫn được đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh; Sự không thống nhất giữa thủ tục hành chính được giải quyết với thủ tục hành chính được công khai tại nơi giải quyết thủ tục hành chính và được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh.

**C. Cả 2 phương án trên**

***Đáp án: C****. Theo quy định tại Điều 39 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia.*

***Câu 234. Thời gian tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?***

**A. Theo giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và ngày nghỉ lễ, tết). Trường hợp gửi qua Email hoặc Website điện tử thì thực hiện 24/24 giờ.**

B. Chỉ tiếp nhận vào các ngày thứ 2, 4, 6 trong tuần.

C. Tiếp nhận vào giờ làm việc hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần.

***Đáp án: A.*** *Theo khoản 3 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh.*

***Câu 235:: Địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính ?***

**A. Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, số 3 đường Trường Thi, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.**

B. Sở Tư pháp, số 56 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Vinh, Nghệ An.

C. Phòng Cải cách hành chính - Sở Nội vụ, số 30 đường Phan Đăng Lưu, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

***Đáp án: A.*** *Theo điểm a khoản 2 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh.*

***Câu 236.******Địa chỉ hộp thư điện tử của cơ quan đầu mối tiếp nhận******phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An là địa chỉ nào sau đây?***

A. nghean.gov.vn.

**B.** **kstthc@ubnd.nghean.gov.vn****.**

C. Cả 2 phương án trên.

***Đáp án: B****. Theo điểm c khoản 2 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh.*

***Câu 237. Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quy định việc công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính như thế nào?***

**A. Toàn bộ kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức phải được đăng tải công khai thông qua một hoặc nhiều hình thức sau: Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và Cổng thông tin điện tử (website) của cơ quan hành chính các cấp (nếu có); thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng; thông báo cho cá nhân, tổ chức và các cơ quan có liên quan biết; các hình thức khác.**

B. Chỉ cần thông báo cho cá nhân, tổ chức và các cơ quan có liên quan biết.

C. Không được thông báo cho cá nhân, tổ chức và công khai rộng rãi.

***Đáp án: A****. Theo khoản 1 Điều 10 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh.*

***Câu 238. Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ quy định cán bộ, công chức thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức phải có những trách nhiệm nào sau đây?***

A. Hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện phản ánh, kiến nghị theo quy định.

B. Không chậm trễ hoặc gây khó khăn, nhũng nhiễu khi tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; tuân thủ đúng quy trình, thời hạn tiếp nhận.

**C. Cả 2 phương án trên**.

***Đáp án: C****. Theo Điều 11 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ.*

***Câu 239. Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có phản ánh, kiến nghị có những quyền nào sau đây?***

A. Có quyền phản ánh, kiến nghị với các cơ quan hành chính nhà nước về quy định hành chính.

B. Có quyền yêu cầu cơ quan hành chính nhà nước đã tiếp nhận thông báo về tình hình xử lý phản ánh, kiến nghị.

**C. Cả 2 phương án trên.**

***Đáp án: C.*** *Theo khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ.*

***Câu 240.******Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có phản ánh, kiến nghị có những trách nhiệm nào sau đây?***

A. Phản ánh, kiến nghị phải được trình bày với các cơ quan hành chính nhà nước một cách rõ ràng, trung thực, có căn cứ.

B. Phản ánh, kiến nghị theo đúng hình thức, yêu cầu quy định tại Nghị định này.

**C. Cả 2 phương án trên.**

***Đáp án: C.*** *Theo khoản 3, khoản 4 Điều 12 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ.*

*Câu 241. Tổ chức, cá nhân gửi phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo cách thức nào?*

 A. Truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn, mục Phản ánh, kiến nghị để gửi phản ánh, kiến nghị.

B. Gửi phản ánh, kiến nghị trong quá trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

 **C. Cả 2 phương án trên**

***Đáp án: C****. Theo quy định tại Điều 40 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia.*

***Câu 242.*** ***Yêu cầu của phản ánh, kiến nghị gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia được quy định như thế nào?***

A. Sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt; Thể hiện rõ nội dung phản ánh, kiến nghị theo quy định.

B. Có đầy đủ thông tin về tên, địa chỉ liên hệ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của tổ chức, cá nhân gửi phản ánh, kiến nghị; tổ chức, cá nhân phải có tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để gửi phản ánh, kiến nghị.

**C. Cả 2 phương án trên**

***Đáp án: C****. Theo quy định tại Điều 41 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia.*

***Câu 243. Cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An được thiết lập ở những cấp nào?***

A. Cấp tỉnh.

B. Cấp huyện, cấp xã.

**C. Cả 2 phương án trên.**

***Đáp án: C.*** *Theo Điều 2 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh.*

***Câu 244. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương******nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính thông qua Chỉ thị nào sau đây****?*

**A. Chỉ thị 30/CT-TTg ngày 30/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ.**

B. Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

C. Cả 2 phương án trên.

***Đáp án: A.*** *Chỉ thị 30/CT-TTg ngày 30/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương.*

***Câu 245. Thời hạn xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị trên Cổng dịch vụ công quốc gia được quy định như thế nào?***

**A. Thời hạn xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị, trường hợp hết thời hạn này mà chưa xử lý xong, định kỳ cứ sau 05 ngày làm việc, các bộ, ngành, địa phương cập nhật tình hình xử lý vào Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị để thông tin cho tổ chức, cá nhân**.

B. Đối với các phản ánh, kiến nghị có kết quả xử lý, trong thời hạn 02 ngày làm việc các bộ, ngành, địa phương cập nhật kết quả vào Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị để trả lời cho tổ chức, cá nhân.

C. Cả 2 phương án trên.

***Đáp án: A***Theo quy định tại Điều 45 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia

***Câu 246. Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh Nghệ An quy định cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính phải thực hiện chức năng nào sau đây?***

A. Phối hợp với các bộ phận có liên quan trong cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính của cơ quan, đơn vị.

B. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan khác thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính về các vấn đề có liên quan đến phạm vi, chức năng quản lý của cơ quan, đơn vị khi có yêu cầu.

**C. Cả 2 phương án trên.**

***Đáp án: C.*** *Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh.*

***Câu 247.*** ***Nghị định số 63/2010/NĐ-CP quy định cán bộ, công chức được phân công thực hiện thủ tục hành chính bị nghiêm cấm thực hiện hành vi nào dưới đây?***

A. Tiết lộ thông tin về hồ sơ tài liệu và các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân của đối tượng thực hiện thủ tục hành chính mà mình biết được khi thực hiện thủ tục hành chính, trừ trường hợp được đối tượng thực hiện thủ tục hành chính đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác; sử dụng thông tin đó để xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

B. Từ chối thực hiện, kéo dài thời gian thực hiện hoặc tự ý yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định mà không nêu rõ lý do bằng văn bản.

**C. Cả hai phương án trên.**

***Đáp án: C.*** *Theo điểm a, b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ.*

***Câu 248. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP quy định đối tượng thực hiện thủ tục hành chính bị nghiêm cấm thực hiện hành vi nào dưới đây?***

A. Cản trở hoạt động của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

B. Đưa hối lộ hoặc dùng các thủ đoạn khác để lừa dối cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong thực hiện thủ tục hành chính.

**C. Cả hai phương án trên.**

***Đáp án: C.*** *Theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ.*

***Câu 249. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP quy định cán bộ, công chức được phân công thực hiện thủ tục hành chính bị nghiêm cấm thực hiện hành vi nào dưới đây?***

A. Hách dịch, cửa quyền, sách nhiễu, gây phiền hà, gây khó khăn cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính; lợi dụng các quy định, các vướng mắc về thủ tục hành chính để trục lợi.

B. Nhận tiền hoặc quà biếu dưới bất cứ hình thức nào từ đối tượng thực hiện thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính ngoài phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính đã được quy định và công bố công khai.

**C. Cả hai phương án trên.**

***Đáp án: C.*** *Theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ.*

***Câu 250. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP quy định cán bộ, công chức được phân công thực hiện thủ tục hành chính bị nghiêm cấm thực hiện hành vi nào dưới đây?***

A. Từ chối thực hiện, kéo dài thời gian thực hiện hoặc tự ý yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định mà không nêu rõ lý do bằng văn bản.

B. Đùn đẩy trách nhiệm, thiếu hợp tác, chậm trễ, gây cản trở trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

**C. Cả hai ý trên.**

***Đáp án: C.*** *Theo quy định tại điểm b, đ Điều 6 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ.*

***Câu 251. Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh Nghệ An quy định những cơ quan nào có trách nhiệm phát hiện đề xuất rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh?***

A. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

B. UBND cấp huyện, cấp xã.

**C. Cả 2 phương án trên.**

***Đáp án: C.*** *Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh.*

***Câu 252. Cổng Dịch vụ công quốc gia cung cấp những thông tin gì****?*

A. Thông tin về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, quyết định công bố thủ tục hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan; Thông tin hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, thực hiện nghĩa vụ tài chính có liên quan; Thông tin, thông báo về tiếp nhận, trả kết quả, hướng dẫn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, về tình hình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.

**B. Thông tin về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, quyết định công bố thủ tục hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan; Thông tin hướng dẫn, hỏi đáp thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, thực hiện nghĩa vụ tài chính có liên quan; Thông tin, thông báo về tiếp nhận, trả kết quả, hướng dẫn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, về tình hình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.**

C. Thông tin về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và quyết định công bố thủ tục hành chính; Thông tin hướng dẫn, hỏi đáp thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, thực hiện nghĩa vụ tài chính có liên quan; Thông tin, thông báo về tiếp nhận, trả kết quả, hướng dẫn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, về tình hình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.

***Đáp án: B****. Theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia*

***Câu 253. Những thông tin nào được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia****?*

A. Thông tin về đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; khảo sát sự hài lòng của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến; Thông tin báo cáo, số liệu, thống kê liên quan đến tình hình giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công khác; Thông tin về nghĩa vụ tài chính và thanh toán nghĩa vụ tài chính qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

**B. Thông tin về đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính; khảo sát sự hài lòng của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến; Thông tin báo cáo, số liệu, thống kê liên quan đến tình hình giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công khác; Thông tin về nghĩa vụ tài chính và thanh toán nghĩa vụ tài chính qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.**

C. Thông tin về đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; khảo sát sự hài lòng của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến; Thông tin báo cáo, số liệu, thống kê liên quan đến dịch vụ công; Thông tin về nghĩa vụ tài chính và thanh toán nghĩa vụ tài chính qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

***Đáp án: B.*** *Theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia.*

**Câu 254. Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh Nghệ An quy định việc xây dựng Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của ngành ở 3 cấp: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (trừ các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh) thuộc trách nhiệm của cơ quan nào sau đây?**

**A. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.**

B. UBND cấp huyện.

C. UBND cấp xã.

*Đáp án: A. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh.*

***Câu 255. Theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ, việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính là gì?***

**A. Là việc cá nhân, tổ chức có thể được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, trả kết quả hoặc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã nơi cư trú, đặt trụ sở hoặc nơi đã cấp các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức.**

B. Là việc cá nhân có thể được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, trả kết quả hoặc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã nơi cư trú, đặt trụ sở hoặc nơi đã cấp các loại giấy tờ cho cá nhân.

C. Là việc cá nhân, tổ chức có thể được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, trả kết quả không phụ thuộc vào đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã nơi cư trú, đặt trụ sở hoặc nơi đã cấp các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức.

*Đáp án: A. Theo Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.*

***Câu 256. Theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh nhằm mục đích gì?***

A. Để đảm bảo thực hiện đầy đủ, chính xác, đồng bộ, thống nhất, minh bạch và kịp thời các quy định thủ tục hành chính.

B. Tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhân dân kiểm tra, giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính.

**C. Cả 2 phương án trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.*

***Câu 257. Theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh; công bố thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của cá nhân nào sau đây?***

**A. Chủ tịch UBND tỉnh.**

B. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

C. Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã.

*Đáp án: A. Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 10 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.*

***Câu 258. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị như thế nào?***

**A. Là hệ thống thông tin điện tử có chức năng hỗ trợ việc tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của cá nhân, tổ chức.**

B. Là hệ thống thông tin điện tử có chức năng hỗ trợ việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của cá nhân, tổ chức.

C. Là hệ thống thông tin điện tử có chức năng hỗ trợ công khai kết quả xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của cá nhân, tổ chức.

*Đáp án: A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ (bổ sung khoản 6**Điều 3* *Nghị định số [20/2008/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-20-2008-nd-cp-tiep-nhan-xu-ly-phan-anh-kien-nghi-cua-ca-nhan-to-chuc-ve-quy-dinh-hanh-chinh-62386.aspx%22%20%5Co%20%22Ngh%E1%BB%8B%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%2020/2008/N%C4%90-CP%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ).*

***Câu 259. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định: Cơ quan nào ở cấp huyện có trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch UBND chỉ đạo, điều hành về kiểm soát thủ tục hành chính và******tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện?***

A. Phòng Tư pháp.

**B. Văn phòng HĐND và UBND.**

C. Phòng Nội vụ.

*Đáp án: B. Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ (sửa đổi khoản 10 Điều 7 Nghị định số*[*37/2014/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-37-2014-nd-cp-co-quan-chuyen-mon-thuoc-uy-ban-huyen-quan-thi-xa-thanh-pho-thuoc-tinh-228336.aspx)*ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ).*

***Câu 260. Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ quy định phản ánh về quy định hành chính là gì?***

A. Là việc cá nhân có ý kiến với cơ quan hành chính nhà nước về những vấn đề liên quan đến quy định hành chính, bao gồm: những vướng mắc cụ thể trong thực hiện; sự không hợp pháp, không hợp lý, không đồng bộ, không thống nhất với hệ thống pháp luật Việt Nam.

B. Là việc cá nhân, tổ chức có ý kiến với cơ quan hành chính nhà nước về những vấn đề liên quan đến quy định hành chính.

 **C. Là việc cá nhân, tổ chức có ý kiến vớicơ quan hành chính nhà nước về những vấn đề liên quan đến quy định hành chính, bao gồm: những vướng mắc cụ thể trong thực hiện; sự không hợp pháp, không hợp lý, không đồng bộ, không thống nhất với hệ thống pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập và những vấn đề khác.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ.*

***Câu 261. Người dân, doanh nghiệp có thể phản ánh, kiến nghị******qua Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia về nội dung nào sau đây?***

A. Thủ tục hành chính đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, hoặc đã được đăng tải nhưng không đầy đủ, chính xác theo quy định; Thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành, bị bãi bỏ nhưng vẫn được đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính,; Thủ tục hành chính còn gây khó khăn, vướng mắc, bất cập, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân.

B. Thủ tục hành chính đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, hoặc đã được đăng tải nhưng không đầy đủ, chính xác theo quy định; Thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành, bị bãi bỏ nhưng vẫn được đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh; Thủ tục hành chính còn gây khó khăn, vướng mắc, bất cập, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân.

 **C. Thủ tục hành chính đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, hoặc đã được đăng tải nhưng không đầy đủ, chính xác theo quy định; Thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành, bị bãi bỏ nhưng vẫn được đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh; Thủ tục hành chính còn gây khó khăn, vướng mắc, bất cập, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại các điểm a, b, c (đ) khoản 2 Điều 39 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia (đáp án đúng là điểm a,b,đ khoản 2, Điều 39 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Chính phủ )*

***Câu 262. Người dân, doanh nghiệp có thể phản ánh, kiến nghị******qua Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia về những nội dung nào sau đây?***

A Sự không thống nhất giữa thủ tục hành chính được đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính với thủ tục hành chính được công khai tại nơi giải quyết thủ tục hành chính; giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính với Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh.

B. Sự không thống nhất giữa thủ tục hành chính được giải quyết với thủ tục hành chính được công khai tại nơi giải quyết thủ tục hành chính và được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh.

**C. Cả hai ý trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 39 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia*

***Câu 263. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích không điều chỉnh nội dung nào sau đây?***

A. Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

**B. Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với thủ tục hành chính yêu cầu tổ chức, cá nhân không được ủy quyền và phải có mặt trực tiếp để giải quyết.**

C. Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính lựa chọn doanh nghiệp bưu chính không phải là doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích để chuyển phát hồ sơ đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước giải quyết thủ tục hành chính.

*Đáp án: B. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.*

***Câu 264. Việc chuyển phát hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích phải bảo đảm yêu cầu nào sau đây?***

A. Bảo đảm vai trò của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc chuyển phát hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; sự phối hợp giữa doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích với tổ chức, cá nhân và cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết thủ tục hành chính.

B. Chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chất lượng dịch vụ chuyển phát của cơ quan nhà nước; được hưởng các cơ chế ưu tiên, ưu đãi theo quy định của pháp luật đối với loại hình dịch vụ bưu chính công ích.

**C. Cả 2 ý trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 4 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.*

***Câu 265. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính được chuyển phát hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích phải có trách nhiệm nào sau đây?***

A. Niêm yết tại nơi giải quyết thủ tục hành chính và công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan đó (nếu có) danh mục thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công theo quy định *(bổ sung cho đúng với văn bản luật).*

B. Niêm yết tại nơi giải quyết thủ tục hành chính và công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan đó (nếu có) thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

**C. Cả 2 ý trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 13 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.*

***Câu 266. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích có trách nhiệm công khai các thông tin như thế nào?***

A. Công khai địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử tại trụ sở cơ quan.

**B*.* Công khai địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có) để tổ chức, cá nhân có thể liên lạc trước, trong khi và sau khi gửi, nhận hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.**

C. Công khai địa chỉ thư điện tử.

*Đáp án: B. Theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.*

***Câu 267. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định******trường hợp hồ sơ bị mất, bị thất lạc hoặc bị hư hỏng trong quá trình chuyển phát của nhân viên bưu chính thì doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích có trách nhiệm như thế nào?***

A. Thông báo đến tổ chức, cá nhân có giấy tờ bị mất, bị thất lạc hoặc hư hỏng để tổ chức, cá nhân đó biết và làm lại giấy tờ.

B. Trách nhiệm thuộc về nhân viên bưu chính. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bứu chính công ích không phải chịu trách nhiệm.

**C. Phối hợp với tổ chức, cá nhân có hồ sơ, giấy tờ bị mất, bị thất lạc hoặc bị hư hỏng và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để khắc phục hậu quả.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.*

***Câu 268. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định*** *t****rường hợp cần phải xin cấp lại bản chính hoặc bản gốc và các giấy tờ khác có trong hồ sơ chuyển phát đã bị mất, bị thất lạc, bị hư hỏng không thể khôi phục được thì doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích có trách nhiệm như thế nào?***

A. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích không phải chịu trách nhiệm. Trách nhiệm thuộc về tổ chức, cá nhân có văn bản bị mất, bị thất lạc, bị hư hỏng.

 **B. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích có trách nhiệm phối hợp với tổ chức, cá nhân có văn bản bị mất, bị thất lạc, bị hư hỏng và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp lại các giấy tờ cho tổ chức, cá nhân.**

C. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích không phải chịu trách nhiệm. Trách nhiệm thuộc về cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp các giấy tờ cho tổ chức, cá nhân.

*Đáp án: B. Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.*

***Câu 269. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định trường hợp do lỗi của doanh nghiệp hoặc nhân viên của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích làm cho bản chính hoặc bản gốc và các giấy tờ khác có trong hồ sơ chuyển phát đã bị mất, bị thất lạc, bị hư hỏng không thể khôi phục được thì doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phải có trách nhiệm nào sau đây?***

A. Khắc phục mọi hậu quả đã gây ra và chịu mọi chi phí phát sinh trong việc xin cấp lại hồ sơ, giấy tờ.

B. Trường hợp mà gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân thì doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phải bồi thường thiệt hại theo quy định của Chính phủ tại Luật Bưu chính.

**C. Cả 2 phương án trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.*

***Câu 270. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định******nhân viên bưu chính trong quá trình chuyển phát hồ sơ không được có hành vi nào sau đây?***

 A. Tiết lộ thông tin về hồ sơ, tài liệu và các thông tin liên quan đến bí mật của tổ chức, cá nhân hoặc sử dụng thông tin đó để trục lợi.

B. Từ chối thực hiện, kéo dài thời gian thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ để chuyển phát hoặc tự ý yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định mà không có lý do.

**C. Cả hai phương án trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 16 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.*

***Câu 271. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định******nhân viên bưu chính trong quá trình chuyển phát hồ sơ không được có hành vi nào sau đây?***

A. Sách nhiễu, gây phiền hà, gây khó khăn cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính; đùn đẩy trách nhiệm, thiếu hợp tác, chậm trễ, gây cản trở trong thực hiện nhiệm vụ chuyển phát hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

B. Thực hiện các hành vi khác vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dịch vụ chuyển phát hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**C. Cả hai phương án trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại điểm c, d, đ khoản 5 Điều 16 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.*

***Câu 272. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định******tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích phải có trách nhiệm như thế nào?***

 A. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác, đầy đủ của tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp đầy đủ thông tin có liên quan để thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

B. Thanh toán đầy đủ, kịp thời giá cước dịch vụ mà mình có trách nhiệm thanh toán cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

**C. Cả 2 phương án trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 17 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.*

***Câu 273. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định******tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích có những quyền hạn gì?***

A. Phản ánh, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về các hành vi vi phạm của nhân viên bưu chính trong quá trình chuyển phát hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

B. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

**C. Cả hai phương án trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 17 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.*

***Câu 274. Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của UBND tỉnh Nghệ An quy định cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC tại các Sở, Ngành cấp tỉnh được hỗ trợ kinh phí như thế nào?***

A. 540.000 đồng/tháng.

**B. 440.000 đồng/tháng.**

C. 340.000 đồng/tháng.

*Đáp án: B. Theo quy định tại khoản 7 Phụ lục mức chi, mức chi đặc thù bảo đảm thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của UBND tỉnh.*

***Câu 275. Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của UBND tỉnh Nghệ An quy định cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC cấp huyện được hỗ trợ kinh phí như thế nào?***

**A. 440.000 đồng/tháng.**

B. 340.000 đồng/tháng.

C. 330.000 đồng/tháng.

*Đáp án: A. Theo quy định khoản 7 Phụ lục mức chi, mức chi đặc thù bảo đảm thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của UBND tỉnh.*

***Câu 276. Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của UBND tỉnh Nghệ An quy định cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC cấp xã được hỗ trợ kinh phí như thế nào?***

A. 440.000 đồng/tháng.

B. 340.000 đồng/tháng.

**C. 330.000 đồng/tháng.**

*Đáp án: C. Theo quy định khoản 7 Phụ lục mức chi, mức chi đặc thù bảo đảm thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của UBND tỉnh.*

***Câu 277. Theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ, đâu là hạt nhân xây dựng chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách thủ tục hành chính tại địa phương mình?***

A. Sở Thông tin và Truyền thông.

B. Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**C. Cả 2 ý trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại điểm b khoản 6 mục IV Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ.*

***Câu 278. Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ xác định chỉ tiêu chủ yếu về dịch vụ công trực tuyến******mức độ 3, 4******giai đoạn 2021-2025 như thế nào?***

**A. 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.**

B. 95% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

C. 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

*Đáp án: A. Theo quy định tại tiết thứ hai điểm b khoản 2 mục III Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ.*

***Câu 279. Theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ, chỉ tiêu về số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương giai đoạn 2021-2025 là bao nhiêu?***

A. 35%.

**B. 40%.**

C. 45%.

*Đáp án: B. Theo quy định tại tiết thứ ba điểm b khoản 2 mục III Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ.*

***Câu 280. Theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong đề nghị xây dựng văn bản là gì?***

A. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong đề nghị xây dựng văn bản là việc nghiên cứu, xem xét về sự cần thiết và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nhằm lựa chọn phương án, giải pháp tối ưu để thực hiện chính sách.

**B. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong đề nghị xây dựng văn bản là việc nghiên cứu, xem xét về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nhằm lựa chọn phương án, giải pháp tối ưu để thực hiện chính sách.**

C. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong đề nghị xây dựng văn bản là việc nghiên cứu, xem xét về chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nhằm lựa chọn phương án, giải pháp tối ưu để thực hiện chính sách.

*Đáp án: B. Theo Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.*

***Câu 281. Theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong soạn thảo dự án, dự thảo văn bản là gì?***

A. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong soạn thảo dự án, dự thảo văn bản là việc nghiên cứu, xem xét về chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã được lựa chọn hoặc cân nhắc, lựa chọn phương án, giải pháp tối ưu cho việc ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính.

B. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong soạn thảo dự án, dự thảo văn bản là việc nghiên cứu, xem xét cân nhắc, lựa chọn phương án, giải pháp tối ưu cho việc ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính.

**C. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong soạn thảo dự án, dự thảo văn bản là việc nghiên cứu, xem xét về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã được lựa chọn hoặc cân nhắc, lựa chọn phương án, giải pháp tối ưu cho việc ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính.**

*Đáp án: C. Theo Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.*

***Câu 282. Theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp******, việc đánh giá tác động*** ***của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản được thực hiện ở thời điểm nào?***

**A. Được tiến hành trong quá trình hoàn thiện hồ sơ lập đề nghị xây dựng văn bản và phải hoàn thành trước khi gửi hồ sơ cho cơ quan thẩm định đề nghị xây dựng văn bản.**

B. Được tiến hành trong quá trình hoàn thiện hồ sơ lập đề nghị xây dựng văn bản.

C. Được tiến hành trước khi gửi hồ sơ cho cơ quan thẩm định đề nghị xây dựng văn bản.

*Đáp án: A. Theo Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.*

***Câu 283. Theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp******, việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong soạn thảo dự án, dự thảo văn bản thời điểm nào?***

A. Được tiến hành trong khi gửi hồ sơ cho cơ quan thẩm định dự án, dự thảo văn bản.

**B. Được tiến hành trong quá trình soạn thảo dự án, dự thảo văn bản và phải hoàn thành trước khi gửi hồ sơ cho cơ quan thẩm định dự án, dự thảo văn bản.**

C. Được tiến hành trong quá trình soạn thảo dự án, dự thảo văn bản và phải hoàn thành sau khi gửi hồ sơ cho cơ quan thẩm định dự án, dự thảo văn bản.

*Đáp án: B. Theo Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.*

**PHẦN 8**

**TÌM HIỂU VỀ CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG**

**Câu 284. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, nhiệm vụ đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính được định hướng như thế nào?**

**A. Cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây nhũng nhiễu, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân.**

B. Phân cấp từ Trung ương cho cấp tỉnh.

C. Phân cấp từ Chính phủ cho các Bộ, Ban, Ngành.

**Đáp án: A.** Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ năm điểm b Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

***Câu 285. Theo quy định của pháp luật, việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được quy định tại văn bản nào sau đây?***

A. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018.

B. Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021.

C. Cả 2 phương án trên.

*Đáp án: C. Theo*  *Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 61/2018//NĐ-CP. (Nghị định số 01/VBHN-VPCP ngày 11/01/2022 hợp nhất 2 Nghị định nêu trên)*

***Câu 286. Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại trụ sở Bộ phận Một cửa và tại cơ quan có thẩm quyền không được thực hiện các hành vi nào?***

A. Từ chối thực hiện giải quyết thủ tục hành chính hoặc tự ý yêu cầu bổ sung hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật; trực tiếp giao dịch, yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không thông qua Bộ phận Một cửa, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đùn đẩy trách nhiệm, thiếu hợp tác, thiếu công bằng, không khách quan, không đúng pháp luật trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính;

B. Từ chối thực hiện, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính hoặc tự ý yêu cầu bổ sung hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật; trực tiếp giao dịch, yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không thông qua Bộ phận Một cửa, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đùn đẩy trách nhiệm, thiếu hợp tác, không đúng pháp luật trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính;

**C. Từ chối thực hiện, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính hoặc tự ý yêu cầu bổ sung hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật; trực tiếp giao dịch, yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không thông qua Bộ phận Một cửa, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đùn đẩy trách nhiệm, thiếu hợp tác, thiếu công bằng, không khách quan, không đúng pháp luật trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính;**

*Đáp án: C. Theo quy định tại các điểm đ, e, g khoản 1 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ*

***Câu 287. Theo******Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính được giải thích như thế nào?***

 **A. Là phương thức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân của một cơ quan có thẩm quyền thông qua Bộ phận Một cửa quy định tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.**

B. Là phương thức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua Bộ phận Một cửa quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

C. Là phương thức theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân của một cơ quan có thẩm quyền thông qua Bộ phận Một cửa quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

*Đáp án: A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 288. Theo******Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính được giải thích như thế nào?***

A. Là phương thức phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết một thủ tục hành chính hoặc một nhóm thủ tục hành chính có liên quan với nhau.

**B. Là phương thức phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết một thủ tục hành chính hoặc một nhóm thủ tục hành chính có liên quan với nhau, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa quy định tại Khoản 2, Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.**

C. Là phương thức phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

*Đáp án: B. Theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 289. Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Bộ phận một cửa được giải thích như thế nào?***

A. Là tên gọi chung của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

B. Là nơi hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

**C*.* Là tên gọi chung của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 290. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?***

A. Lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan có thẩm quyền.

B. Việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được quản lý tập trung, thống nhất.

**C. Cả 02 nguyên tắc trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 291. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?***

A. Giải quyết thủ tục hành chính kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, đúng pháp luật, công bằng, bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền.

B. Quá trình giải quyết thủ tục hành chính được đôn đốc, kiểm tra, theo dõi, giám sát, đánh giá bằng các phương thức khác nhau trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và có sự tham gia của tổ chức, cá nhân.

**C. Cả 02 nguyên tắc trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 4 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 292. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ không phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?***

**A. Đảm bảo nguyên tắc tập trung, dân chủ.**

B. Không làm phát sinh chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân ngoài quy định của pháp luật.

C. Cán bộ, công chức, viên chức cơ quan có thẩm quyền thực hiện trách nhiệm giải trình về thực thi công vụ trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

*Đáp án: A. Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 293. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?***

A. Đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong giải quyết thủ tục hành chính.

**B. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế có liên quan đến thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.**

C. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính phải phối chặt chẽ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong giải quyết thủ tục hành chính.

*Đáp án: B. Theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 294. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại trụ sở Bộ phận Một cửa và tại cơ quan có thẩm quyền không được thực hiện hành vi nào sau đây?***

A. Cửa quyền, sách nhiễu, gây phiền hà, khó khăn cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính; cản trở tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức nộp hồ sơ, nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

B. Cản trở hoặc ngăn chặn trái phép quá trình truyền, gửi, nhận dữ liệu điện tử; thay đổi, xóa, hủy, giả mạo, sao chép, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ nội dung dữ liệu thực hiện thủ tục hành chính.

**C. Cả 02 hành vi trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 295. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại trụ sở Bộ phận Một cửa và tại cơ quan có thẩm quyền không được thực hiện hành vi nào sau đây?***

A. Tiết lộ thông tin về hồ sơ, tài liệu và các thông tin liên quan đến bí mật của tổ chức, cá nhân hoặc sử dụng thông tin đó để trục lợi; từ chối thực hiện, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính hoặc tự ý yêu cầu bổ sung hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật.

B. Trực tiếp giao dịch, yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không thông qua Bộ phận Một cửa, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đùn đẩy trách nhiệm, thiếu hợp tác, thiếu công bằng, không khách quan, không đúng pháp luật trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính; ứng xử, giao tiếp không phù hợp với quy chế văn hóa công sở.

**C. Cả 02 hành vi trên.**

*Đáp án: C. Theo điểm d, đ, e, g, h khoản 1 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 296. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính không được thực hiện hành vi sau đây?***

A. Gian lận, mạo nhận, chiếm đoạt, sử dụng trái phép hồ sơ, tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Cản trở việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân; dùng các thủ đoạn khác để lừa dối, hối lộ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

B. Vu khống, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, mạo danh người khác để tố cáo sai sự thật, không có căn cứ, không có chứng cứ chứng minh hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền trong hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**C. Cả hai hành vi trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 297. Nguyên tắc nào sau đây không phải là nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ?***

A. Lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan có thẩm quyền.

B. Không làm phát sinh chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân ngoài quy định của pháp luật.

**C. Làm việc tập thể, thảo luận và quyết định theo đa số.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 298. Theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, nguyên tắc nào sau đây là nguyên tắc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông?***

**A*.* Giải quyết thủ tục hành chính kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, đúng pháp luật, công bằng, bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền.**

B. Gây khó khăn, nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục hành chính.

C. Tự cân đối thu chi, đảm bảo hoạt động của cơ quan, đơn vị.

*Đáp án: A. Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 299. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính không được thực hiện hành vi nào sau đây?***

A. Xúc phạm danh dự của cơ quan có thẩm quyền; dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

B. Nhận xét, đánh giá thiếu khách quan, không công bằng, không trung thực, không đúng pháp luật, không đúng thực tế với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**C. Cả hai hành vi trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 300. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại trụ sở Bộ phận Một cửa và tại cơ quan có thẩm quyền không được thực hiện hành vi sau đây?***

A. Quản lý tập trung, thống nhất việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

**B*.* Từ chối thực hiện, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính hoặc tự ý yêu cầu bổ sung hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật.**

C. Ứng xử, giao tiếp phù hợp với quy định của pháp luật về văn hóa công sở.

*Đáp án: B. Theo điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

 ***Câu 301. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và doanh nghiệp, cá nhân được thuê hoặc được ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính không được thực hiện hành vi nào sau đây?***

A. Cản trở quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

B. Lừa dối cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, người thuê, người ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính.

**C. Cả hai hành vi trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 302.******Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện hành vi nào sau đây?***

A. Dùng các thủ đoạn khác để lừa dối, hối lộ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

**B. Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo cán bộ, công chức, viên chức khi có căn cứ, chứng cứ chứng minh việc hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không đúng quy định của pháp luật và hành vi vi phạm pháp luật khác có liên quan.**

C*.* Nhận xét, đánh giá thiếu khách quan, không công bằng, không trung thực, không đúng pháp luật, không đúng thực tế với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

*Đáp án: B. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 303. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính không được thực hiện hành vi sau đây?***

**A. Vu khống, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, mạo danh người khác để tố cáo sai sự thật, không có căn cứ, không có chứng cứ chứng minh hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền trong hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.**

B. Từ chối thực hiện những yêu cầu không được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính.

C. Phản ánh, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về sự không cần thiết, tính không hợp lý và không hợp pháp của thủ tục hành chính.

*Đáp án: A. Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 304. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính có các quyền nào sau đây?***

 A. Phản ánh, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về sự không cần thiết, tính không hợp lý và không hợp pháp của thủ tục hành chính.

B. Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo cán bộ, công chức, viên chức khi có căn cứ, chứng cứ chứng minh việc hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không đúng quy định của pháp luật và hành vi vi phạm pháp luật khác có liên quan.

**C. Cả hai phương án trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 305. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông phải chịu trách nhiệm về những nội dung nào sau đây?***

A. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác của các giấy tờ có trong hồ sơ và cung cấp đầy đủ thông tin có liên quan; thực hiện đầy đủ các quy định về giải quyết thủ tục hành chính và các quy định của Bộ phận Một cửa; nộp đầy đủ các khoản phí, lệ phí (nếu có) theo quy định.

B. Khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa phải mang theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, trường hợp được ủy quyền nhận thay thì mang thêm giấy ủy quyền của người đã ủy quyền đi nhận thay kết quả.

**C. Cả hai phương án trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 306. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định cá nhân, tổ chức khi đến giao dịch, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa có những quyền nào sau đây?***

A. Từ chối thực hiện những yêu cầu không được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính.

B. Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo cán bộ, công chức, viên chức khi có căn cứ, chứng cứ chứng minh việc hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không đúng quy định của pháp luật và hành vi vi phạm pháp luật khác có liên quan.

**C. Cả 2 phương án trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại điểm b, d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 307.******Phạm vi tiếp nhận thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ gồm nội dung nào sau đây?***

A. Hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc liên thông giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**B. Hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc liên thông giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc liên thông giải quyết của các cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc tại địa phương theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các bộ, ngành, của Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.**

C. Hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc liên thông giải quyết của các cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc tại địa phương theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

*Đáp án: B. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 308.******Phạm vi tiếp nhận thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ gồm nội dung nào sau đây?***

A. Hồ sơ tất cả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc hủ tục hành chính liên thông giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã được giao tiếp nhận tại cấp huyện.

B. Hồ sơ tất cả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc liên thông giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**C*.* Hồ sơ tất cả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc liên thông giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc liên thông giải quyết của các cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc tại địa phương theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã được giao tiếp nhận tại cấp huyện.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 309. Phạm vi tiếp nhận thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ?***

**A. Hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện được giao tiếp nhận hồ sơ tại cấp xã.**

B. Hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

C. Những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện được giao tiếp nhận hồ sơ tại cấp xã.

*Đáp án: A. Theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 310. Theo quy định của pháp luật, Bộ phận Một cửa các cấp có nhiệm vụ nào sau đây?***

A. Hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính; tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính; giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân; thu phí, lệ phí (nếu có) theo quy định.

B. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để giải quyết, trả kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân đối với trường hợp thủ tục hành chính yêu cầu giải quyết ngay trong ngày hoặc các thủ tục hành chính được giao hoặc ủy quyền cho công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa giải quyết; hỗ trợ tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

**C*.* Cả 02 nhiệm vụ trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 311.******Bộ phận Một cửa các cấp có nhiệm vụ nào sau đây?***

A. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

**B. Hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính; tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính; giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân; thu phí, lệ phí (nếu có) theo quy định.**

C. Đề nghị các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh rà soát trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

*Đáp án: B. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 312. Bộ phận Một cửa các cấp có quyền hạn nào sau đây?***

A. Từ chối tiếp nhận các hồ sơ chưa đúng quy định.

B. Đề nghị các cơ quan có thẩm quyền và cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

**C*.* Cả hai phương án trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 313.******Theo quy định của pháp luật,******Bộ phận Một cửa các cấp có những quyền hạn nào sau đây?***

A. Đề xuất sáng kiến, giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật.

**B. Đề xuất việc đổi mới, cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ, thực hiện công vụ đúng thời hạn, thuận tiện cho tổ chức, cá nhân; tổ chức hoặc phối hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.**

C. Phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

*Đáp án: B. Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 314. Người đứng đầu******Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm như thế nào đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đến làm việc Bộ phận một cửa?***

A. Hàng tháng, thông báo cho cơ quan cử cán bộ, công chức, viên chức biết; từ chối tiếp nhận hoặc chủ động đề xuất với cơ quan cử người thay cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật lao động, có thái độ, tác phong, cư xử không đúng quy chế văn hóa công sở.

**B*.* Quản lý thời gian làm việc, tiến độ xử lý công việc được giao, thái độ, tác phong, cư xử của cán bộ, công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Bộ phận Một cửa và hàng tháng thông báo cho cơ quan cử cán bộ, công chức, viên chức biết; từ chối tiếp nhận hoặc chủ động đề xuất với cơ quan cử người thay cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật lao động, có thái độ, tác phong, cư xử không đúng quy chế văn hóa công sở, năng lực chuyên môn không đáp ứng được nhiệm vụ hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác.**

C. Từ chối tiếp nhận hoặc chủ động đề xuất với cơ quan cử người thay cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật lao động, có thái độ, tác phong, cư xử không đúng quy chế văn hóa công sở, năng lực chuyên môn không đáp ứng được nhiệm vụ hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác.

*Đáp án: B. Theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 315. Người đứng đầu******Bộ phận Một cửa các cấp theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ có trách nhiệm như thế nào trong việc công khai thông tin tại trụ sở và trên trang tin điện tử của Bộ phận Một cửa?***

**A. Công khai tại trụ sở và trên trang tin điện tử của Bộ phận Một cửa họ, tên, chức danh, số điện thoại của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Bộ phận Một cửa; họ, tên, chức danh, lĩnh vực công tác, số điện thoại của cán bộ, công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Bộ phận Một cửa.**

B. Công khai tại trụ sở của Bộ phận Một cửa họ, tên, chức danh, số điện thoại của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Bộ phận Một cửa.

C. Công khai trên trang tin điện tử của Bộ phận Một cửa họ, tên, chức danh, số điện thoại của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Bộ phận Một cửa.

*Đáp án: A. Theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 316. Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ phải có tiêu chuẩn nào sau đây?***

A. Đủ tiêu chuẩn chung về phẩm chất theo quy định của pháp luật về công chức, viên chức, lực lượng vũ trang; có phẩm chất, đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao trong thi hành nhiệm vụ được giao; có tác phong, thái độ giao tiếp, cư xử lịch sự, hòa nhã, cởi mở, thân thiện, chuẩn mực, đúng quy chế văn hóa công sở.

B. Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp bộ (bao gồm tổng cục và tương đương, cục), cấp tỉnh, cấp huyện đã được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở lên; có thâm niên công tác tối thiểu 03 năm trong ngành, lĩnh vực được phân công và được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ;

**C. Cả 02 tiêu chuẩn trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 317. Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ yêu cầu tiêu chuẩn về thâm niên công tác trong ngành, lĩnh vực được phân công bao nhiêu năm?***

**A. Tối thiểu 03 năm.**

B. Tối thiểu 02 năm.

C. Tối thiểu 04 năm.

*Đáp án: A. Theo điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 318. Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ có trách nhiệm nào sau đây?***

**A. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính đầy đủ, rõ ràng, chính xác; trường hợp phải yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu sửa đổi, bổ sung một lần.**

B. Yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của Bộ phận Một cửa.

C. Cả 2 trách nhiệm trên.

*Đáp án: A. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 319. Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ được hưởng các quyền lợi nào sau đây?***

A. Được tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, công nghệ thông tin và văn hóa ứng xử, giao tiếp với tổ chức, cá nhân; được tham gia các khóa học lý luận chính trị, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học và các lĩnh vực khác ở trong nước, nước ngoài theo quy định của pháp luật.

B. Được nghỉ bù (nếu làm việc thêm giờ, làm vào ngày lễ, tết, thứ Bảy, Chủ nhật); nhận lương, phụ cấp, bồi dưỡng và chế độ, chính sách khác (nếu có) tại cơ quan đã cử đến Bộ phận Một cửa.

**C. Cả 02 quyền lợi trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 320. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đến Bộ phận Một cửa cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ có thời hạn làm việc?***

A. 06 tháng.

B. 24 tháng.

**C. Không ít hơn 06 tháng và không nhiều hơn 24 tháng mỗi đợt; trừ trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều 12 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 321. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định cơ quan có thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đến làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp có trách nhiệm nào sau đây?***

A. Quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

B*.* Chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận Một cửa về lý do chậm giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn lại thời gian trả kết quả.

C. Lập, tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

*Đáp án: B. Theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 322. Cán bộ, công chức tại Bộ phận Một cửa theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn tổ chức, cá nhân******kê khai, chuẩn bị hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính những nội dung nào sau đây?***

A. Các hồ sơ, giấy tờ mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi giải quyết thủ tục hành chính; quy trình, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.

B. Mức và cách thức nộp thuế, phí, lệ phí hoặc các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có); cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành chính khi tổ chức, cá nhân yêu cầu theo quy định pháp luật.

**C. Cả hai nội dung trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 323. Việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân kê khai, chuẩn bị hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ có thể thực hiện thông qua cách thức nào sau sau đây?***

 A. Hướng dẫn trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hướng dẫn qua hệ thống tổng đài hoặc số điện thoại chuyên dùng đã công bố công khai; hướng dẫn trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép.

B. Bằng văn bản được gửi qua dịch vụ bưu chính; qua các bộ hồ sơ điền mẫu, qua các video hướng dẫn mẫu dựng sẵn hoặc bằng các cách thức khác.

**C. Cả hai phương án trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 324. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định trường hợp danh mục tài liệu trong hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính còn thiếu so với danh mục tài liệu được công bố công khai hoặc tài liệu chưa cung cấp đầy đủ thông tin theo biểu mẫu hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền thì người tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung như thế nào?***

**A. Một lần đầy đủ, chính xác.**

B. Hai lần.

C. Ba lần.

*Đáp án: A. Theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 325. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn các cách thức nào để nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính nếu tại văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục hành chính có quy định?***

A. Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh.

B. Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

**C*.* Cả phương án trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 326. Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP đối với hồ sơ qua thẩm tra, thẩm định chưa đủ điều kiện giải quyết, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa thời hạn thông báo trả lại hồ sơ được quy định bao nhiêu ngày?***

**A. Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định cụ thể về thời gian.**

B. Không quá 04 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

C. Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

*Đáp án: A. Theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 327. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định đối với hồ sơ quá hạn giải quyết, trong thời hạn bao nhiêu ngày cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho Bộ phận Một cửa và gửi văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân?***

**A*.* Trong thời hạn chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn giải quyết hồ sơ.**

B. Trong thời hạn chậm nhất 02 ngày trước ngày hết hạn giải quyết hồ sơ.

C. Trong thời hạn chậm nhất 03 ngày trước ngày hết hạn giải quyết hồ sơ.

*Đáp án: A. Theo khoản 9 Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

 ***Câu 328. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về trả kết quả trước thời hạn như thế nào?***

A. Việc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn quy định phụ thuộc tình hình thực tế của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.

**B. Khuyến khích việc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn quy định. Việc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn quy định phải được Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân biết trước qua tin nhắn, thư điện tử, điện thoại hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép.**

C. Không được trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn quy định.

*Đáp án: B. Theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 329. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định hẹn lại ngày trả kết quả đối với hồ sơ giải quyết quá hạn như thế nào?***

A. Được thực hiện không quá 02 lần.

**B. Được thực hiện không quá 01 lần.**

C. Được thực hiện không quá 03 lần.

*Đáp án: B. Theo quy định tại khoản 9 Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 330. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định trường hợp xảy ra sai sót trong kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu lỗi thuộc về cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền thì cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm như thế nào?***

**A*.* Cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền phải sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc đính chính sai sót và phải chịu mọi chi phí liên quan đến sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc đính chính.**

B. Cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền phải sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc đính chính sai sót và tổ chức, cá nhân phải chịu mọi chi phí liên quan đến sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc đính chính.

C. Phải chịu mọi chi phí liên quan đến sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc đính chính.

*Đáp án: A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

 ***Câu 321. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định trường hợp hồ sơ bị mất, bị thất lạc hoặc bị hư hỏng trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm như thế nào?***

A. Xin lỗi tổ chức, cá nhân về sự cố này.

**B*.* Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với tổ chức, cá nhân có hồ sơ, giấy tờ bị mất, bị thất lạc hoặc bị hư hỏng và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để khắc phục hậu quả; xác định cơ quan, tổ chức, cá nhân đã làm mất, thất lạc, hư hỏng hồ sơ để quy trách nhiệm chi trả mọi chi phí phát sinh trong việc xin cấp lại hồ sơ, giấy tờ, các trách nhiệm khác có liên quan và xin lỗi tổ chức, cá nhân về sự cố này. Trường hợp làm mất, thất lạc, hư hỏng hồ sơ liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.**

C. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với tổ chức, cá nhân để tìm lại hồ sơ, giấy tờ bị mất, bị thất lạc hoặc bị hư hỏng.

*Đáp án: B. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 322. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính đã được quy định (nếu có) theo các phương thức nào sau đây?***

A. Trực tiếp nộp hoặc chuyển vào tài khoản phí, lệ phí của cơ quan có thẩm quyền hoặc trực tuyến thông qua chức năng thanh toán phí, lệ phí của Hệ thống thông tin một cửa điện tử của các bộ, ngành, địa phương

B. Trực tiếp nộp hoặc chuyển vào tài khoản của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích để chuyển cho cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tuyến.

**C. Cả hai phương thức trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 323. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn việc nộp phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính bằng phương thức khác (ngoài các phương thức quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP) trong trường hợp nào?***

**A. Nếu được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.**

B. Nếu được cơ quan giải quyết thủ tục hành chính đồng ý.

C. Nếu được người đứng đầu Bộ phận Một cửa đồng ý.

*Đáp án: A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 324. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn hình thức nào sau đây khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích?***

A. Gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính hoặc nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

B. Gửi hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**C*.* Cả hai hình thức trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.*

***Câu 325. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính phải bảo đảm các nguyên tắc nào sau đây?***

 A. Bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả, đồng bộ, tránh chồng chéo, lãng phí trong đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin từ trung ương đến cơ sở.

B. Bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu công dân trao đổi với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

**C. Phải bảo đảm cả hai nguyên tắc trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 23 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 326. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính phải bảo đảm các nguyên tắc nào sau đây?***

A. Bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước với nhau; khả năng tiếp nhận, kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính thông qua các phương tiện điện tử, truyền thông, mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép.

B. Tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, công nghệ thông tin, văn thư, lưu trữ, an ninh, an toàn thông tin và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**C. Phải bảo đảm cả hai nguyên tắc trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 23 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 327. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính phải đảm bảo các nguyên tắc nào sau đây?***

A. Khách quan, trung thực, chính xác, khoa học, minh bạch, công khai, công bằng, bình đẳng, đúng pháp luật trong việc đánh giá và công bố kết quả đánh giá.

B. Lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng và tiến độ giải quyết thủ tục hành chính và kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo để đánh giá.

**C. Cả hai nguyên tắc trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 27 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 328. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính phải đảm bảo nguyên tắc nào sau đây?***

**A. Bảo mật thông tin về tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, hợp tác khảo sát lấy ý kiến đánh giá.**

B. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong quá trình đánh giá.

C. Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong quản lý hành chính nhà nước.

*Đáp án: A. Theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 329. Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, chủ thể nào có thẩm quyền đánh giá chất lượng và tiến độ giải quyết thủ tục hành chính?***

A. Văn phòng Chính phủ.

B. Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.

**C. Tổ chức, cá nhân đến giao dịch.**

*Đáp án: C. Theo khoản 2 Điều 28 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 330. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với việc giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan có thẩm quyền******theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ được sử dụng như thế nào?***

**A. Là một trong những tiêu chuẩn để xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; xác định trách nhiệm của cá nhân, người đứng đầu cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; ưu tiên xem xét việc đề bạt, bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và xem xét khen thưởng, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.**

B. Là thông tin cần thiết để rút kinh nghiệm trong giải quyết thủ tục hành chính.

C. Là căn cứ để khen thưởng, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

*Đáp án: A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.*

***Câu 331. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 quy định người đứng đầu Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện và là đầu mối theo dõi công tác kiểm soát thủ tục hành chính là ai?***

**A. Lãnh đạo văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện.**

B. Lãnh đạo Hội đồng nhân dân cấp huyện.

C. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

*Đáp án: A. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.*

***Câu 332. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 quy định ai là người có thẩm quyền phê duyệt danh sách nhân sự cử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện?***

A. Phó Chủ tịch UBND cấp huyện phụ trách lĩnh vực.

B. Chánh Văn phòng HĐND, UBND cấp huyện.

**C. Chủ tịch UBND cấp huyện.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.*

***Câu 333. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 quy định ai là người có thẩm quyền phê duyệt danh sách nhân sự cử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã?***

A. Phó Chủ tịch UBND cấp xã.

B. Chủ tịch HĐND cấp xã.

**C. Chủ tịch UBND cấp xã.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.*

***Câu 334. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 quy định việc xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính phải đảm bảo nguyên tắc nào sau đây?***

A. Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

B. Bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn triển khai tại cơ quan.

**C. Cả 02 nguyên tắc trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.*

***Câu 335. Việc xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết cấp tỉnh, huyện, xã theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 do cơ quan, đơn vị nào sau đây chủ trì?***

**A. Cơ quan, đơn vị chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.**

B. Văn phòng UBND cấp tỉnh.

C. UBND cấp huyện.

*Đáp án: A. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.*

***Câu 336. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 quy định quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết cấp tỉnh, huyện, xã do cơ quan nào kiểm soát hình thức, nội dung trước khi trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt?***

A. Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản QPPL - Sở Tư pháp.

**B. Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng UBND tỉnh.**

C. Phòng Cải cách hành chính - Sở Nội vụ.

*Đáp án: B. Theo điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.*

***Câu 337. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 quy định quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết cấp tỉnh, huyện, xã do ai phê duyệt?***

A. Cục trưởng Cục Kiểm soát thủ tục hành chính

**B. Chủ tịch UBND cấp tỉnh.**

C. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

*Đáp án: B. Theo điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.*

***Câu 338.******Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 quy định các thủ tục hành chính được tổ chức thực hiện toàn bộ quy trình tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa khi đáp ứng tối thiểu các điều kiện nào sau đây?***

A. Không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; được phép phân cấp hoặc ủy quyền cho Bộ phận Một cửa, cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa xem xét, thẩm định, thẩm tra, xác minh hồ sơ và phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

B. Bộ phận Một cửa có đủ nguồn lực và điều kiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp hoặc ủy quyền.

**C*.* Cả 2 điều kiện trên.**

*Đáp án: C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.*

***Câu 339. Theo quy định của pháp luật, hành vi nào sau đây không được làm trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông?***

A. Yêu cầu cung cấp đầy đủ hồ sơ theo quy định.

**B. Yêu cầu cung cấp lại thông tin, giấy tờ, tài liệu điện tử hoặc đã được số hóa có giá trị pháp lý theo quy định pháp luật, được kết nối, chia sẻ dữ liệu trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra lại tính xác thực của thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được số hóa.**

C. Yêu cầu cung cấp, bổ sung hồ sơ theo đúng quy định.

*Đáp án: B. Theo Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.*

***Câu 340. Theo quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, việc xử lý kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công được quy định như thế nào?***

**A. Kết quả đánh giá là một trong những tiêu chuẩn để xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; xác định trách nhiệm của cá nhân, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; ưu tiên xem xét việc đề bạt, bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và xem xét khen thưởng, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.**

B. Kết quả đánh giá là một trong những tiêu chuẩn để xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

C. Kết quả đánh giá là một trong những tiêu chuẩn để xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; xác định trách nhiệm của cá nhân, đơn vị trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; ưu tiên xem xét việc đề bạt, bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

*Đáp án: A. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.*

***Câu 341. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 tập trung vào các nội dung nào?***

A. Cải cách thể chế; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

B. Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử.

**C. Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.**

*Đáp án: C. Theo đoạn thứ nhất Mục III Điều 1 Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.*

***Câu 342. Mục tiêu chung của*** ***Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 quy định tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ?***

**A. Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giai đoạn 2021 - 2030.**

B. Tiếp tục xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng.

C. Tiếp tục xây dựng nền hành chính hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân.

*Đáp án: A. Theo Mục II Điều 1 Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.*

***Câu 343. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, trọng tâm cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 là gì?***

A. Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính.

**B. Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước, trong đó, chú trọng cải cách chính sách tiền lương; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.**

C. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

*Đáp án: B. Theo đoạn thứ hai Mục III Điều 1 Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.*

***Câu 344. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, mục tiêu của cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2021-2030 là gì?***

**A. Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.**

B. Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

C. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính nhà nước, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực; nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, trọng tâm là thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ

*Đáp án: A. Theo điểm a Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.*

***Câu 345. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, mục tiêu về rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính dựa trên cơ sở nào?***

**A. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin.**

B. Đổi mới cách thức tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính.

C. Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết.

*Đáp án: A. Theo điểm a Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.*

***Câu 346. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, thời hạn hoàn thành mục tiêu đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp?***

**A. Năm 2025**

B. Năm 2030

C. Năm 2035

*Đáp án: A. Theo ý thứ hai gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.*

***Câu 347.******Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, đến năm 2025, tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử tối thiểu là bao nhiêu?***

A. 75%

**B. 80%**

C. 85%

*Đáp án: B. Theo ý thứ ba gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.*

***Câu 348. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, đến năm 2025, tỷ lệ tối thiểu về mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính là bao nhiêu?***

**A. 90%**

B. 95%

C. 100%

*Đáp án: A. Theo ý thứ ba gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.*

***Câu 349. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, đến năm 2030, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu bao nhiêu?***

A. 70%

B. 60%

**C. 50%**

*Đáp án: C. Theo ý thứ nhất gạch đầu dòng thứ hai điểm a Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.*

***Câu 350. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, đến năm 2025, tỷ lệ tối thiểu thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời là bao nhiêu?***

A. 85%

**B. 90%**

C. 95%

*Đáp án: B. Theo ý thứ tám gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.*

**Câu 351. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải đảm bảo các yêu cầu nào?**

A. Đơn giản.

B. Dễ hiểu, dễ thực hiện.

C. Cả 2 phương án trên.

**Đáp án: C.** Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm b Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

**Câu 352. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp tập trung vào các lĩnh vực thủ tục hành chính trọng tâm nào?**

A. Thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, đầu tư, du lịch, bảo hiểm, thuế, hải quan, công an,.. và các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn.

B. Thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, thuế, hải quan, công an,.. và các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn.

C. Các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn.

**Đáp án: B.** Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm b Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

**Câu 353. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, một trong các nhiệm vụ về rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính là nhiệm vụ nào sau đây?**

A. Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có.

B. Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có.

C. Loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có.

**Đáp án: A.** Theo quy định tại ý thứ nhất gạch đầu dòng thứ hai điểm b Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

**Câu 354. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp dựa vào cơ sở nào?**

A. Ứng dụng các công nghệ số.

B. Ứng dụng các công nghệ số, cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

C. Ứng dụng các công nghệ số, các cơ sở dữ liệu sẵn có.

**Đáp án: C.** Theo ý thứ nhất của gạch đầu dòng thứ hai điểm b Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

**Câu 355. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, đơn giản hoá thủ tục hành chính thông qua việc tích hợp, cắt giảm các giấy tờ gì?**

A. Mẫu đơn, tờ khai.

B. Mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp.

C. Tờ khai và các giấy tờ không cần thiết.

**Đáp án: B.** Theo ý thứ nhất của gạch đầu dòng thứ hai điểm b Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

**Câu 356. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh phải đảm bảo gì?**

A. Thực chất.

B. Hình thức.

C. Nhanh, kịp thời.

**Đáp án: A.** Theo ý thứ hai của gạch đầu dòng thứ hai điểm b Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

**Câu 357. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, đơn giản hóa thủ tục hành chính thông qua cắt giảm, đơn giản hóa các quy định nào?**

A. Quy định không cần thiết, không hợp lý.

B. Quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; quy định không hợp pháp, không cần thiết, không hợp lý.

C. Quy định không cụ thể, chi tiết.

**Đáp án: B.** Theo ý thứ hai của gạch đầu dòng thứ hai điểm b Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

**Câu 358. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, nhiệm vụ rà soát, thống kê và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nào?**

A. Các cơ quan hành chính nhà nước.

B. Các cơ quan lập pháp.

C. Các cơ quan tư pháp

**Đáp án: A.** Theo ý thứ tư của gạch đầu dòng thứ hai điểm b Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

**Câu 359. Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, triển khai tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với các loại thủ tục hành chính nào?**

**A. Các thủ tục hành chính mà thông tin, dữ liệu phục vụ xem xét, thẩm định hồ sơ đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc trên cơ sở có sự kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, trừ trường hợp thủ tục hành chính yêu cầu phải kiểm tra thực địa, đánh giá, kiểm tra, thẩm định tại cơ sở.**

B. Các thủ tục hành chính mà thông tin, dữ liệu phục vụ xem xét, thẩm định hồ sơ đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc trên cơ sở có sự kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; thủ tục hành chính yêu cầu phải kiểm tra thực địa, đánh giá, kiểm tra, thẩm định tại cơ sở.

C. Các thủ tục hành chính mà quy định phải kiểm tra chuyên ngành.

**Đáp án: A.** Theo điểm a Khoản 3 Mục III Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Câu 360. Nhiệm vụ “Hoàn thành xây dựng và vận hành có hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đảm bảo thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư” được quy định trong văn bản nào sau đây?**

A. Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**B. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.**

C. Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025.

**Đáp án:** **B**. Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ bảy điểm b Khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

**Câu 361. Hiện nay, bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử được quy định tại văn bản nào?**

A. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

B. Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**C. Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.**

**Đáp án: C.** Theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

**Câu 362. Quan điểm, chỉ đạo của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hoá quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025 được quy định như thế nào?**

A. Giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, người dân trong việc tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

B. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc thực hiện cải cách các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

**C. Cả 2 phương án trên.**

**Đáp án: C.** Theo Mục I Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025.

**Câu 363. Theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, đâu là quan điểm chỉ đạo được quy định tại Đề án ban hành kèm theo Quyết định này?**

A. Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ.

B. Sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

**C. Cả 2 phương án trên.**

**Đáp án: C.** Theo Khoản 1 Mục I Điều 1 Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Câu 364. Quan điểm chỉ đạo nào được nêu tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính?**

**A. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, thay đổi cách thức quản trị hành chính từ truyền thông sang hiện đại, góp phần hình thành công dân số, doanh nghiệp số, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.**

B. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước.

C. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan.

**Đáp án: A.** Theo Khoản 2 Mục I Điều 1 Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Câu 365. Đâu là mục tiêu tổng quát quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính?**

**A. Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tăng năng suất lao động, góp phần hình thành công dân số, doanh nghiệp số trong xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số.**

B. Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính nhằm nâng cao chất lượng phục vụ tại Bộ phận một cửa các cấp.

C. Đổi mới quy trình, cách thức giải quyết công việc hành chính trong các cơ quan nhà nước; xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

**Đáp án: A.** Theo Khoản 1 Mục II Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Câu 366. Đâu là mục tiêu cụ thể của năm 2022 nêu tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính?**

A. 100% thủ tục hành chính các cấp được công khai đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận một cửa các cấp.

**B. Hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm xã hội và đất đai với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ việc giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp.**

C. Hoàn thành công bố tất cả các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

**Đáp án: B.** Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ hai điểm b Khoản 2 Mục II Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Câu 367. Theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tỷ lệ số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính năm 2022 tại Bộ phận Một cửa cấp huyện?**

**A. 50%.**

B. 60%.

C. 70%.

**Đáp án: A.** Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ ba điểm b Khoản 2 Mục II Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Câu 368. Theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tỷ lệ số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính năm 2022 tại Bộ phận Một cửa cấp xã?**

A. 25%

**B. 30%**

C. 35%

**Đáp án: B.** Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ ba điểm b Khoản 2 Mục II Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Câu 369. Theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu cụ thể giai đoạn 2023-2025, năng suất tiếp nhận hồ sơ trung bình của 01 nhân sự trực tại Bộ phận Một cửa trong 01 năm tối thiểu là bao nhiêu hồ sơ ?**

**A. Tỉnh, thành phố không trực thuộc Trung ương 1.600; vùng nông thôn 1.200 hồ sơ; vùng sâu, xa, đặc biệt khó khăn 800 hồ sơ (trừ trường hợp tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm/01 Bộ phận Một cửa ít hơn chỉ tiêu trên)**

B. Tỉnh, thành phố không trực thuộc Trung ương 1.700; vùng nông thôn 1.300 hồ sơ; vùng sâu, xa, đặc biệt khó khăn 900 hồ sơ (trừ trường hợp tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm/01 Bộ phận Một cửa ít hơn chỉ tiêu trên)

C. Tỉnh, thành phố không trực thuộc Trung ương 1.800; vùng nông thôn 1.400 hồ sơ; vùng sâu, xa, đặc biệt khó khăn 1.000 hồ sơ (trừ trường hợp tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm/01 Bộ phận Một cửa ít hơn chỉ tiêu trên)

**Đáp án: A.** Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ sáu điểm c Khoản 2 Mục II Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Câu 370. Theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu cụ thể giai đoạn 2023-2025 thời gian chờ đợi của người dân, doanh nghiệp trung bình là bao nhiêu?**

A. Tối đa 20 phút/01 lượt giao dịch.

**B. Tối đa 15 phút/01 lượt giao dịch.**

C. Tối đa 25 phút/01 lượt giao dịch.

**Đáp án: B.** Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ sáu điểm c Khoản 2 Mục II Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Câu 371. Theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu cụ thể đến năm 2025 thời gian tiếp nhận, xử lý hồ sơ tối thiểu** **là bao nhiêu?**

A. 20 phút/01 hồ sơ.

B. 25 phút/01 hồ sơ.

**C. 30 phút/01 hồ sơ.**

**Đáp án: C.** Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ sáu điểm c Khoản 2 Mục II Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Câu 372. Đâu là nội dung đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ**?

**A. Gắn kết việc số hoá hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính với quá trình tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa tạo cơ sở hình thành dữ liệu sống, sạch, đủ và chính xác.**

B. Đổi mới cách thức bố trí các ô, quầy; nâng cao văn hoá giao tiếp, văn hoá công vụ của cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận một cửa.

C. Cả 2 phương án trên.

**Đáp án: A.** Theo Khoản 1 Mục III Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Câu 373. Hồ sơ, giấy tờ phải thực hiện số hóa theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính?**

**A. Giấy tờ trong thành phần hồ sơ mà cá nhân, tổ chức nộp là kết quả giải quyết của thủ tục hành chính trước đó; kết quả xử lý hồ sơ của các cơ quan, đơn vị tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; kết quả giải quyết của thủ tục hành chính.**

B. Giấy tờ trong thành phần hồ sơ mà cá nhân, tổ chức đã nộp để giải quyết thủ tục hành chính trước đó; kết quả xử lý hồ sơ của các cơ quan, đơn vị tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; kết quả giải quyết của thủ tục hành chính.

C. Cả 2 phương án trên.

**Đáp án: A.** Theo quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Khoản 1 Mục III Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Câu 374. Hồ sơ, giấy tờ được lưu trữ điện tử sau khi thủ tục hành chính được giải quyết thành công có giá trị như thế nào so với hồ sơ, giấy tờ bằng giấy?**

**A. Có giá trị tương đương bản giấy và được tái sử dụng trong thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính.**

B. Không có giá trị tương đương bản giấy và được tái sử dụng trong thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính.

C. Có giá trị hơn và lưu trữ lâu dài hơn so với hồ sơ, giấy tờ bằng giấy.

**Đáp án: A.** Theo ý thứ năm của quy định tại gạch đầu dòng thứ ba điểm b Khoản 1 Mục III Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Câu 375. Lưu trữ điện tử đối với hồ sơ thủ tục hành chính được quy định như thế nào?**

**A. Đối với các hồ sơ, giấy tờ được số hóa nhưng không thuộc dữ liệu của các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dịch vụ công của bộ, ngành, địa phương thì được lưu trữ điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh**.

B. Đối với các hồ sơ, giấy tờ được số hóa được lưu trữ điện tử tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dịch vụ công của bộ, ngành, địa phương và lưu trữ điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

C. Đối với các hồ sơ, giấy tờ được số hóa chỉ được lưu trữ điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

**Đáp án: A.** Theo gạch đầu dòng thứ hai điểm c Khoản 1 Mục III Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Câu 376. Theo quy định của pháp luật, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm bố trí trụ sở, trang thiết bị như thế nào?**

 A. Bố trí khu vực cung cấp thông tin, thủ tục hành chính; khu vực tiếp nhận và trả kết quả được chia thành từng quầy tương ứng với một hoặc một số lĩnh vực khác nhau, trong đó căn cứ vào quy mô, diện tích có thể tổ chức quầy hướng dẫn hoặc quầy dành riêng cho người cao tuổi; bố trí đủ ghế ngồi chờ, bàn để viết, máy tính có kết nối mạng dành cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch, thực hiện dịch vụ công trực tuyến; lắp đặt camera theo dõi toàn bộ khu vực làm việc của Bộ phận Một cửa có kết nối với cơ quan nhà nước cấp trên và trong toàn hệ thống.

**B. Bố trí khu vực cung cấp thông tin, thủ tục hành chính; khu vực tiếp nhận và trả kết quả được chia thành từng quầy tương ứng với một hoặc một số lĩnh vực khác nhau, trong đó căn cứ vào quy mô, diện tích có thể tổ chức quầy hướng dẫn hoặc quầy dành riêng cho người cao tuổi, phụ nữ mang thai, người khuyết tật; bố trí đủ ghế ngồi chờ, bàn để viết, máy tính có kết nối mạng dành cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch, thực hiện dịch vụ công trực tuyến; lắp đặt camera theo dõi toàn bộ khu vực làm việc của Bộ phận Một cửa có kết nối với cơ quan nhà nước cấp trên và trong toàn hệ thống; bố trí khu vực đặt các trang thiết bị: máy lấy số xếp hàng tự động kết nối tới Hệ thống thông tin một cửa điện tử; các màn hình cảm ứng phục vụ tổ chức, cá nhân tra cứu thông tin, thủ tục hành chính, tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính, đánh giá mức độ hài lòng; thiết bị phục vụ số hóa hồ sơ, tài liệu; bố trí khu vực cung cấp dịch vụ thực hiện các nhiệm vụ khác được giao theo quy định của pháp luật.**

C. Bố trí khu vực cung cấp thông tin, thủ tục hành chính; khu vực tiếp nhận và trả kết quả được chia thành từng quầy tương ứng với một hoặc một số lĩnh vực khác nhau, trong đó căn cứ vào quy mô, diện tích có thể tổ chức quầy hướng dẫn hoặc quầy dành riêng cho phụ nữ mang thai, người khuyết tật; bố trí đủ ghế ngồi chờ, bàn để viết, máy tính có kết nối mạng dành cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch, thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

**Đáp án: B.** Theo điểm c Khoản 7 Điều 1 Nghị định 107/2021/NĐ-CP.

**PHẦN 9**

**TÌM HIỂU VỀ MỘT SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỤ THỂ**

**Câu 377. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định thời hạn giải quyết thủ tục đăng ký kết hôn cho công dân Việt Nam ở trong nước như thế nào?**

A*.* Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.

B. 03 ngày làm việc.

C. 05 ngày làm việc.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 378. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định bản sao được cấp từ sổ gốc có giá trị sử dụng như thế nào?**

A. Không có giá trị sử dụng thay bản chính.

B. Chỉ có giá trị sử dụng thay bản chính kèm theo xác nhận của cơ quan cấp bản sao từ sổ gốc.

 C. Có giá trị sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**Câu 379. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định bản sao được chứng thực từ bản chính có giá trị sử dụng như thế nào?**

A. Có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đối chiếu chứng thực trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

B. Có giá trị sử dụng khi xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu.

C. Không có giá trị sử dụng thay cho bản chính.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**Câu 380. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định cơ quan nào sau đây có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận?**

A. Phòng Tư pháp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

B. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

C. Cả hai cơ quan trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**Câu 381. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định trường hợp pháp luật quy định nộp bản sao, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận bản sao có trách nhiệm như thế nào?**

A. Không tiếp nhận bản sao, yêu cầu phải nộp bản sao có chứng thực.

B. Không được yêu cầu bản sao có chứng thực nhưng có quyền yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu. Người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

C. Tiếp nhận bản sao, yêu cầu nộp kèm theo bản sao có chứng thực.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**Câu 382. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định cơ quan, tổ chức tiếp nhận bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực có trách nhiệm như thế nào?**

A. Không được yêu cầu xuất trình bản chính, trừ trường hợp có căn cứ về việc bản sao giả mạo, bất hợp pháp thì yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc tiến hành xác minh, nếu thấy cần thiết.

B. Yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu trong mọi trường hợp.

C. Yêu cầu xuất trình bản chính kèm theo giấy xác nhận tính chính xác của cơ quan cấp bản sao từ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**Câu 383. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực như thế nào?**

A. Bảo đảm thực hiện ngay trong ngày.

B.Bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ; trừ trường hợp quy định tại các Điều 21, 33 và Điều 37 của Nghị định này.

C. Thực hiện ngay sau khi tiếp nhận yêu cầu chứng thực.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**Câu 384. Theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ ngày 16/02/2015 của Chính phủ, người yêu cầu chứng thực có quyền?**

A. Yêu cầu chứng thực tại bất kỳ cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nào thuận tiện nhất, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 5 của Nghị định này. Trong trường hợp bị từ chối chứng thực thì có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức từ chối giải thích rõ lý do bằng văn bản hoặc khiếu nại theo quy định của pháp luật.

B. Chỉ được yêu cầu chứng thực tại Phòng công chứng, Văn phòng công chứng.

C. Nếu bị từ chối có quyền tố cáo theo quy định của pháp luật.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**Câu 385. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định người yêu cầu chứng thực phải có những trách nhiệm nào sau đây?**

A. Chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp lệ, hợp pháp của giấy tờ, văn bản mà mình yêu cầu chứng thực hoặc xuất trình khi làm thủ tục chứng thực theo quy định của Nghị định này.

B. Chịu trách nhiệm về giấy tờ xuất trình.

C. Cung cấp thông tin để chứng minh tính hợp lệ, hợp pháp về giấy tờ, văn bản yêu cầu chứng thực.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**Câu 386. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định người thực hiện chứng thực có những nghĩa vụ nào sau đây?**

A. Bảo đảm trung thực, chính xác, khách quan khi thực hiện chứng thực; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chứng thực của mình.

B. Không được chứng thực hợp đồng, giao dịch, chứng thực chữ ký có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ hoặc chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông, bà; anh chị em ruột, anh chị em một của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi.

C. Cả 02 nghĩa vụ trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 9 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**Câu 387. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc gồm những đối tượng nào sau đây?**

A. Cá nhân, tổ chức được cấp bản chính; người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức được cấp bản chính.

B. Cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết.

C. Cả hai đối tượng trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**Câu 388. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định giấy tờ, văn bản nào sau đây làm cơ sở để chứng thực bản sao từ bản chính?**

A. Bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

B. Bản chính giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

C. Cả hai loại giấy tờ, văn bản trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**Câu 389. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định người yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính phải có trách nhiệm như thế nào?**

A. Chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản.

B. Chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp lệ, hợp pháp của bản chính giấy tờ, văn bản dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao; không được yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản quy định tại Điều 22 của Nghị định này.

C. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của giấy tờ, văn bản.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**Câu 390. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định người làm cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp phải đảm bảo những tiêu chuẩn, điều kiện gì sau đây?**

A. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

B. Có bằng cử nhân ngoại ngữ trở lên về thứ tiếng nước ngoài cần dịch hoặc có bằng tốt nghiệp đại học trở lên đối với thứ tiếng nước ngoài cần dịch. Đối với ngôn ngữ không phổ biến mà người dịch không có bằng cử nhân ngoại ngữ, bằng tốt nghiệp đại học theo quy định tại Khoản này thì phải thông thạo ngôn ngữ cần dịch.

C. Cả hai tiêu chuẩn, điều kiện trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 27Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**Câu 391.** **Nghị định số 23/2015/NĐ-CP** **ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định giấy tờ, văn bản nào sau đây không được dịch để chứng thực chữ ký người dịch?**

A.Giấy tờ, văn bản đã bị tẩy xóa, sửa chữa; thêm, bớt nội dung không hợp lệ.

B. Giấy chứng minh nhân dân.

C. Sổ hộ khẩu.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**Câu 392.** **Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định thời hạn chứng thực chữ ký của người dịch như thế nào?**

A.Được thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.

B. Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.

C. Theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.

**Đáp án:** A.Theo quy định tại Điều 33Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**Câu 393. Theo Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế khi công dân thực hiện thủ tục khai sinh, đăng ký cư trú, xin cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi nhận được những kết quả nào sau đây?**

A. Chỉ Giấy khai sinh.

B. Giấy khai sinh, Sổ hộ khẩu sau khi đã được nhập khẩu cho cháu bé, thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi.

C. Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại Điều 10, 11, 12 Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế.

**Câu 394. Theo Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế, cơ quan nào là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi?**

A. UBND cấp xã.

B. Công an cấp huyện.

C. Bảo hiểm xã hội cấp huyện.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế.

**Câu 395. Theo Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế, cơ quan nào có thẩm quyền đăng ký khai sinh cho trẻ em dưới 6 tuổi?**

A. Công an cấp huyện.

B. Bảo hiểm xã hội cấp huyện.

C. Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế.

**Câu 396. Theo Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế, cơ quan nào có thẩm quyền cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi?**

A. Công an cấp huyện.

B. Bảo hiểm xã hội cấp huyện.

C. Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế.

**Câu 397. Theo Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế, cá nhân có yêu cầu thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi phải nộp bao nhiêu bộ hồ sơ?**

A. 01 bộ.

B. 02 bộ.

C. 03 bộ.

**Đáp án:** A. Khoản 1 Điều 8 Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế.

**Câu 398. Theo Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế, thời hạn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi được quy định như thế nào?**

A. Tối đa không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định.

B. Tối đa không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định.

C. Tối đa không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định.

**Đáp án:** B. Theo quy định điểm a khoản 2 Điều 14 Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế.

**Câu 399. Theo quy định của Luật hộ tịch năm 2014, cơ quan nào sau đây có thẩm quyền đăng ký khai sinh cho trẻ em mới sinh là công dân Việt Nam cư trú trong nước?**

A. Sở Tư pháp.

B. Công an tỉnh.

C*.* Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 400. Theo quy định của Luật hộ tịch năm 2014, cơ quan nào sau đây có thẩm quyền Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung thông tin hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước?**

A*.* Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

B. Sở Tư pháp.

C. Công an tỉnh.

**Đáp án:** A.Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 401. Theo quy định của Luật hộ tịch năm 2014, cơ quan nào sau đây có thẩm quyền** **đăng ký khai sinh cho trẻ mới sinh có yếu tố nước ngoài?**

A. Sở Tư pháp.

B. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã.

C. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 402.** **Cơ quan nào sau đây có thẩm quyền đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra tại Việt Nam có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam thường trú tại khu vực biên giới, còn người kia là công dân của nước láng giềng thường trú tại khu vực biên giới với Việt Nam?**

A. Sở Tư pháp.

B. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã.

C. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

**Đáp án:** C. Theo điểm d khoản 1 Điều 7 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 403. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định những trường hợp nào sau đây được miễn lệ phí khi đăng ký hộ tịch?**

A. Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

B. Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

C. Cả hai trường hợp trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 404.** **Theo quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, cơ quan nào sau đây có thẩm quyền đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc?**

A. Ủy ban nhân dân cấp xã.

B. Ủy ban nhân dân cấp huyện.

C. Sở Tư pháp.

**Đáp án: B.** Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 7 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 405. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em trong thời hạn bao nhiêu ngày?**

A. 60 ngày kể từ ngày sinh.

B. 50 ngày kể từ ngày sinh.

C. 40 ngày kể từ ngày sinh.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 406. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định cơ quan nào sau đây có thẩm quyền khai tử cho người nước ngoài hoặc công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài chết tại Việt Nam?**

A. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi người đó chết.

B. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú cuối cùng của người chết.

C. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chết.

**Đáp án: B.** Theo quy định tại khoản 1 Điều 51Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 407. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định vợ, chồng hoặc con, cha, mẹ hoặc người thân thích khác của người chết có trách nhiệm đi đăng ký khai tử; trường hợp người chết không có người thân thích thì đại diện của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm đi khai tử trong thời hạn bao nhiêu này?**

A. 25 ngày, kể từ ngày có người chết.

B. 20 ngày, kể từ ngày có người chết.

C. 15 ngày, kể từ ngày có người chết.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 408. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định thời gian giải quyết thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài bao nhiêu ngày?**

A. 10 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định.

B. 15 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định.

C. 20 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 409. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định hồ sơ của thủ tục đăng ký khai sinh đối với trẻ em Việt Nam ở trong nước như thế nào?**

A. Tờ khai theo mẫu quy định.

B*.* Tờ khai theo mẫu quy định và giấy chứng sinh cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; trường hợp khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi phải có biên bản xác nhận việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập; trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản chứng minh việc mang thai hộ theo quy định pháp luật.

C. Giấy chứng sinh.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 410. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết thủ tục đăng ký kết hôn cho công dân Việt Nam ở trong nước?**

A. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của một trong hai bên nam, nữ.

B*.* Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ thực hiện đăng ký kết hôn.

C. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tạm trú của một trong hai bên nam, nữ.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 411. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con?**

A. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi sinh sống của người cha.

B. Ủy ban nhân dân cấp huyện.

C. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người nhận hoặc người được nhận là cha, mẹ, con.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại Điều 24 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 412. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định thời hạn giải quyết thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con trong nước như thế nào?**

A*.* Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định (nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp). Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.

B. 05 ngày làm việc.

C. 08 ngày làm việc.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 413. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết thủ tục đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước?**

A*.* Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cá nhân có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

B. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có Ủy ban nhân dân cấp xã đã đăng ký hộ tịch trước đó.

C. Cả 2 phương án trên.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại Điều 27 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 414. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định thời hạn giải quyết thủ tục đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước như thế nào?**

A. 06 ngày làm việc.

B*.* Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy việc thay đổi, cải chính hộ tịch là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.

C. 08 ngày làm việc.

**Đáp án:** B. Theo khoản 2 Điều 28 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 415. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam giải quyết thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài trong những trường hợp nào sau đây?**

A. Công dân Việt Nam với người nước ngoài; giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; giữa công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài với nhau; giữa công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài với công dân Việt Nam hoặc với người nước ngoài.

B. Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có yêu cầu đăng ký kết hôn tại Việt Nam.

C*.* Cả 2 trường hợp trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại Điều 37 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 416. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định thời hạn giải quyết thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam là bao nhiêu ngày?**

A. 15 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

B. 05 ngày làm việc.

C. 08 ngày làm việc.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 417. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định trường hợp nào** **sau đây thì các bên phải trực tiếp thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch, không được ủy quyền?**

A*.* Đăng ký kết hôn, nhận cha, mẹ, con.

B. Xác định lại giới tính.

C. Thay đổi quốc tịch.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 418. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định lệ phí khi thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh, khai tử (đúng hạn), kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước như thế nào?**

A. 20.000 đồng.

B*.* Được miễn lệ phí.

C. 30.000 đồng.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Luật Hộ tịch năm 2014.

**Câu 419. Mức thu lệ phí đối với đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện nay là?**

A*.* 3.000 đồng.

B. 13.000 đồng.

C. 10.000 đồng.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Câu 420. Mức thu lệ phí đối với đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện nay là?**

A*.* 3.000 đồng.

B. 13.000 đồng.

C. 10.000 đồng.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Câu 421. Mức thu lệ phí đối với đăng ký lại kết hôn; đăng ký nhận cha, mẹ, con tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện nay là?**

A*.* 5.000 đồng.

B. 15.000 đồng.

C. 20.000 đồng.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại điểm c, d Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Câu 422.** **Mức thu lệ phí đối với cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện nay là?**

A. 50.000 đồng.

B*.* 15.000 đồng.

C. 100.000 đồng.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

 **Câu 423.** **Mức thu lệ phí đối với đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ có yếu tố nước ngoài tại UBND các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện nay là?**

A. 50.000 đồng.

B*.* 70.000 đồng.

C. 100.000 đồng.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Câu 424.** **Mức thu lệ phí đối với đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài tại UBND các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện nay là?**

A. 70.000 đồng.

B*.* 100.000 đồng.

C. 150.000 đồng.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Câu 425.** **Mức thu lệ phí đối với đăng ký kết hôn (bao gồm đăng ký kết hôn mới; đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài) tại UBND các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện nay là?**

A. 1.000.000 đồng.

B*.* 1.100.000 đồng.

C. 1.300.000 đồng.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Câu 426. Khi muốn thực hiện thủ tục cấp phiếu Lý lịch tư pháp, công dân Việt Nam thường trú hoặc tạm trú ở trong nước; công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài; người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam phải nộp hồ sơ tới cơ quan nào sau đây?**

A. Công an xã, phường, thị trấn.

B. Phòng Tư pháp cấp huyện.

C*.* Sở Tư pháp.

**Đáp án:** C. Theo khoản 2 Điều 44 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009.

**Câu 427. Công dân Việt Nam thường trú hoặc tạm trú ở trong nước, công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài khi thực hiện thủ tục cấp phiếu Lý lịch tư pháp số 1 phải nộp tới Sở Tư pháp tỉnh, thành phố nào?**

A. Nộp tại Sở Tư pháp nơi thường trú; trường hợp không có nơi thường trú thì nộp tại Sở Tư pháp nơi tạm trú; trường hợp cư trú ở nước ngoài thì nộp tại Sở Tư pháp nơi cư trú trước khi xuất cảnh.

B*.* Nộp tại Sở Tư pháp nơi thường trú.

C. Nộp tại Sở Tư pháp nơi tạm trú.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 45 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009.

**Câu 428. Công dân Việt Nam thường trú hoặc tạm trú ở trong nước, công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài khi thực hiện thủ tục cấp phiếu Lý lịch tư pháp số 1 phải nộp tới Sở Tư pháp tỉnh, thành phố nào?**

A. Nộp tại Sở Tư pháp nơi thường trú; trường hợp không có nơi thường trú thì nộp tại Sở Tư pháp nơi tạm trú; trường hợp cư trú ở nước ngoài thì nộp tại Sở Tư pháp nơi cư trú trước khi xuất cảnh.

B*.* Nộp tại Sở Tư pháp nơi thường trú.

C. Nộp tại Sở Tư pháp nơi tạm trú.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 45 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009.

**Câu 429. Pháp luật quy định việc ủy quyền của công dân Việt Nam thường trú hoặc tạm trú ở trong nước, công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài** **khi thực hiện thủ tục cấp phiếu Lý lịch tư pháp số 1 như thế nào?**

A. Không được ủy quyền.

B*.* Cá nhân có thể uỷ quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Việc uỷ quyền phải được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật; trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì không cần văn bản ủy quyền.

C. Chỉ được ủy quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, con.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009.

**Câu 430. Pháp luật quy định như thế nào đối với trường hợp cá nhân yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp số 2?**

A*.* Không được ủy quyền.

B. Được ủy quyền và lập thành văn bản.

C. Chỉ được ủy quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, con.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009.

**Câu 431. Đối tượng nào sau đây thuộc trường hợp nộp phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp 100.000 đồng/lần/người?**

A*.* Sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ).

B. Người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam.

C. Người nước ngoài đang cư trú ở nước ngoài.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 244/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

 **Câu 432. Theo Thông tư số 244/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (trừ đối tượng là sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ) là bao nhiêu?**

A*.* 200.000 đồng/lần/người.

B. 300.000 đồng/lần/người.

C. 400.000 đồng/lần/người.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 244/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

**Câu 433. Thông tư số 244/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các đối tượng nào thuộc trường hợp được miễn phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp?**

A. Trẻ em theo quy định tại Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Người cao tuổi theo quy định tại Luật người cao tuổi; người khuyết tật theo quy định tại Luật người khuyết tật.

B. Người thuộc hộ nghèo theo quy định tại Quyết định số [59/2015/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/quyet-dinh-59-2015-qd-ttg-chuan-ngheo-tiep-can-da-chieu-ap-dung-2016-2020-296044.aspx) ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020; Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.

C. Cả 2 nhóm đối tượng trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 244/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

**Câu 434. Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cá nhân, tổ chức phải nộp phí công chứng trong trường hợp thực hiện thủ tục hành chính nào sau đây?**

A*.* Khi yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch, lưu giữ di chúc, cấp bản sao văn bản công chứng.

B. Khi yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính.

C. Khi yêu cầu chứng thực chữ ký trong giấy tờ.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Câu 435. Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cá nhân, tổ chức phải nộp phí chứng thực trong trường hợp nào sau đây?**

A. Khi yêu cầu công chứng hợp đồng.

B*.* Khi yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản.

C. Khi yêu cầu cấp bản sao văn bản công chứng.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Câu 436. Luật Công chứng năm 2014 quy định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính công chứng là bao nhiêu ngày làm việc?**

A*.* Thời hạn công chứng không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc.

B. Thời hạn công chứng không quá 04 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc.

C. Thời hạn công chứng không quá 06 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Công chứng năm 2014.

**Câu 437. Theo quy định hiện hành, mức trần thù lao mà cá nhân, tổ chức phải trả cho tổ chức hành nghề công chứng khi soạn thảo hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất là bao nhiêu?**

A. 150.000 đồng/trường hợp.

B. 200.000 đồng/trường hợp.

C. 250.000 đồng/trường hợp.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 3, 4 Mục I Điều 3 Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh về việc quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Câu 438.** **Theo quy định hiện hành, mức trần thù lao mà cá nhân, tổ chức phải trả cho tổ chức hành nghề công chứng khi soạn thảo văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản là bao nhiêu?**

A. 150.000 đồng/trường hợp.

B*.* 200.000 đồng/trường hợp.

C. 250.000 đồng/trường hợp.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 2 mục I Điều 3 Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh về việc quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Câu 439. Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh quy định cá nhân, tổ chức yêu cầu thực hiện việc công chứng ngoài trụ sở (ở đồng bằng) thì khoản thù lao phải nộp thêm cho tổ chức hành nghề công chứng như thế nào?**

A. Trong phạm vi dưới 10 km: 200.000 đồng; trong phạm vi từ 10km đến 50km: 300.000 đồng.

B. Trên 50 km: 500.000 đồng (Riêng tiền tàu xe và các chi phí khác do người yêu cầu công chứng chi trả cho công chứng viên).

**C*.* Cả 2 trường hợp trên.**

**Đáp án:** C. Theo quy định tại Điều 3 (mục V Bảng biểu) Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh về việc quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Câu 440. Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh quy định cá nhân, tổ chức yêu cầu thực hiện việc công chứng ngoài trụ sở (ở miền núi) thì khoản thù lao phải nộp thêm cho tổ chức hành nghề công chứng như thế nào?**

A. Trong phạm vi dưới 10 km: 300.000 đồng; trong phạm vi từ 10km đến 50km: 400.000 đồng.

B. Trên 50 km: 600.000 đồng (Riêng tiền tàu xe và các chi phí khác do người yêu cầu công chứng chi trả cho công chứng viên).

C*.* Cả 2 trường hợp trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại Điều 3 (mục V Bảng biểu) Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh về việc quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Câu 441. Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức phí mà cá nhân, tổ chức phải nộp khi thực hiện thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính là bao nhiêu?**

A. Mức thu tối đa không quá 100 nghìn đồng/bản.

B*.* 02 nghìn đồng/trang đối với trang thứ nhất, trang thứ hai; từ trang thứ ba trở lên thu 01 nghìn đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200 nghìn đồng/bản.

C. Mức thu tối đa không quá 300 nghìn đồng/bản.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Câu 442.** **Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức phí mà cá nhân, tổ chức phải nộp khi thực hiện thủ tục chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là bao nhiêu?**

A*.* 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).

B. 50.000 đồng/trường hợp (trường hợp hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).

C. 100.000 đồng/trường hợp (trường hợp hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

**Câu 443.** **Luật Xây dựng năm 2014** **quy định đối với trường hợp nào sau đây khi xin cấp giấy phép xây dng hộ gia đình được tự thiết kế nhà ở riêng lẻ ?**

A*.* Có tổng diện tích sàn xây dựng nhỏ hơn 250 m2 hoặc dưới 3 tầng hoặc có chiều cao dưới 12 mét, phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng thiết kế, tác động của công trình xây dựng đến môi trường và an toàn của các công trình lân cận.

B. Dưới 04 tầng và có tổng diện tích sàn xây dựng nhỏ hơn 250 m2.

C. Dưới 03 tầng và có tổng diện tích sàn xây dựng nhỏ hơn 300 m2.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 79 Luật Xây dựng năm 2014.

**Câu 444. Theo quy định của Luật Xây dựng công trình nhà ở nào sau đây được miễn giấy phép xây dựng?**

A. Nhà ở riêng lẻ có quy mô dưới 07 tầng thuộc dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở có quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

B. Công trình xây dựng cấp IV, nhà ở riêng lẻ ở nông thôn có quy mô dưới 07 tầng và thuộc khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; công trình xây dựng cấp IV, nhà ở riêng lẻ ở miền núi, hải đảo thuộc khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng; trừ công trình, nhà ở riêng lẻ được xây dựng trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa;

C*.* Cả 2 trường hợp trên

**Đáp án:** C. Theo quy định tại điểm h, i khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 (Khoản 30 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 ).

**Câu 445. Theo quy định của Luật Xây dựng, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị có nghĩa vụ nào sau đây?**

A.Thông báo ngày khởi công xây dựng bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình trong thời hạn 07 ngày làm việc trước khi khởi công xây dựng công trình.

B. Thông báo ngày khởi công xây dựng bằng văn bản cho chủ sở hữu các công trình liền kề.

C. Thông báo ngày khởi công xây dựng cho Công chức địa chính - xây dựng.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 38 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020).

**Câu 446. Mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ (thuộc đối tượng phải có giấy phép) trên địa bàn tỉnh Nghệ An là bao nhiêu?**

A*.* 50.000 đồng/1 giấy phép.

B. 150.000 đồng/1 giấy phép.

C. Được miễn lệ phí.

**Đáp án:** A. Theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của HĐND tỉnh quy định về mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Câu 447. Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định thời gian giải quyết thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp là bao nhiêu ngày làm việc?**

A*.* 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

B. 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

C. 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

**Câu 448. Theo Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân bao gồm?**

A. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

B. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.

C*.* Cả 02 loại hồ sơ trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

 **Câu 449. Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ quy định về ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp như thế nào?**

A. Không được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

B*.* Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp nhưng phải tuân thủ quy định của pháp luật.

C. Chỉ được ủy quyền cho cá nhân mà không được uỷ quyền cho tổ chức.

**Đáp án:** B. Theo Điều 12 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

**Câu 450. Luật Doanh nghiệp 2020 quy định việc công khai nội dung đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ nào sau đây?**

A. Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

B*.* Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

C. Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 32 Luật Doanh nghiệp 2020.

**Câu 451. Luật Doanh nghiệp 2020 quy định việc công khai nội dung đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ nào sau đây?**

A. Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

B*.* Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

C. Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 32 Luật Doanh nghiệp 2020.

**Câu 452. Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định thời gian giải quyết thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp là bao nhiêu ngày làm việc?**

A*.* 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

B. 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

C. 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

**Câu 453. Theo quy định hiện hành, trường hợp nào sau đây không được quyền yêu cầu thực hiện thủ tục cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc?**

A. Người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ; người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ.

B. Cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ trong trường hợp người đó đã chết.

C. Người cộng sự của người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại Điều 30 Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

 **Câu 454. Theo quy định hiện hành, những người nào được quyền yêu cầu thực hiện thủ tục cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc?**

A. Người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ; Người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ.

B. Cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ trong trường hợp người đó đã chết.

C. Cả 02 trường hợp trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại Điều 30 Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Câu 455. Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thời hạn giải quyết của thủ tục yêu cầu cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc như thế nào?**

A. Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu cấp bản sao hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 03 (ba) giờ chiều, cơ quan có thẩm quyền cấp bản sao văn bằng chứng chỉ từ sổ gốc phải cấp bản sao cho người có yêu cầu. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được xác định từ thời điểm cơ quan tiếp nhận yêu cầu cấp bản sao nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.

B. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu cấp bản sao từ nhiều sổ gốc, yêu cầu số lượng nhiều bản sao, nội dung văn bằng, chứng chỉ phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan tiếp nhận yêu cầu cấp bản sao không thể đáp ứng được thời hạn quy định tại điểm b khoản này thì thời hạn cấp bản sao được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu cấp bản sao.

C. Cả 2 nội dung trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Câu 456. Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định người nào có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học?**

A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

B. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

C. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 108 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.

**Câu 457. Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định thời hạn giải quyết thủ tục** **cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học bao nhiêu ngày làm việc?**

A. 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

B. 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

C. 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**Đáp án:** C. Theo quy dịnh tại điểm b Khoản 3 Điều 108 Nghị định số 46/2017/NĐ-CPngày 21/4/2017 của Chính phủ.

**Câu 458. Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học phải đảm bảo điều kiện nào sau đây?**

A. Đội ngũ nhân viên phải có Phiếu lý lịch tư pháp ghi rõ không có án tích.

 B. Đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học có trình độ đại học trở lên; có năng lực sử dụng ít nhất một ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và tương đương; có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

C. Đội ngũ nhân viên phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 3 Điều 107Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.

**Câu 459. Theo quy định hiện hành, người nào có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa?**

A. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

B. Hiệu trưởng trường đại học, cao đẳng

C. Cả 2 trường hợp trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Câu 460. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo** **có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với các đối tượng nào sau đây?**

A. Các doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp có đăng ký hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; các trung tâm thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có liên quan đến hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa tại các cơ sở giáo dục.

B. Trung tâm học tập cộng đồng.

C.Trường tiểu học, trung học cơ sở.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 và điểm b khoản 2 Điều 1 Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Câu 461. Thời hạn giải quyết đối với thủ tục cấp giấy phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa được quy định như thế nào?**

A. 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

B. 12 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

C. 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Câu 462. Chủ thể nào sau đây có thẩm quyền xác nhận thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của các cơ sở giáo dục?**

A. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

B. Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện.

C. Cả 02 chủ thể trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Câu 463. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có thẩm quyền xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với những đối tượng nào sau đây?**

A. Các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung học phổ thông, trung học phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học, trường chuyên, trường năng khiếu, các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ, tin học.

B. Các đơn vị thuộc trường đại học, cao đẳng đặt ngoài khuôn viên của trường.

C. Cả 2 trường hợp trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Câu 464. Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện có thẩm quyền xác nhận đăng ký hoạt động** **giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với đối tượng nào sau đây?**

A. Các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ, tin học.

B. Nhà trẻ, nhóm trẻ; trường, lớp mẫu giáo, trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, phổ thông dân tộc bán trú và trung tâm học tập cộng đồng.

C. Các trung tâm thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Câu 465. Theo quy định hiện hành, thời hạn giải quyết thủ tục xác nhận** **đăng ký hoạt động** **giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa là bao nhiêu ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ?**

A. 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

B. 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

C. 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Câu 466. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định một trong những yêu cầu của cuộc họp hòa giải trong thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai là gì?**

A. Việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt.

B. Phải nộp phí, lệ phí trước cuộc họp hòa giải.

C. Phải có sự tham gia của đại diện Tòa án.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

**Câu 467. Theo quy định của Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, người nào sau đây là thành viên của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai cấp xã?**

A. Người có uy tín trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

B. Người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội

C. Người làm chứng.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại Khoản 27 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

**Câu 468. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định khi nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các công việc nào sau đây?**

A. Thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất.

B. Kiểm tra hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

C. Tổ chức lực lượng cưỡng chế.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

**Câu 469. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định kết quả của thủ tục** **hòa giải tranh chấp đất đai được thực hiện như thế nào?**

A. Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản. Biên bản hòa giải phải gửi ngay cho Tòa án nhân dân cấp huyện.

B. Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản. Biên bản hòa giải phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải và phải đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

C. Không phải lập thành biên bản.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 2 Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

 **Câu 470. Luật Đất đai năm 2013 quy định** **thời hạn của thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai là bao nhiêu ngày?**

A. Không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.

B. Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.

C. Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 3 Điều 202 Luật Đất đai năm 2013.

**Câu 471. Luật Đất đai năm 2013 quy định trong trường hợp nào sau đây các bên tranh chấp được lựa chọn nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền?**

A. Đối với tranh chấp đất đai đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã không thành mà các bên tranh chấp không có Giấy chứng nhận hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013.

B. Đối với tranh chấp đất đai đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã không thành mà các bên tranh chấp có Giấy chứng nhận hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013.

C. Cả 2 trường hợp trên.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

**Câu 472. Luật Đất đai năm 2013 quy định** **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết những tranh chấp đất đai (đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã mà không thành) nào sau đây:**

A. Tranh chấp mà một bên tranh chấp là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

B. Tranh chấp giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau.

C. Tranh chấp mà hai bên tranh chấp là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

**Câu 473. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định** **văn bản nào sau đây là kết quả của thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện?**

A. Bản án của Tòa án

B. Quyết định của Tòa án.

C. Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành.

Đáp án**:** C. Theo quy định tại khoản 4 Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

**Câu 474. Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An phải nộp phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu là bao nhiêu?**

A. 230.000 đồng/hồ sơ.

B. 240.000 đồng/hồ sơ.

C. 250.000 đồng/hồ sơ.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 47/2016/ NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An.

**Câu 475.** **Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai về cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An phải nộp phí thẩm định cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bao nhiêu?**

A. 190.000 đồng/hồ sơ.

B. 200.000 đồng/hồ sơ.

C. 210.000 đồng/hồ sơ.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 47/2016/ NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An**.**

**Câu 476. Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính do biến động các thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An phải nộp phí thẩm định xác nhận biến động trên** **giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bao nhiêu?**

A. 50.000 đồng/hồ sơ.

B. 100.000 đồng/hồ sơ.

C. 200.000 đồng/hồ sơ.

**Đáp án:** B. Theo quy định khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An**.**

**Câu 477. Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà hoặc quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân tại các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghệ An là bao nhiêu?**

A. 25.000 đồng/giấy.

B. 20.000 đồng/giấy.

C. 30.000 đồng/giấy.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An**.**

**Câu 478. Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân tại các phường trên địa bàn tỉnh Nghệ An là bao nhiêu?**

A. 10.000 đồng/giấy.

B. 20.000 đồng/giấy.

C. 30.000 đồng/giấy.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An**.**

**Câu 479. Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND quy định lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà hoặc tài sản khác gắn liền với đất** **cho hộ gia đình, cá nhân tại các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghệ An là bao nhiêu?**

A. 15.000 đồng/giấy.

B. 20.000 đồng/giấy.

C. 25.000 đồng/giấy.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An**.**

**Câu 480. Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND quy định lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà hoặc tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân tại các phường trên địa bàn tỉnh Nghệ An là bao nhiêu?**

A. 40.000 đồng/giấy.

B. 50.000 đồng/giấy.

C. 60.000 đồng/giấy.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An**.**

**Câu 481.** **Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND quy định lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc tài sản gắn liền với đất** **cho hộ gia đình, cá nhân tại các phường trên địa bàn tỉnh Nghệ An là bao nhiêu?**

A. 100.000 đồng/giấy.

B. 150.000 đồng/giấy.

C. 200.000 đồng/giấy.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An**.**

**Câu 482.** **Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND quy định lệ phí của** **thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân** **tại các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghệ An là bao nhiêu?**

A. 40.000 đồng/giấy.

B. 50.000 đồng/giấy.

C. 60.000 đồng/giấy.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An**.**

**Câu 483.** **Thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký, cung cấp thông tin bằng biện pháp bảo đảm được quy định như thế nào?**

A. 05 ngày làm việc.

B. 03 ngày làm việc.

C. Ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 102/2017/NĐ-CP về đăng ký biện pháp bảo đảm

**Câu 484.** **Cá nhân muốn được cấp Giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ em được sinh ra tại nhà hoặc tại nơi khác mà không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì nộp hồ sơ yêu cầu tại đâu?**

A. Nộp trực tiếp tại trạm y tế xã, phường.

B. Nộp trực tiếp tại Bệnh viện đa khoa của huyện, thành phố, thị xã.

C. Nộp trực tiếp tại UBND cấp xã.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27/9/2019 sửa đổi một số điều [Thông tư 17/2012/TT-BYT](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=27907) ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh.

**Câu 485. Cá nhân muốn được cấp Giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ em được sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ thì nộp hồ sơ yêu cầu tại đâu?**

A. Nộp trực tiếp tại Trạm y tế xã, phường.

B. Nộp trực tiếp tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trẻ em được sinh ra.

C. Nộp trực tiếp tại Bệnh viện đa khoa của huyện, thành phố, thị xã.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế (bổ sung điểm c khoản 2 Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh).

**Câu 486. Hồ sơ của thủ tục** **cấp Giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ em được sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ bao gồm những thành phần hồ sơ nào?**

A. Bản xác nhận về việc sinh con bằng kỹ thuật mang thai hộ theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-BYT.

B. Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có kèm theo bản chính để đối chiếu Bản thỏa thuận về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo giữa vợ chồng nhờ mang thai hộ và Bên mang thai hộ.

C. Cả 02 loại hồ sơ trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế (bổ sung điểm c khoản 2 Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh).

**Câu 487. Theo quy định của pháp luật hiện hành, thời hạn giải quyết thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng là bao nhiêu ngày làm việc?**

A. 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

B. 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

C. 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại khoản 2 Điều 35b Nghị định số 72/2013/NĐ-CP (được bổ sung tại Khoản 37 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP)

**Câu 488. Cơ sở kinh doanh dịch vụ photocopy trước khi hoạt động phải thực hiện thủ tục nào sau đây?**

A. Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy.

B. Xin cấp giấy phép hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy.

C. Xin chấp thuận hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

**Câu 489. Nghị định số 60/2014/NĐ-CP** **quy định** **khi nhận được tờ khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy, UBND cấp huyện phải thực hiện hoạt động nào sau đây?**

A. 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm ban hành văn bản xác nhận hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy.

B. 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cập nhật thông tin trong tờ khai vào cơ sở dữ liệu của cơ quan mình để quản lý.

C. 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm ban hành Quyết định chấp thuận hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy.

**Đáp án:** B. Theo quy định Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

 **Câu 490. Nghị định số 60/2014/NĐ-CP quy định cơ sở** **dịch vụ photocopy phải làm thủ tục khai báo với UBND cấp huyện chậm chất bao nhiêu ngày trước khi hoạt động?**

A. Chậm nhất 10 ngày.

B. Chậm nhất 15 ngày.

C. Chậm nhất 20 ngày.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in

**Câu 491. Theo quy định hiện hành, thời hạn giải quyết của hồ sơ cấp mới giấy phép lái xe là bao nhiêu ngày?**

A. Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

B. Sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

C. Sau 20 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

**Câu 492. Trường hợp có nhu cầu tích hợp giấy phép lái xe, cá nhân được lựa chọn thực hiện thủ tục hành chính nào sau đây?**

A. Đăng ký vào đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT hoặc làm thủ tục đổi giấy phép lái xe theo quy định tại Điều 38 của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT.

B. Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ quốc phòng cấp.

C. Làm thủ tục cấp lại giấy phép lái xe.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 33Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

 **Câu 493. Thông tư số 188/2016/TT-BTC quy định phí sát hạch lái xe mô tô (hạng A1, A2, A3, A4) là bao nhiêu?**

A. Sát hạch lý thuyết: 30.000 đồng/lần; sát hạch thực hành: 40.000 đồng/lần.

 B. Sát hạch lý thuyết: 40.000 đồng/lần; sát hạch thực hành: 50.000 đồng/lần.

C. Sát hạch lý thuyết: 50.000 đồng/lần; sát hạch thực hành: 60.000 đồng/lần.

**Đáp án:** B. Theo quy định điểm a Mục 3 Biểu phí kèm theo Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Câu 494. Thông tư số 188/2016/TT-BTC quy định phí sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F) là bao nhiêu?**

A. Sát hạch lý thuyết: 70.000 đồng/lần; Sát hạch trong hình: 100.000 đồng/lần; Sát hạch trên đường giao thông công cộng: 40.000 đồng/lần.

B. Sát hạch lý thuyết: 80.000 đồng/lần; Sát hạch trong hình: 200.000 đồng/lần; Sát hạch trên đường giao thông công cộng: 50.000 đồng/lần.

C. Sát hạch lý thuyết: 90.000 đồng/lần; Sát hạch trong hình: 300.000 đồng/lần; Sát hạch trên đường giao thông công cộng: 60.000 đồng/lần.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại điểm b Mục 3 Biểu phí, lệ phí kèm theo Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Câu 495. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp bao gồm những giấy tờ nào sau đây?**

A. Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định; Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3.

B. Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

C. Gồm 02 loại giấy tờ trên.

Đáp án**:** C. Theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 38 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và khoản 8 Điều 1 Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 22/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số [12/2017/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-12-2017-tt-bgtvt-dao-tao-sat-hach-cap-giay-phep-lai-xe-co-gioi-duong-bo-329206.aspx) ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (Sửa đổi Khoản 2 Điều 38 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT).

**Câu 496. Thời gian giải quyết hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp?**

A. Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

B. Không quá 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

C. Không quá 09 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại điểm a Khoản 8 Điều 37 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

**Câu 497. Khi làm hồ sơ** **đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp thì phải nộp lệ phí bao nhiêu?**

A. 115.000 đồng.

B. 125.000 đồng.

C. 135.000 đồng.

**Đáp án:** C. Theo mục mục 2 Biểu phí, lệ phí kèm theo Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Câu 498. Theo quy định hiện hành, cơ quan nào trên địa bàn tỉnh Nghệ An có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp?**

A. Sở Giao thông vận tải Nghệ An.

B. Cục Quản lý đường bộ 2.

C. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại Điều 38 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

**Câu 499. Theo quy định hiện hành, trường hợp nào sau đây được thực hiện thủ tục hành chính cấp lại Giấy phép lái xe (không phải sát hạch)?**

A. Người có giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng, được xét cấp lại giấy phép lái xe.

B. Người có giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý .

C. Cả 2 trường hợp trên.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

**Câu 500. Nghị định số 28/2015/NĐ-CP quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính hưởng trợ cấp thất nghiệp như thế nào?**

A. 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

B. 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

C. 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

**PHẦN 10**

**TÌM HIỂU VỀ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**

**Câu 501. Địa chỉ truy cập vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An là địa chỉ nào?**

1. https://dichvucong.nghean.gov.vn
2. <https://nghean.dichvucong.gov.vn>
3. https://nghean.net

**Đáp án:** A.

**Câu 502. Khi điền thông tin đăng ký tài khoản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An, những mục được đánh dấu (\*) được hiểu như thế nào?**

1. Bắt buộc phải điền thông tin.
2. Không bắt buộc phải điền thông tin.
3. Điền thông tin có dấu.

**Đáp án:** A.

**Câu 503. Chức năng tra cứu hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An cho phép người sử dụng tra cứu hồ sơ theo các thông tin nào của hồ sơ?**

1. Số hồ sơ.
2. Số CMND người nộp hoặc Tên tổ chức cá nhân nộp.
3. Cả hai phương án trên.

**Đáp án:** C.

**Câu 504. Tổ chức, cá nhân có thể thực hiện nộp hồ sơ dịch vụ công trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An bằng thiết bị nào sau đây?**

A. Chỉ có máy tính để bàn.

B. Máy tính, máy tính bảng, Điện thoại thông minh (Smart phone) (có kết nối Internet).

C. Máy scan.

#### Đáp án: B.

**Câu 505. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An được hợp nhất từ hai hệ thống nào sau đây:**

A. Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Nghệ An.

B. Hệ thống quản lý văn bản điều hành và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Nghệ An

C. Hệ thống thông tin báo cáo và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Nghệ An

 **Đáp án:**A. Theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính”.

**Câu 506. Cú pháp tra cứu tình trạng hồ sơ hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An qua hệ thống trả lời tự động qua tin nhắn (SMS) điện thoại như thế nào là đúng?**

A. TTHC <Số hồ sơ> gửi về tổng đài 8188.

B. TTHC <Số hồ sơ> gửi về tổng đài 8288.

C. TTHC <Số hồ sơ> gửi về tổng đài 8388.

**Đáp án:** A.

**Câu 507. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo bao nhiêu mức độ?**

A. 02 mức độ.

B. 04 mức độ

C. 06 mức độ.

**Đáp án:** A. Theo khoản 1, Điều 11 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**Câu 508. Đơn vị quản lý Cổng Dịch vụ công tỉnh Nghệ An (nay là Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An) là đơn vị nào?**

A. Văn phòng UBND tỉnh.

B. Sở Thông tin và Truyền thông.

C. Sở Khoa học và Công nghệ.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại Điều 6 Quy chế hoạt động của Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của UBND tỉnh Nghệ An.

**Câu 509: Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định “Dịch vụ công trực tuyến toàn trình” như thế nào?**

A. Là dịch vụ nộp hồ sơ được thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích.

B. Là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

C. Là dịch vụ nộp hồ sơ trực tiếp.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**Câu 510. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định với các dịch vụ công trực tuyến cho phép tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trên môi trường mạng, cơ quan nhà nước có trách nhiệm:**

A. Triển khai áp dụng chữ ký số công cộng, chữ ký số chuyên dùng cho các ứng dụng chuyên ngành đáp ứng yêu cầu về chữ ký số trong quá trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

B. Phát triển, sử dụng các biểu mẫu điện tử tương tác theo quy định.

C. Cả 2 Đáp án trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**Câu 511. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định các yêu cầu kỹ thuật cung cấp dịch cụ công trực tuyến:**

A. Hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng phải có giao diện thân thiện, dễ sử dụng, an toàn, bảo mật, lấy tổ chức, cá nhân làm trung tâm.

B. Sản phẩm phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến được triển khai dưới dạng các dịch vụ để dễ dàng nhân rộng và tùy biến, ít đòi hỏi năng lực công nghệ.

C. Cả 2 Đáp án trên.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**Câu 512. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến có trách nhiệm?**

A. Cải cách mô hình tổ chức, quy trình công việc để có thể ứng dụng tối đa công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng.

B. Nộp hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp.

C. Trang bị máy tính cho người dân.

**Đáp án:**A. Theo Điểm a, Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**Câu 513. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến có trách nhiệm?**

A. Đối xử công bằng, không phân biệt khi người dùng truy cập dịch vụ công trực tuyến trên các kênh cung cấp khác nhau.

B. Ưu tiên giải quyết khi người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp.

C. Ưu tiên khi người dân, doanh nghiệp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

**Đáp án:** A. Theo Điểm b, Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**Câu 514. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước là?**

A. Dịch vụ hành chính công được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

B. Dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

C. Dịch vụ hành chính công của cơ quan nhà nước được cung cấp thông qua mạng viễn thông.

 **Đáp án:** B. Theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**Câu 515. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định các kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng đáp ứng các yêu cầu gồm:**

A. Bảo đảm thuận tiện trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

B. Cho phép tổ chức, cá nhân có thể đánh giá trực tuyến mức độ hài lòng về dịch vụ công trực tuyến được cung cấp. Cơ quan nhà nước bảo đảm tính bí mật, riêng tư của tổ chức, cá nhân đánh giá.

C. Cả 2 Đáp án trên

**Đáp án:** C. Theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**Câu 516. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định các kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng đáp ứng các yêu cầu gồm:**

A. Bảo đảm thuận tiện trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

B. Đồng bộ về thông tin, trạng thái xử lý với dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh.

C. Cả 2Đáp án trên

**Đáp án:** C. Theo quy định tại điểm a, điểm c Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**Câu 517. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định giám sát, đánh giá hiệu quả, mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến như thế nào?**

A. Việc quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả, mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước phải được thực hiện tự động hóa bằng hệ thống thông tin với từng dịch vụ công trực tuyến, từng chủ thể tham gia giao dịch, từng bước thực hiện dịch vụ.

B. Việc quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả, mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước phải được thực hiện bằng văn bản giấy.

C. Việc quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả, mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước phải được thực hiện dựa trên hoạt động thanh toán trực tuyến.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**Câu 518. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định tên miền với giao diện ngôn ngữ tiếng Anh của Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh theo dạng:**

A. e-service.(tên bộ, địa phương tiếng Anh).gov.vn

B. e-services.(tên bộ, địa phương tiếng Anh).gov.vn

C. e-server.(tên bộ, địa phương tiếng Anh).gov.vn

**Đáp án:** B. Theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**Câu 519. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định Biểu mẫu điện tử tương tác như thế nào?**

A. Là Biểu mẫu của thủ tục hành chính được thể hiện dưới dạng điện tử do Bộ Thông tin và Truyền thông tạo lập.

B. Là Biểu mẫu của thủ tục hành chính được thể hiện dưới dạng ứng dụng máy tính do tổ chức, cá nhân tự tạo lập.

C. Là Biểu mẫu của thủ tục hành chính được thể hiện dưới dạng ứng dụng máy tính (thông thường dưới dạng ứng dụng trên WeB. để tổ chức, cá nhân cung cấp, trao đổi thông tin, dữ liệu khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại Khoản 8 Điều 3 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**Câu 520. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định Biểu mẫu điện tử không tương tác như thế nào?**

A. Là Biểu mẫu của thủ tục hành chính (mẫu đơn, mẫu tờ khai) được định dạng và lưu trữ dưới dạng tệp tin điện tử để tải về và điền thông tin.

B. Là Biểu mẫu của thủ tục hành chính được người dân tạo lập.

C. Là Biểu mẫu của thủ tục hành chính được được người dân gửi qua email.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**Câu 521. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định Dịch vụ hành chính công như thế nào?**

A. Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý hoặc dưới hình thức thông báo kết quả thực hiện trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý.

B. Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, nhằm mục tiêu lợi nhuận là chủ yếu.

C. Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức tin nhắn điện thoại.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**Câu 522. Theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh có tên miền thống nhất theo dạng nào?**

A. dichvucong.(tên bộ, địa phương).gov.vn.

B. (tên bộ, địa phương).dichvucong.gov.vn.

C. (tên bộ, địa phương).dvc.gov.vn.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Câu 523. Trụ sở làm việc của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An được đặt ở đâu?**

A. Số 03, đường Trường thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

B. Số 16, đường Trường thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

C. Số 09, đường Trường thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Quyết định số 2996/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An.

**Câu 524. Theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ, “thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử” được hiểu như thế nào?**

A. Là những loại giấy tờ, tài liệu ở dạng điện tử được tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

B. Là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến hành toàn bộ hoặc một số bước thực hiện thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc bằng phương tiện điện tử thông qua các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

C. Là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến hành toàn bộ hoặc một số bước thực hiện thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc bằng phương tiện điện tử thông qua các dịch vụ công trực tuyến.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

**Câu 525. Theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ, “tài khoản giao dịch điện tử” được hiểu như thế nào?**

A. Là danh tính điện tử của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân được xác thực điện tử để đăng nhập vào cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

B. Là tài khoản bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu để cá nhân, tổ chức đăng nhập vào vào cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

C. Là tài khoản bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu cung cấp cho cán bộ, công chức, viên chức có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

**Câu 526. Theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ mức độ đảm bảo xác thực người dùng khi đăng nhập tài khoản dựa trên ít nhất bao nhiêu yếu tố xác thực của tổ chức, cá nhân?**

A. 2 yếu tố.

B. 1 yếu tố.

C. 3 yếu tố.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

**Câu 527. Theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ, “cấp bản sao điện tử từ sổ gốc” được hiểu như thế nào?**

A. Là bản sao điện tử từ sổ gốc có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc.

B. Là việc cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc, căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao điện tử. Bản sao điện tử từ sổ gốc có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc.

C. Là việc cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc, căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao điện tử.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại Khoản 8 Điều 3 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

**Câu 528. Theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ “Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính” được hiểu như thế nào?**

A. Là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền căn cứ vào bản chính dạng văn bản giấy để chứng thực bản sao bằng hình thức điện tử là đúng với bản chính.

B. Là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền căn cứ vào bản chính dạng văn bản giấy để chứng thực bản sao điện tử.

C. Là việc chứng thực được thực hiện để xác minh bản sao điện tử đúng như văn bản chính.

**Đáp án:** A. Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

**Câu 529. Theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ mức độ đảm bảo xác thực người dùng khi đăng nhập tài khoản dựa trên ít nhất bao nhiêu yếu tố xác thực của tổ chức, cá nhân?**

A. 2 yếu tố.

B. 1 yếu tố.

C. 3 yếu tố.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

**Câu 530. Theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ, cán bộ, công chức, viên chức thông báo về việc tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho tổ chức, cá nhân không muộn hơn bao nhiêu giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận?**

A. 5 giờ làm việc.

B. 8 giờ làm việc.

C. 7 giờ làm việc.

**Đáp án:** B. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

**Câu 531. Theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ, cơ quan nào có trách nhiệm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công Quốc gia phục vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong giải quyết thủ tục hành chính?**

A. Bộ Tài chính.

B. Văn phòng chính phủ.

C. Kho bạc Nhà nước.

**Đáp án:** C. Theo quy định tại Khoản 9 Điều 13 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.